

VŨ HÙNG

Phía
Tây
Trường
Sơn

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG



Scanned with CamScanner



VŨ HÙNG

Phía
Tây
Trường
Sơn

NHÀ XUẤT BẢN KINH ĐÔNG



Scanned with CamScanner



PHÍA TÂY TRƯỜNG SƠN



Tác giả: Vũ Hùng



Quét mã QR code để truy cập nhanh nhóm trên Facebook.

Facebook: ebookdep

Nguồn: TVE



Mục lục

Tóm tắt

Chương I

Chương II

Chương III

Chương IV

Chương V



Phía tây Trường Sơn là truyện dài của nhà văn Vũ Hùng, do Nhà xuất bản Kim Đồng xuất bản lần đầu năm 1977. Tuy được xếp là loại truyện "thiếu nhi", nhưng thực ra Phía tây Trường Sơn là một câu chuyện về người lớn, những nhân vật chính đều là người lớn đã trưởng thành và hầu như cũng không có những tình tiết theo kiểu vui đùa, nghịch ngợm tuổi thiếu nhi mới lớn.

Đây là câu chuyện về một tiểu đội bộ đội tình nguyện Việt Nam gồm 3 chiến sỹ, trong những năm kháng chiến chống Pháp được cử sang Lào học nghề quản tượng (nuôi dạy voi).

Thực hiện nhiệm vụ, họ đã vượt Trường Sơn, đi vào nước Lào, làm quen với thiên nhiên, phong tục tập quán, nét văn hóa và con người xứ sở triệu voi. Qua đó, chúng ta cảm nhận người Lào thật đôn hậu, hiền lành. Một đất nước của sự thanh bình, yên lặng - dù đang ở thời kỳ chiến tranh.

Đó là ấn tượng không thể nào quên về nét e ấp, dễ thương và đầy băn khoăn của cô gái Lào khi cho chàng trai chiến sỹ người Việt Nam vào phòng riêng của mình ẩn nấp trước sự truy tìm của giặc Pháp. Theo phong tục người Lào, không ai

được phép vào phòng một cô gái chưa có chồng. Trong căn phòng ấy có những đồ vật gì? Cô gái ấy đã nói gì khi hai người chia tay nhau?...

Đó là tập tục phóng sinh, ăn tết của người Lào, là lễ đầy tháng một em bé, là những buổi "ăn chua" giữa các chàng trai và cô gái ở làng Vòng Xây

Đặc biệt, Phía tây Trường Sơn là một công trình khoa học sinh động và đồ sộ, với biết bao tri thức thú vị về loài voi. Hóa ra loài vật khổng lồ có phần cục mịch, chậm chạp đó lại hết sức thông minh, dũng cảm, trung thành và biết sống tình nghĩa với con người. Tiểu sử của mỗi con voi được ghi ở đâu?

Câu chuyện về Ông Một, một con voi cô độc lang thang trong rừng suốt nhiều chục năm? Đây là con voi nhà hay voi rừng? Tại sao cứ mỗi năm một lần ông Một lại về làng, đi ra khu vườn rồi u uất rống kêu, mắt nhòa lệ rồi lâm lũy bỏ đi? Thật không thể nào quên!

Một cuộc săn voi diễn ra như thế nào? Cuộc chiến đấu sinh tồn giữa đàn voi rừng và đàn voi nhà ...

Hãy cùng đọc và cảm nhận. Ta sẽ thấy thêm yêu quý đất nước và con người Lào.



Chương I

Người sĩ quan tham mưu trải tấm bản đồ trên mặt một phiến đá rộng nằm dưới một lùm cây rừng. Ba chiến sĩ vây quanh ông: tiểu đội trưởng Hưng và hai đội viên Sơn, Đức. Họ đều trẻ măng, tiểu đội trưởng Hưng lớn tuổi nhất cũng chưa quá hai mươi.

Hôm trước, họ được lệnh thanh toán sáu tháng tiền ăn rồi mang ba lô lên trung đoàn bộ. Có lệnh phải đi gấp. Ai cũng băn khoăn, dò đoán. Có lẽ về khu dự một khóa quân chính? Hay vượt Trường Sơn đi chuẩn bị chiến trường?

Mọi dự đoán của họ đều sai. Một nhiệm vụ khó khăn và bất ngờ đang chờ họ.

Trung đoàn quân tình nguyện Việt Nam tại Trung Lào phải thường xuyên qua lại Trường Sơn, khi thì về căn cứ, khi thì sang vùng du kích của anh em Pa-thét Lào. Trên những con đường đầy dốc đèo hiểm trở, không có phương tiện vận tải nào thích hợp hơn voi. Anh em Lào tặng cho trung đoàn ba con voi. Hưng cùng hai đội viên được cử đi học điều khiển và gióng chúng về.

Chính "ông trung đoàn" đã trực tiếp gặp họ. Ông nói:

- Trung đoàn thành lập một đội voi tải. Các đồng chí sẽ thành những quản tượng đầu tiên của trung đoàn ta. Học xong, các đồng chí sẽ về huấn luyện cho nhiều người khác.

Các chiến sĩ lặng im. Lệnh đột ngột quá. Có lẽ không ai thích làm quản tượng vì đã ai biết quản tượng là gì đâu. Ở đơn vị với anh em, sống chết vui buồn có nhau đã quen nên chẳng ai muốn đi xa. Nhưng các chiến sĩ vốn yêu mến người chỉ huy và quen phục tùng mệnh lệnh. Họ sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ, chỉ mong khi đánh giặc xong, ai nấy được trở lại với những công việc bình thường của mình. Thế là họ ra về, chuẩn bị lên đường.

Một sĩ quan tham mưu phổ biến nhiệm vụ cho họ:

- Đây, các cậu phải vượt dãy núi này – ông nói, tay lượn theo dãy núi và những cánh rừng được vẽ thành những vân màu xanh xám trên bản đồ – Sẽ có một người dẫn đường đưa các cậu tới khu du kích của anh em Lào. Đoạn đường này không có bản làng nhưng sang đến phía tây Trường Sơn thì đường đã dễ đi. Anh em Lào sẽ đưa các cậu xuống làng Vông-xay dưới Nam Lào. Người làng Vông-xay nuôi voi như nuôi trâu, các cậu sẽ học thành quản tượng ở đó.

Người sĩ quan tham mưu chỉ tay vào một chấm đen. Bản Vông-xay nằm trong vùng ba biên giới, phía nam giáp Cam-puchia và phía đông giáp vùng Tây Nguyên của Việt Nam.

Để tránh đồn địch và những đoạn đường bị chúng kiểm soát, các chiến sĩ phải vạch lối đi trong rừng già Trường Sơn. Theo vết tay của người sĩ quan tham mưu, các chiến sĩ thấy đường họ đi chỉ là những nét đứt đoạn giữa những vân núi. Đỉnh núi được ghi bằng các chiều cao, ngọn 1270, ngọn 1420, ngọn 1035... Từ phía căn cứ, đường lên ngày một dốc nhưng đến biên giới thì xuống thấp dần.

Người sĩ quan tham mưu lấy trong xà cọt một chiếc địa bàn đặc biệt. Chiếc địa bàn này có một bánh xe và một mặt số. Ông lăn bánh xe theo các vân núi, chiều dài đoạn đường hiện lên trên mặt số và được đối chiếu với tỷ lệ xích của bản đồ.

Từ phía đông sang đến phía tây Trường Sơn: hơn một trăm cây số đường hiểm trở, lượn theo các ngách núi. Trên thực địa, đường lên dốc, xuống vực, dài ít ra cũng gấp ba bốn lần. Còn từ biên giới xuống đến làng Vông-xay, đường bằng phẳng hơn, dài ba trăm tám mươi cây. Nhưng đó chỉ là ước toán vì đường trên bản đồ có bao giờ phản ánh đúng đường trên thực địa, dù bản đồ đó là bản đồ tham mưu.

Các chiến sĩ phải chuẩn bị lương ăn hai mươi ngày để vượt Trường Sơn. Sang đến khu du kích Lào, anh em bộ đội Lào sẽ lo ăn uống cho họ. Họ được phép, trong những trường hợp thật cần thiết, vay lương thực của dân và làm giấy biên nhận. Sau này, đơn vị sẽ mang các đồ dùng như dao, rựa, thuổng, cuốc, nồi đồng, muối... lên trả nợ.

Tiểu đội trưởng Hưng được chỉ định là người phụ trách. Anh có nhiệm vụ đưa các chiến sĩ đến làng Vông-xay, tới nhà

một bác dạy voi tên là Bun-mi.

- Chúng tôi sẽ học ở làng Vông-xay bao lâu? – Tiểu đội trưởng Hưng hỏi.

- Nếu học nhanh thì về sớm. Có thể chừng một năm hoặc một năm rưỡi.

- Trời! Sao lâu thế?

- Thế đấy! Anh em Lào bảo như vậy đã là nhanh. Chỉ riêng làm quen với lũ voi cũng đã phải mất hàng tháng. Thế mà lại còn phải học điều khiển chúng, dạy chúng quen với đường xa, quen súng đạn.

Sau khi trao nhiệm vụ và căn dặn các chiến sĩ phải giống đàn voi về căn cứ an toàn, người sĩ quan tham mưu đưa cho mỗi người một ít đồng "kíp" làm tiền giắt lưng: Ông còn trao cho mỗi người một cuốn sách "Tự học tiếng Lào".

Các chiến sĩ giở thoáng một vài trang, xem qua các tấm ảnh. Ảnh một vùng trời nước mênh mông với một đàn voi và một bờ xa, dưới đề "Hoàng hôn trên Nậm Khoảng"* . Ảnh những cây đại đầy hoa trước một ngôi nhà sàn xinh xắn, đề "Mùa hoa Champa"*...

- Các cậu phải cố học mỗi ngày dăm câu – người sĩ quan tham mưu căn dặn – Mọi việc bây giờ phải lo liệu lấy, không thể mỗi lúc lại đi tìm người phiên dịch như khi còn ở đơn vị. Có gì không hiểu thì cứ hỏi người đưa đường. Làm thế nào để sau khi vượt Trường Sơn, các cậu đã có thể tự hỏi đường và tìm nơi ăn ngủ.

Các chiến sĩ bắt tay ngay vào công việc chuẩn bị. Mỗi người mang theo mười lăm cân gạo, đựng trong một bao to để vác vai và một bao nhỏ buộc quanh bụng. Họ rang thịt với muối, đúc đầy ba ống tre làm thức ăn khô. Mỗi người được phát hai lọ "mắm kem" – một thứ nước mắm thơm phức, đã được cô đặc để tiện mang đi đường, – một ít vừng lạc để ăn thay mỡ cùng vài chục bánh đường đen, thứ đường vẫn bán ở chợ làm nhân bánh trôi nước. Ngoài ra họ còn được phát bản đồ, địa bàn, bật lửa và đá lửa, thuốc phòng sốt rét..., nghĩa là đủ mọi thứ cần thiết cho người đi đường xa trong rừng.

Các chiến sĩ chia lương thực và các đồ dùng thành bốn phần đều nhau: ba phần cho họ, còn một phần dành cho người đưa đường.

Hai hôm sau, người sĩ quan tham mưu dẫn một ông già đến lán các chiến sĩ.

- Đây là bộ Cao – ông giới thiệu.

Ông già Cao được chính quyền địa phương cử đến dẫn họ sang khu du kích Lào, theo một con đường bí mật. Hồi Pháp thuộc, ông già thường đi lại trên con đường này: hằng năm ông vẫn cùng người làng gánh muối sang đổi trâu bò ở các làng Lào rồi đem về bán dưới đồng bằng.

Ông già Cao đã trên sáu mươi tuổi nhưng còn tráng kiện, nhanh nhẹn. Ông thuộc lứa người hoạt động, xông pha nắng gió nhiều nên lâu già. Vóc người ông cao lớn, râu tóc còn đen, thỉnh thoảng mới thấy một vài sợi tóc bạc. Ông quấn khăn đầu rìu bằng nhiễu tím, mặc một bộ quần áo nâu đã cũ, ngoài phủ

bộ cánh nái nhuộm vỏ đà. Hành lý của ông gói gọn trong một tấm vải đeo trên vai, tấm vải đồng thời dùng làm chăn. Ông mang theo một con dao rừng to bản, một cây ná đã lên nước nâu bóng và một ống tên đầy.

Công việc đầu tiên của ông già Cao là giúp kinh nghiệm đi đường cho các chiến sĩ. Tiểu đội trưởng Hưng báo cáo tình hình chuẩn bị của họ. Nghe xong, ông già cứ lắc đầu hoài:

- Chưa được! Thế thì chưa được!

Đoạn đường vượt Trường Sơn tuy hoang vu, không làng bản nhưng không đáng lo. Các chiến sĩ chỉ cần đem theo gạo muối, còn mọi thức ăn đều có thể tìm được ở dọc đường.

Họ có thể kiếm thịt tươi trong rừng: trước khi đi ngủ chỉ cần đặt vài cái bẫy nhỏ trên lối xuống bên nước là đến sáng ít ra cũng được một con chồn, con nhím hoặc một chú cheo cheo. Nếu không muốn đặt bẫy thì sau bữa ăn chiều có thể soi đuốc đi bắt cua hoặc chém cá. Những con cá rất lớn ở các suối rừng, chưa hề bị săn bắt, cứ thấy ánh đuốc là lượn lờ tìm đến. Còn rau tươi thì không thiếu gì: ở những đầm lầy dưới thung lũng có rau sùng, rau ngổ, củ ấu, ven suối có nấm, rau ớt, mũi mác, cỏ phồng, cải xoong, rau đay, ở những nơi khô cạn hoặc trên đồi có me rừng, bầu đất dại, dây bìm, chua ngọt, cườm cườm; ở ven rừng và trên các nương rẫy bỏ hoang có mào gà trắng, cúc dại, mảnh cộng, lạc tiên, rau tàu bay..., và ngay trong rừng, dưới bóng các cây khác, cũng có rau ngon như tai voi, móng ngựa, chua kham, môn thực...

Theo ông già Cao thì cần chú ý đến đoạn đường bên phía tây Trường Sơn hơn. Đường bên ấy nhiều làng bản, dễ kiếm thức ăn nhưng phải đề phòng địch phục kích hoặc càn quét. Họ có thể lạc đường và dù sao nơi đó cũng là "đồng đất nước người", các chiến sĩ chưa quen "thung thổ" lại chưa thạo tiếng.

Ông già hỏi:

- Anh em mang theo mỗi người bao nhiêu viên đá lửa, bao nhiêu cân muối?

- Mỗi người mười viên – tiểu đội trưởng Hưng trả lời – còn muối thì phần lớn đã trộn vào thịt làm thức ăn khô cho tiện.

- Không được! – Ông già lại lắc đầu.

Ông bảo các chiến sĩ phải bỏ bớt gạo để mang thêm ít nhất là mười cân muối. Sang đến các bản làng bên phía tây Trường Sơn, có muối là khắc có gạo. Một cân muối có thể đổi được hai mươi cân gạo nếp, lại vừa giúp anh em du kích Lào khỏi phải xuống mua muối ở các chợ xa.

Ngoài ra ông già khuyên các chiến sĩ hãy đem sinh hoạt phí xuống chợ mua các hàng lặt vặt như đá lửa, kim chỉ, gương lược... Đường bên phía tây Trường Sơn đi qua nhiều vùng xa chợ, ở đó người dân không quen tiêu tiền và không quen mua bán. Cứ vài tháng lại có người thồ hàng trên lưng voi tới làng. Họ đổi gà lợn, thóc gạo, da thú và các lâm sản quý lấy đồ dùng hằng ngày và vải vóc. Một bát muối hoặc dăm viên đá lửa đổi một đôi gà. Vài sải vải, kèm thêm ít túm chỉ màu và cái gương cái lược cho các cô gái là đủ để đổi một con lợn ba bốn yến.

Nghe lời ông già, tiểu đội trưởng Hưng xin lĩnh thêm muối và cử người xuống chợ mua hàng. Sáu tháng sinh hoạt phí của họ chẳng được là bao: tiểu đội trưởng Hưng mỗi tháng được phát một khoản tiền tiêu vật tương đương với giá bốn cân gạo, còn các chiến sĩ thì lĩnh ba cân. Họ dồn hết tiền, mua thêm được dăm chục viên đá lửa, một ít đồ dùng khác và vài chục vuông vải. Các chiến sĩ thấy thế ít quá nhưng ông già Cao bảo là đã tạm đủ cho chuyến đi, có thể còn dư đôi chút để xuống làm quà cho người làng Vông-xay.

- Anh em đã có một kho đồ quý trong tay rồi – ông già vui vẻ nói – Anh em có thể đi mấy tháng trên đường mà không gặp khó khăn.

Trên đất Lào, người đi đường xa với cái túi rỗng cũng có thể đến mọi nơi. Người Lào mến khách và không vụ lợi, nhiều khi nuôi khách hàng tháng trong nhà. Họ làm việc đó vì lòng nhân đức, không đắn đo, không mong được đền ơn dù họ cũng rất nghèo. Chỉ cần bước lên sàn là đã được họ mời ăn, khách lỡ đường không cần phải cầu xin. Khi ra đi, chỉ cần vài lời cảm ơn hoặc nếu có một vật gì đó tặng cho họ thì họ đã lấy làm sung sướng lắm.

Các chiến sĩ bỏ bớt gạo lại. Tuy vậy mỗi người đã mang trên vai đến mấy chục cân. Ngoài ra họ còn phải mang vũ khí: tiểu đội trưởng Hưng đeo một cây súng trường cũ kỹ và dài nghêu, các chiến sĩ khác đeo mỗi người hai quả lựu đạn bên sườn. Những đồ vật mua được cũng chia đều làm bốn, mỗi người giữ một phần phòng khi lạc nhau còn có cái dùng.

Chuẩn bị xong, đoàn người lên đường. Hôm ấy là một ngày giữa mùa xuân năm 1947.

*

Trời mới tang tảng sáng, Hưng đã cựa mình tỉnh dậy. Nằm trên nệm lá khô anh ngỡ mình vẫn đang ở giữa làng quê. Gió rì rào chung quanh, như bên những khóm tre làng. Một con gà vỗ cánh gáy đầu đó, trong những bờ bụi còn vương vất bóng đêm. Cũng giống ở dưới làng, những con gà khác liền đua nhau gáy theo, tiếng nọ nối tiếp tiếng kia tưởng như đang lan tới các chòm xóm xa gần.

Nghe lũ gà gáy sớm, bầy vượn liền lên tiếng. Từ trên ngọn cây và vách đá, những tiếng hú trầm bổng cùng nổi vang dội. Buổi sớm vắng lặng bỗng trở nên náo nhiệt.

Cảm giác mà tiếng gà đưa tới đã tan: Hưng nhớ lại anh đang ở giữa Trường Sơn. Sớm nay là sớm thứ tám anh tỉnh dậy giữa rừng.

Đêm qua vẫn không xảy ra chuyện gì khác thường. Nhưng Hưng và các chiến sĩ đều đã bắt đầu biết: rừng đêm im lặng song không bao giờ yên tĩnh. Trong bóng tối, mọi vật len lén đi kiếm ăn. Cuộc sống rừng là một cuộc vật lộn âm thầm nhưng ác liệt. Con nào cũng muốn nhìn thấy con khác và muốn che giấu mình, dù chúng tấn công hay lẩn tránh.

Mỗi đêm giữa rừng hoang là một đêm khắc khoải. Giấc ngủ trở nên chập chờn. Biết bao cặp mắt rình các chiến sĩ trong

bóng tối sâu thẳm, còn họ thì chẳng nhìn thấy gì bên ngoài đồng lửa.

Buổi chiều khi dừng chân, ông già Cao thường cố chọn một chỗ thuận lợi: một bên nước xa vách núi và ít dấu chân, một chỗ nằm quang đãng xa những bụi rậm mà thú dữ có thể rình nấp, một chỗ nhiều củ để đốt lửa được thâu đêm. Bao giờ ông già cũng nhận phiên canh quan trọng nhất, từ nửa đêm đến gần sáng, giờ mà thú dữ thường ráo riết đi săn mồi. Ông như nhìn thấy và nghe thấy hết: từ tiếng vỗ cánh thoang thoảng của con cú bên trên các vòm cây đến tiếng bước êm như nhung của con báo lảng vảng trong bóng tối. Nhiều khi đang nằm yên, ông già bỗng nhồm dậy, lắng nghe. Không ai bảo ai, mọi người đều nhồm dậy, tay nắm lấy vũ khí. Phải chờ đến khi ông già bẻ thêm củ ném vào bếp và thông thả nằm xuống thì mọi người mới yên tâm nằm xuống theo.

... Qua một đêm giá lạnh, đồng lửa đã tàn. Ông già Cao cùng người trực nhật dậy trước đang gầy lại bếp, nấu bữa ăn sáng. Ông ngồi im lặng hút thuốc, thỉnh thoảng lại phả từng đám khói vào làn sương sớm. Khói thuốc cay cay cùng hơi cơm sôi nóng hổi hòa theo lửa ấm loang loang tới các nệm lá. Khi các chiến sĩ thu xếp xong ba lô thì cơm vừa chín. Họ xuống suối đánh răng rửa mặt rồi về ngồi ăn quanh đồng lửa.

Từ ngày đi sâu vào lòng Trường Sơn, tới các vách đá nơi bầy vượn ăn náu thì bữa cơm sáng trở lên ồn ào. Ai muốn nói điều phải nói thật to mới át được tiếng hú miên man của lũ vượn trên đầu.

Phải đợi khi nắng lên, vượn kêu đã mỗi thì rừng mới trở lại im ắng. Giờ này là giờ chúng vui đùa. Chúng thoát nhảy lên, thoát lao tới, có lúc kết thành một sợi dây vắt ngang, đu đưa giữa hai cành cây. Nhưng một đầu dây bỗng rời ra, cả bầy buông mình thông xuống. Rồi con cuối cùng lại đu lên, bắt lấy một cành cây khác và cứ thế cái dây vượn đen kịt nhịp nhàng vắt từ cây nọ sang cây kia như một con sứa đo rất lớn.

Bao giờ sương tan hết, các chiến sĩ mới lên đường.

Trong lúc chờ đợi, ông già Cao dạy mọi người vài câu tiếng Lào. Người đi đường xa cần nhất phải biết hỏi đường và tìm nơi ăn ngủ. Những câu đầu tiên mà các chiến sĩ học cũng nhằm mục đích ấy.

Ông già Cao đọc to từng câu, các chiến sĩ lần lượt đọc theo. Chỉ sau mấy hôm, ai cũng đã thuộc được dăm bảy câu thông thường để chào hỏi, mua bán và tìm đường.

Buổi sớm mới ra đi, chân còn dẻo, lưng còn cứng, mọi người đều hăng hái. Trời tạnh ráo, ấm áp, sau những cơn lạnh kéo dài. Bướm bay đầy trên những khoảng đất còn ẩm, nơi có những đám rêu xanh. Chim đi tìm sâu, nhảy lách tách trong bụi rậm. Từng bầy sóc ngồi ăn trên các cành cây, thỉnh thoảng lại lấy chân trước đập đập lên những sợi râu và chom chớp cặp mắt đen láy để nhìn người.

Rừng đã trút bỏ tấm áo mùa đông và mặc xong tấm áo rực rỡ của mùa xuân. Các đồi gianh dạt dào dưới xa, xanh rờn. Đâu đâu cũng thấy hoa lá tươi non. Những lớp rêu mới mịn như nhung phủ kín các vách núi trước đây xám ngắt. Cả đến các cây

cổ thụ già nua cũng trẻ lại. Chúng giữ hết những chiếc lá úa màu vàng chanh xuống đầy dưới gốc và từ những cành trước đây còn khẳng khiu trơ trụi đã nảy ra những vàng lá non bát ngát.

Không còn thấy những con thú đói ăn gầy guộc của mùa đông, lưng mang bộ lông đang rụng, bạc màu và xơ xác. Cây cỏ đầy chồi xanh, thức ăn thừa thãi, con vật nào cũng no béo. Bọn thú có gạc đã thay xong bộ lông mới. Chúng lũ ba lũ bảy rong ruổi rừng xuân, cứ như trời sinh ra mùa xuân là cốt để cho chúng thỏa thích chơi bời. Có khi chúng đưa nhau đến sát đường đi. Bạo dạn nhất trong bọn có lẽ là lũ cà toong. Chúng có những cặp tai to bên trong phủ lông trắng muốt, những cặp sừng nhiều nhánh dài và mảnh dễ. Bộ áo của chúng làm chúng lẫn hẳn vào khung cảnh chung quanh: màu lông nâu lẫn vào màu đất rừng và những dấu sao trắng trên lưng lẫn với những đốm nắng lọt qua các kẽ lá.

Các chiến sĩ muốn bắn một con vì thức ăn đã cạn. Chỉ cần đường hoàng lại gần chúng, giơ súng lên và nếu muốn chắc chắn thì tì súng vào một cành cây.

Ông già Cao đã ngăn họ:

- Thôi đừng! Đang mùa xuân, để cho chúng sinh đẻ. Thế anh em không nghe thấy tiếng gì hay sao?

Các chiến sĩ còn đang ngỡ ngác thì ông già đã nói tiếp:

- Tiếng đàn xuân! Đây, đàn đang gảy đây!

Mọi người lắng nghe. Chỉ thấy tiếng lá rì rào, tiếng chim hót ở xa, tiếng róc rách của những con suối chồm có nước, tiếng khua của những cặp sừng cà toong và tiếng móng của chúng bước nhẹ trên đường.

- Có thấy tiếng đàn nào đâu? – Các chiến sĩ cùng hỏi.

- Đây, đàn đang gảy đây! – Ông già mỉm cười nhắc lại, chừng như ông nghe rõ lắm.

Mọi người lại hết sức lắng nghe. Mãi sau họ mới phân biệt được trong tiếng rừng lao xao, có những tiếng gì đó thỉnh thoảng lại rung lên khe khẽ, như tiếng rung của những dây tơ giữa tiếng chim kêu thoang thoang. Đó là tiếng của các giọt nước rơi từ thạch nhũ xuống vũng. Chúng ngân vang trong những hang động sâu thẳm, dội đi dội lại nhiều lần qua các vách đá trước lúc bay ra ngoài.

Ông già Cao hỏi:

- Cái tiếng rung rung ấy, anh em nghe có giống tiếng đàn không?

Ông già bảo người các làng gọi đó là tiếng đàn xuân.

Một truyền thuyết dễ thương đã được thêu dệt quanh tiếng nước rơi từ các thạch nhũ: mùa xuân, thần gió căng những dây đàn trên cặp gác của bọn cà toong và bọn hươu nai, đánh lên thánh thót theo tiếng chim, cho muôn loài vui chơi ca hát. Cứ lắng nghe đi, sẽ thấy tiếng đàn ấy giữa muôn thứ tiếng rừng. Vì thế mà vào mùa xuân, bọn cà toong và hươu nai được coi là

những con vật thiêng liêng. Không ai săn bắt chúng trong những ngày ấy. Mà có săn bắt thì cũng trượt mỗi...

Ông già Cao kết luận:

- Ai cũng biết đây là chuyện hoang đường vậy mà vẫn cứ tuân theo. Đó là một tục lệ để giữ mỗi săn: mùa xuân là mùa chúng sinh sản.

Hình như bọn cà toong tinh khôn biết được điều đó. Vì thế mà chúng chẳng hề sợ sệt khi thấy bóng người. Lũ cà toong non lại gần đường đến nỗi tưởng chừng có thể lấy tay sờ được vào những mạng sườn phập phồng của chúng! Cả bầy cùng ngẩng cổ lên, ngả đôi gạc được dùng để căng dây đàn ra sau lưng, đứng nhìn các chiến sĩ bằng đôi mắt ngơ ngác trong veo.

*

Trời chiều. Vào những buổi chiều xuân ấm áp, rừng Trường Sơn tràn đầy ánh nắng. Nắng vàng hoe trên những cây cổ thụ cao ngất, tán chạm trời xanh. Từng đàn chim về tổ vỗ những cặp cánh sắc sỡ, vẽ trong nắng những đường bay lấp lánh.

Dưới vòm cây, các chiến sĩ đang rảo bước. Nhân những ngày nắng ấm, họ cố đi cho được nhiều đường.

Ông già Cao dẫn đầu đoàn người. Ông vẫn đeo gói hành lý trên vai, giắt ngang lưng con dao rừng to bản, tay cầm cây ná nâu bóng. Bộ cánh nai nhuộm vỏ đà của ông đã bị gai cào rách ba bốn chỗ.

Càng vào sâu, rừng già càng vắng lặng, chỉ nghe tiếng sột soạt như tiếng đất hoang tựa mình đón bước chân người.

Chợt một tiếng rống dội lên rền vang. Tiếp sau có tiếng chân nặng nề đập trên lá rụng. Ông già Cao kêu to:

- Voi! Có Voi!

Trong khoảnh khắc, các chiến sĩ đã nấp những gốc cây. Tiểu đội trưởng Hưng chìa súng về phía tiếng động.

Riêng ông già Cao vẫn đứng giữa đường. Ông lắng nghe rồi trở nên nhanh nhẹn, mắt bừng sáng vì một niềm vui bất ngờ. Ngoảnh lại phía sau, thấy Hưng đang chuẩn bị bắn, ông xua tay:

- Buông súng xuống! Ông Một đẩy mà! Đừng làm ông Một giận.

Ông Một dừng đỉnh bước ra khỏi lùm cây. Đó là một con voi đực già. Nó chỉ còn một chiếc ngà nguyên vẹn, còn chiếc kia đã gãy. Da nó nhăn nheo, trán gồ cao, cặp mắt đã mờ đục và cái ngà thì trĩu xuống như quá nặng đối với sức nó. Chỉ duy cái dáng đi của nó là còn giữ được vẻ hùng tráng của loài voi. Con vật bước những bước nặng nề nhưng điềm đạm, tự tin, vừa vung vẩy cái vòi dài, vừa thông thả tiến về phía đoàn người.

Đội con vật đến trước mặt, Ông già Cao đặt cây nã xuống đất và cung kính cúi chào:

- Chào ông Một ạ!

Chào xong, ông vẫy các chiến sĩ. Từ sau các gốc cây, họ lậ lùng đi tới.

Con voi đứng lại, đưa vòi lên hít hơi ông già. Cái dáng già nua của nó làm ông lão buồn thiu. Ông vuốt mãi cái vòi và lắc

lắc chiếc ngà rồi bỗng run run nói:

- Ai ngờ lại gặp ông Một ở đây. Lâu nay ông có mạnh giỏi không? Chao ôi! Ông Một già đi quá, cái ngà của ông lung lay sắp rụng mất rồi.

Con voi buông vòi xuống. Các chiến sĩ thấy trên cái lưng xương xẩu của nó những vết hằn. Đó là dấu cái bánh, ở đó lông không mọc lại và da đóng sẹo.

Ông già Cao trầm ngâm nhìn mãi lớp sẹo, tưởng chừng ông đang tìm lại ở đó những vết cũ này đã phai mờ. Lát sau ông đưa bàn tay gầy khô lên giụi mắt và quay lại hỏi:

- Ai có đường cho tôi một bánh.

Tiểu đội trưởng Hưng lấy một bánh đường phèn trong túi đưa cho ông.

- Vài bánh nữa! – Ông già Cao giục.

Sơn và Đức cùng tiến lại, lấy phần đường của họ trao cho ông già.

Ông lão bẻ đường, đưa từng miếng cho con voi. Con vật vươn vòi hít lấy, thông thả đưa vào mồm.

Vừa cho con voi ăn, ông già vừa thì thầm:

- Bấy lâu ông Một đi những đâu mà chẳng thấy xuống làng? Người làng đợi ông lắm! Có mấy nương mía vẫn dành đó, chờ ông xuống chơi.

Con voi đã ăn xong. Nó nặng nề nhấc chân, như muốn đòi đi. Ông già Cao lại cung kính cúi chào:

- Chào Ông Một về. Đêm nay chúng tôi ngủ lại gần đây, nhờ ông xua thú dữ đi cho chúng tôi được ngủ yên.

Con voi rống một tiếng rền vang. Nó hít hơi ông già và lần lượt hít hơi từng người rồi thông thả bỏ đi trước những cặp mắt kinh ngạc của các chiến sĩ.

Mọi người trông theo cho đến khi cái bóng to lớn của con vật khuất sau những hàng cây.

Họ ngủ lại dưới rừng thông, một trong những rừng thông thường gặp trên các đỉnh núi cao của dãy Trường Sơn. Đêm se lạnh, không khí nhẹ lâng, ngào ngạt. Lá thông reo hát vi vu và nhìn qua đám lá lăn tăn, thấy muôn nghìn vì sao lấp lánh trên trời đêm tím biếc.

Ông già Cao đốt một đồng lửa bằng củi thông thơm phức. Câu chuyện bắt đầu:

"...Ngày ấy qua đã lâu rồi. Nghĩa quân của đề đốc Lê Trực* dựng căn cứ chống Pháp trong những cánh rừng này. Họ đã chống giặc nhiều năm nhưng sự nghiệp không thành. Giặc vây hãm và nghĩa quân dần dần tan tác.

Ông đề đốc buộc phải về quê đợi thời. Trong quân có một con voi trận đã từng bao phen cùng ông đề đốc xông pha lửa đạn. Ông tặng con vật cho người quản tượng thân tín, người này đưa nó về làng.

Khi ấy con voi còn trẻ đẹp. Nó đen bóng và to lớn. Con vật trông nặng nề, nhưng rất khôn ngoan. Cặp mắt nó nhỏ và lim dim suốt ngày như bị chói nắng thế mà nhìn thấu cả cái lá

động từ xa. Hai tai nó to bằng hai cái quạt lúa và luôn luôn ve vẫy. Khi nó xòe tai lắng nghe thì không một tiếng động nào có thể lọt qua. Cái vòi của nó đầy căng hai chét tay người lớn, lúc nào cũng đung đưa mềm mại. Mỗi lần ông đề đốc đưa nó ra trận, cái vòi của nó quạt ngang quạt dọc làm những tên giặc Tây bắn vung lên như những cọng rơm. Bốn chân con voi sừng sững như bốn cột đình. Bàn chân to nện trên đất rừng thành thịch. Nhưng bốn cẳng chân đó có thể chạy thoăn thoắt, cuốn bụi và đưa cái mình to lớn của con voi lao đi, xô vào lũ giặc như núi lở.

Con voi còn có một đôi ngà dài và đẹp, trắng ngần, hai đầu nhọn hoắt như hai mũi gươm. Nhưng một chiếc ngà đã bị bắn gãy, chỉ còn một chiếc nguyên vẹn nên con vật càng ra công mài giũa. Thỉnh thoảng trong lúc đợi ăn nó vẫn cọ chiếc ngà vào cái cột gỗ nơi nó bị xích chân, cho thêm bóng.

Ra trận với chiếc ngà duy nhất, con voi càng xông xáo, dữ tợn. Nó đã lập nhiều chiến công. Nghĩa binh trù mền gọi nó là "Ông Một".

Nhưng mọi cái đó giờ không còn nữa.

Từ ngày rời căn cứ, con voi trở nên ủ rũ. Nó nhớ ông đề đốc, nhớ đời chiến trận, nhớ rừng và gầy rạc đi vì cuộc sống tù túng dưới làng. Nó vẫn giúp người quân tượng phá rẫy, kéo gỗ, nhưng chỉ khuây khỏa những lúc làm việc rồi sau đó lại đứng buồn thiu. Có bận nó bỏ ăn, không đụng vòi đến một ngọn mía, một sợi cỏ.

Người quản tượng hiểu lòng con voi. Nó là nguồn an ủi của ông trong lúc sa cơ. Ông chưa từng sống với ai lâu như sống với nó. Ông quen nó quá, khó xa rời nó được. Vậy mà ông vẫn quyết định thả nó về rừng, nơi nó ra đời.

- Một mình ta chịu tù túng cũng đủ rồi – người quản tượng thường tự bảo – Còn nó, nó phải được buông thả.

Người quản tượng định ninh rằng gặp thời vận, đề đốc Lê Trực sẽ lại dấy quân và lúc đó ông sẽ đi đón con voi trở lại. Ông để con vật nghỉ hết vụ hè và vỗ cho nó ăn. Ngày nào ông cũng cho nó ăn thêm hai vác mía to và hai thùng cháo. Ông coi con voi như con em trong nhà, giục giã nó:

- Ăn cố đi, ăn cho khỏe, lấy sức mà về. Rừng già xa lắm, phải có sức mới đi tới nơi. Bao giờ chủ tướng dấy quân, lúc đó ta sẽ đón em trở lại.

Con voi đã cố ăn suốt mùa hè nhưng sang đến mùa thu thì không chịu ăn nữa. Trời thu yên tĩnh, gió rì rào đưa về làng hương vị của rừng xa. Con vật cứ vươn vòi đón gió và buồn bã rống gọi. Nó héo hon đi như một chiếc lá già.

Người quản tượng biết gió thu nổi làm con voi nhớ rừng. Ông quyết định thả ngay nó đi.

Một sớm, ông mời rất cả các bô lão trong làng đến nhà để chia tay với con voi. Họ đều thân thuộc với nó và coi nó như một người bạn. Ai cũng mang đến cho nó một món quà: người mang vác mía, người mang thùng cháo, người mang đến vài bánh đường. Ai nấy đều tự tay đưa món quà của mình lên

miệng con voi. Khi con vật ăn xong, người quản tượng tháo xích ra khỏi chân nó. Nó giãy giãy cái chân đã nhẹ tênh, ra vẻ vừa lòng. Các bô lão đem đến một dây lá thiên tuế, thứ lá rừng tươi xanh được lâu, buộc một vòng quanh ngực con vật. Đó là dấu hiệu để báo với thợ săn trong vùng: con voi của ông đề đốc được buông thả, đừng ai ham chiếc ngà mà săn nó.

Người quản tượng và các bô lão nắm lấy vòi con voi, dắt nó ra đến dòng sông đầu làng. Đến đó, người quản tượng ôm chặt cái vòi vào ngực. Con voi khẽ rút vòi ra, lưu luyến hơi ông già và các bô lão rồi chậm rãi bước xuống dòng sông, chân giẫm vỡ những mảnh trời trong in dưới đáy nước. Lên đến bờ, con vật quay lại vươn vòi rống gọi. Tiếng rống tha thiết làm người quản tượng và các bô lão mủi lòng. Người quản tượng nói theo:

- Thôi, đi cho bình yên! Trời thương, nếu đất nước gặp vận, chủ tướng lại ra quân thì ta sẽ lên núi đón em về.

Con voi đi đâu không ai biết, chỉ thấy hằng năm khi sang thu, nó lại xuống làng. Nó rống gọi rộn ràng từ xa, trước khi lội qua bến sông. Nghe tiếng rống, người làng bảo nhau: ông Một đã về. Họ nô nức cùng người quản tượng ra đón nó ở tận đầu làng.

Con voi theo người quản tượng về mái nhà cũ, quỳ ở giữa sân. Thấy con vật luyến chủ trở về, người quản tượng như trẻ lại. Ông dẫn nó đi tắm rồi hớn hờ đưa nó lên nường – ông vẫn trồng sẵn cho nó một nường mía – thết nó những bữa no nê.

Vào những ngày ấy, nhà ông tưng bừng và chật ních người. Lũ trẻ kéo đến xúm xít dưới chân voi, còn các bô lão thì lại như

xưa, đem đến cho nó đủ thứ quà.

Con voi thường lưu lại nhà người quản tượng vài hôm. Nó giúp ông đủ việc: nó cuốn các ống bắng ra sông lấy nước và không cần người đưa dắt, lên nương lấy vôi quắp những cây gỗ mang về.

Buổi chiều, khi công việc đã xong, người quản tượng đưa nó đi diễu quanh làng. Vắng ông đề đốc cùng lá cờ trận sạm đen khói súng nhưng buổi diễu voi vẫn vô cùng náo nhiệt và trang trọng. Người quản tượng đóng bành, mời các bô lão cao tuổi nhất ngồi lên đó. Còn ông và đứa con trai thì ngồi ở cổ voi, tay khua cây đòng sáng ngời. Lũ trẻ chia làm hai toán: một toán đi trước, gõ tong tong trên những chiếc trống khẩu, toán còn lại thì tay que tay gậy, à à kéo theo chân voi.

Được mười năm như thế, người quản tượng qua đời. Ông mất giữa lúc đất nước còn tối tăm, thời vận dấy quân chưa tới để ông đi đón con voi trở lại.

Lần ấy khi con voi xuống làng thì người quản tượng không còn nữa. Không thấy ông ra đón ở đầu làng, con voi rảo bước về nhà. Nó quỳ xuống giữa sân, rống gọi, rền rĩ hoài mà vẫn không thấy người quản tượng đi ra. Khi biết mọi tiếng rống gọi đều vô ích, con voi lồng chạy vào nhà. Cái thân hình to lớn của nó làm sập khung cửa nhỏ và đổ gãy các đồ đạc. Con vật hít hơi cái giường cũ của người quản tượng rồi buồn bã đi ra, chạy khắp làng tìm chủ. Các bô lão mang mía đến cho nó nhưng con voi không ăn mà cứ lồng chạy như một con voi hoang.

Từ đó mấy năm con voi mới lại xuống làng một lần.

Nó trở nên lặng lẽ, đảo qua cái nhà cũ của người quản tượng, tha thần đi trong sân, vừa tung vôi hít ngửi khắp chỗ vừa khe khẽ rên rỉ rồi âm thầm bỏ đi..."

...Ông già Cao đắm đắm nhìn ngọn lửa đang tàn. Lâu lắm ông mới chậm rãi nói tiếp:

- Ngày cha lão thả ông Một vào rừng, lão còn nhỏ. Lão nhớ khi ông Một ra đi, cha lão cứ im lặng như người câm. Mãi tới khi ông Một về thăm, cha lão mới cười nói. Trong dịp đó, lão thường cùng lũ trẻ xúm xít dưới chân ông Một, xem ông ăn rồi theo chân cha lão, gióng ông đi diều quanh làng. Năm nào không thấy ông Một xuống thì nhớ, cứ ra đứng ngóng ở bên sông. Việc ấy nhắc đi nhắc lại thành lệ, cho đến lúc đứng tuổi mà vẫn còn trông ngóng. Thế nhưng đã mấy chục năm nay không thấy ông Một trở về. Có lẽ vì ông đã già mà đường xuống làng thì xa...

Trời đã khuya. Sương đêm đọng trên cao rơi những giọt lạnh ngắt xuống các chiến sĩ. Ông già Cao chắt thêm củi. Lửa bùng cháy, bốc ngùn ngụt, thổi giạt các tàn lá trên đầu. Các chiến sĩ vun lá thông làm ổ, nằm quanh đồng lửa ấm. Ai cũng thao thức. Lá thông lao xao mỗi khi trở mình, người nọ nghe người kia trần trọc thâu đêm.

Ông Một quanh quẩn đầu đây dưới chân đồi, đôi lúc lại rống gọi. Tiếng ông loang dài trong đêm vắng. Các chiến sĩ nghe trong tiếng gọi có lẫn tiếng hò reo, tiếng gươm đao xô xát và tiếng cha ông giục già lên đường.



Chương II

Đường càng lên cao, càng gai góc, hiểm trở. Dần dần, đó chỉ còn là dấu vết những lối đi mơ hồ của loài thú và những vệt nước chảy kéo dài của mùa mưa năm trước. Ông già Cao và các chiến sĩ cứ nhắm phía mặt trời lặn mà leo. Khắp nơi là những cánh rừng hoang vu, những vách núi cao ngất và giữa chúng là những vực sâu thẳm. Từ vách núi có thể nhìn thấy dưới xa, những túp lều đã sụp đổ, những nương rẫy bỏ hoang lâu ngày nay đã rậm rì, nhưng tuyệt nhiên không thấy bóng người.

Có khi đường đi lọt xuống những thung lũng âm u, lúc nào cũng tràn ngập bóng tối. Đó là nơi con tê giác hiếm hoi sống thầm lặng bên cạnh những vũng bùn. Con vật thường đi lang thang đơn độc vào mùa rét nhưng đến mùa xuân, khi các vũng nước không còn giá băng, nó lại trở về nơi nó thường đắm mình.

Có khi các chiến sĩ thấy nó đang ngủ. Dưới mặt nước đục ngầu, có một khối đồ sộ như một khúc gỗ lớn bám đầy bùn, từ đó thò lên một chiếc sừng nhọn và một cái mõm rộng, bên trong vẳng ra những tiếng ngáy giòn giòn.

Có lúc họ thấy nó đứng im lìm, hai cái tai dài loe rộng và rách bươm vì gai rừng cào xé. Đầu và tấm da dày như tấm áo giáp của nó phủ đầy những tảng bùn khô. Chỉ riêng cái sừng của nó vì luôn được mài vào đá hoặc thân cây nên nhọn hoắt và bóng nhẵn. Nó đứng lạnh lùng nhìn các chiến sĩ, mũi hếch lên để đánh hơi. Đối với nó, hình như người chỉ là những con thú trần trụi, không móng vuốt, chẳng có gì đáng sợ.

Ông già Cao đã quen tính nết của mọi loài thú, bảo rằng con vật rất hiền lành, chỉ nổi giận khi bị chọc tức hoặc bị săn đuổi. Tuy vậy, các chiến sĩ vẫn rất dè chừng. Mỗi khi thoáng thấy bóng nó, họ đứng nấp ngay vào sau các gốc cây, tiểu đội trưởng Hưng chìa súng ra phía trước. Rồi thì hoặc họ đi tránh theo một đường vòng, hoặc ông già Cao quật vào các cành lá để xua đuổi con vật. Thế là nó cúi ngay đầu xuống, khình khịt hai lỗ mũi, ngả cái sừng duy nhất ra phía trước và giận dữ lao đi như một cơn bão.

Trong dịp đi qua xứ sở của loài tê giác, không đêm nào ông già Cao cho đốt lửa. Khác với mọi thú rừng, bọn tê giác cứ thấy lửa và khói là nổi giận. Nó nhắm phía có ánh sáng lao đến, xuyên qua những bụi rậm đầy gai góc và hất tung đồng lửa đi khắp nơi.

Có lúc dưới suối vắng, các chiến sĩ gặp con heo vòi đứng trầm ngâm nghe nước chảy. Nó lớn bằng con bê nhỏ, đầu to, mình dài, môi trên kéo thành một cái vòi, luôn luôn ve vẩy đánh hơi. Có lúc nó vươn vòi lên bờ, bứt lá đút vào mồm. Con vật khoác tấm áo xám, từ lưng xuống đến mông là một mảng

lông trắng như tấm chăn chiên. Bộ lông làm nó hoàn toàn lẫn vào các tảng đá nằm ngổn ngang giữa lòng suối, phải để ý lắm mới phân biệt nổi.

Các chiến sĩ thường thấy nó đứng một mình, ngâm nước đến bụng chân. Loài này bị bọn chó rừng và thú dữ săn đuổi ráo riết. Chẳng có gì để phòng thân, chúng phải ở riêng mỗi con một nơi để giữ gìn dòng giống. Mỗi khi bị săn đuổi, chúng rúc vào những bụi rậm rất dày, có khi đeo cả kẻ thù trên gáy nhảy xuống tận đáy nước, nhờ đó mới thoát thân.

Khi đến gần chỗ có heo vòi, các chiến sĩ đều biết trước. Con vật thường sống chung với bọn cò ngà. Lũ chim này đi lại suốt ngày trên lưng nó, bới lông nhặt bọ ở những nếp da, ở mí mắt, kẽ tai... Con vật cứ đứng im, đôi lúc lại kêu những tiếng trầm trầm, rầu rĩ. Chừng như nó buồn phiền vì cuộc sống lẻ loi, xa đồng loại. Khi các chiến sĩ đến gần, bọn cò ngà bay tủa lên báo hiệu cho bạn. Thế là "oạp", chú heo vòi lặn ngay xuống nước.

Một chiều, đoàn người lên đến đỉnh một ngọn núi cao. Tên ngọn núi được ghi trên bản đồ: ngọn 1457. Nó cao 1457 mét so với mặt biển.

Đứng trên cao chót vót, tưởng như chiều còn sớm. Năng vẫn long lanh đầu núi nhưng ở phía đông, dưới chân núi, sương lam đã bắt đầu buông.

Mọi người cùng nhìn xuống những sườn núi thoải thoải đổ về phía tây.

- Dưới ấy là đất Lào rồi! – Ông già Cao nói.

Trời phía tây vẫn còn vàng rực. Không thấy làng bản, có lẽ chúng ở lấp đầu đó dưới các vòm cây, mà vẫn chỉ thấy rừng rừng núi núi trùng điệp. Các rừng chuối trải rộng mênh mông, xanh ngắt màu lá non, đôi chỗ bắt đầu điểm vài bông hoa đỏ. Những dòng suối lấp lánh, len lỏi dưới chân các trái núi. Xa tấp, sát chân trời, thấy nét lượn nhấp nhô của những dãy đồi.

Hưng bắc ống nhòm, quan sát. Trong các rừng chuối có những tảng lưng đen nhấp nhô, đôi lúc lại ánh lên cái ánh bạc của những cặp ngà trắng.

- Voi phải không? – Ông già Cao hỏi khi Hưng hướng mãi ống nhòm về phía các rừng chuối – Voi Lào đó!

- Nhiều lắm, bộ ạ! – Hưng trả lời trong lúc Sơn và Đức chạy lại, tranh nhau mượn cái ống nhòm trên tay anh.

Ông già Cao gật đầu:

- Phải, nhiều lắm! Mùa này chúng đang đi kiếm ăn ở các rừng chuối. Ngày mai ta sẽ gặp chúng trên đường xuống các làng Lào.

Rồi bầy voi rời xa. Chúng cũng đi tìm một chỗ nghỉ đêm. Nắng thong thả tắt. Sườn núi phía tây chìm dần trong bóng chiều. Các chiến sĩ nổi lửa nấu bữa cơm tối trong lúc tiểu đội trưởng Hưng trải tấm bản đồ lên một phiến đá lớn, cùng Ông già Cao tính đường cho ngày mai.

Khi Hưng tỉnh dậy thì trời đã sáng. Buổi sớm vắng vẻ. Muông thú ít sống trên đỉnh núi, vì vậy không thấy một tiếng

chim kêu, gà gáy. Phải lắng tai mới nghe thoang thoảng tiếng vườn hú vọng lên từ dưới chân núi xa thẳm.

Các đỉnh núi dần dần nhô khỏi đám sương đang tan. Lũ sơn dương thâm lặng đứng vườn sừng trên các mỏm đá. Bộ lông đen của chúng lóng lánh dưới những tia nắng đầu tiên.

Đoàn người tiếp tục lên đường. Ông già Cao lấy trong đây một chiếc âu bằng đồng. Lúc mới ra đi, khi thấy ông cẩn thận nhét cái âu vào giữa đám quần áo, Hưng nói:

- Chúng con có đủ "cà mèn" để nấu ăn ở dọc đường rồi, bỏ đưa cái ấy đi làm gì cho nặng!

- Cái gì cũng có việc cả! – Ông già mỉm cười, trả lời. – Người đi đường xa trên Trường Sơn không thể thiếu cái này được.

Ông già treo cái âu vào một sợi dây. Ông gõ thử, tiếng đồng vang lên lanh lảnh. Các chiến sĩ còn đang lậ lùng thì ông già đã ra lệnh:

- Mọi người lấy "cà mèn" ra đi! Khi nghe lão gõ thì cứ gõ mạnh theo.

Xuống dốc chưa được bao lâu đã thấy đường đi đầy những dấu chân. Dấu nào cũng đậm sâu, to lớn. Rồi bỗng nghe có tiếng bước nặng nề ở phía trước.

- Voi đấy! Voi đấy!

Ông già Cao đang đi đầu vội đứng sững lại, kêu to. Ông hỏi hả gõ vào chiếc âu. "Coồng! Coồng! Coồng!..." Các chiến sĩ cũng vội lấy "cà mèn" khua xoang xoảng. Rừng núi đang im lìm bỗng náo động. Bầy voi chạy ào ào. Từng khối đen lù lù lao đi trong

màn sương đang tan, khối nọ tiếp khối kia, làm cây cối gãy răng rắc.

Trong một buổi sớm, các chiến sĩ phải đuổi ba bốn bầy voi như thế, lấy lối xuống núi.

Hôm sau, rừng bớt rậm. Đã bắt đầu thấy dấu vết của con người, những dấu rất nhỏ, nếu không có ông già Cao thì các chiến sĩ đã bỏ qua. Đó là những vết bấm móng tay trên các cây nấm, những miếng bã trầu do các cô gái đi kiếm nấm để lại, những mẩu thuốc thừa của thợ gỗ, đã nát mủn, lấp trong đám lá dưới chân. Cả đến Ông già Cao cũng thấy bồi hồi trước những dấu vết ấy. Mọi người trầm trồ nhìn ngắm, tưởng như họ phải xa cách xã hội loài người đã từ lâu lắm.

Chỉ mới cách Việt Nam mấy vách núi mà thời tiết đã thay đổi hẳn. Nắng chang chang. Trời lúc nào cũng sáng bừng bừng, chừng như mặt trời luôn luôn ở trên đỉnh đầu, không có giờ lặn. Cây cổ thụ thân mốc bạc, cao vút và thưa lá, để lọt xuống mặt đường những vầng nắng gay gắt. Ve kêu ran và chim gáy gù "cúc cu!" đều đều trong các vòm lá lấp lánh.

Phút chốc rừng thưa lùi sau lưng và trước mặt đã thấy ruộng. Những dải ruộng hẹp và dài, viền quanh rìa núi, mảnh nọ chồng lên mảnh kia như những bậc thang. Dưới xa là làng, nằm trong những đám dừa, cau cùng những cây xoài xanh thẫm đã lác đác quả non. Nhà dựng chênh vênh trên những dãy cột, trước sân là những cây đại lác đác hoa trắng. Giữa làng thấy một ngôi nhà gỗ rất lớn, mái nhiều lớp xếp lên nhau cong vút, Ông già Cao bảo đó là chùa.

Chùa nằm trong một hàng rào thấp và thưa như một hàng lan can. Ông già Cao lại gần một cái mỗ gỗ treo trên một cành xoài. Trời đang giữa trưa, làng bản vắng ngắt. Hình như mọi người đi đâu vắng hoặc đang ngủ. Trâu bò nằm trong bóng mát, ghéch đầu lên lưng nhau, mắt nhắm nghiền. Vịt bầu đứng co một chân, dưới bóng những tàu lá ráy mọc bên bờ suối. Lợn thả rông rúc trong bụi, trốn nắng. Gà đậu từng đám trên những cội gạo dưới gầm sàn. Cả đến cây cội cũng như đang ngủ. Dừa, cau gục ngọn xuống, hoa đại khép cánh và các cây me giữ những đám lá lăn tăn.

Ông già Cao rút chiếc dùi trên cành xoài, đánh một hồi mỗ gióng giả. Từ một lùm cây, một người dân quân xách súng đi ra. Anh quần một tấm phà* kẻ sọc có những ô vuông màu đen, mình để trần, da bóng nhẫy và đầy những vết trổ chàm. Sau khi kiểm soát các giấy tờ, anh vui vẻ dẫn đoàn người vào làng.

Người làng đã tỉnh dậy từ khi nghe nổi tiếng mỗ thứ nhất. Lũ trẻ chạy ra đứng nhìn ở ngoài sàn. Chúng là những người đầu tiên thấy khách vì chúng không ngủ trưa. Rồi chúng chạy thụt vào nhà để đánh thức cha mẹ, vừa gọi vừa hớn hở khoe mình đã thấy khách trước.

Khách đến! Khách đến! Tin truyền từ nhà này lan đến nhà khác. Làng bản bỗng tập nập.

Có những bà già vợ vội lấy gói thịt khô, ống mật và sai con cháu đi bắt gà vịt.

- Mau lên các cháu! – Họ giục giã. – May quá, nhà đang cần muối, cần dầu lửa, đá lửa...

Họ làm tưởng khách là những người đi đổi hàng.

Lũ trẻ cười rộ lên:

- Không phải người đi đổi từ dưới đồng bằng lên đâu, bộ đội
Tinh nguyện Việt Nam đây. Họ từ trên núi xuống.

- Thế à? Bộ đội Việt Nam à?

Sự lầm lẫn không làm các bà già bớt vui. Họ tươi cười:

- Cứ bắt gà vịt đi! Không có người đi đổi thì mang làm quà
cho bộ đội Việt Nam.

Người du kích đưa các chiến sĩ lên nhà ông pa-than*. Cũng
giống các nhà khác trong làng, nhà ông pa-than rộng nhưng ít
cửa và hơi tối. Dựng những ngôi nhà như thế, người Lào cũng
có dụng ý: nhà là nơi nghỉ ngơi, mà ở nước Lào thì trời nắng
quá, lúc nào cũng chói chang.

Ông pa-than xếp hoa quả đầy một mâm, bưng ra mời khách.
Một lát sau, người các nhà đã lục đục kéo đến. Họ góp đủ thứ
quà, bày cả lên mâm: xôi, chuối, trứng, mật ong, rượu...

Những người đi bắn chim, bắn sóc ở ngoài rừng cũng chạy
về. Họ đem theo những xâu chim màu lông sặc sỡ và những
ống xì đồng dài đặt ở ngoài sà. Cả những bà mẹ cũng đến, bế
trong lòng những đứa bé đang lim dim ngủ. Và cuối cùng là
dàn nhạc: họ mang theo khèn ghép bằng ống sậy và đàn sáo,
chiêng trống.

Mọi người vỗ tay lên ngực, trân trọng cúi chào. Lũ trẻ
đến sau, muốn tới ngồi cạnh khách, lách qua đám người lớn.
Được dạy dỗ từ tấm bé, cô cậu nào cũng lễ phép. Đi qua mặt ai,

họ cũng cúi đầu, một tay vung vẩy để xin đường. Họ gọi các bạn lớn tuổi hơn bằng "anh cả", "chị cả", và gọi người đứng tuổi bằng cha, chú.

- Chị cả, anh cả ơi! Tránh cho em đi!

Trong lúc chờ đợi, các bà mẹ bồm bẻm nhai trầu, còn đàn ông thì hút thuốc và phả khói đầy nhà.

Trừ những người du kích bận canh gác, hầu như cả làng đến chơi. Ở đây, con người sống cách biệt với mọi nơi, không có báo chí, không có phương tiện liên lạc. Cuộc sống cứ đều đều, phẳng lặng. Mọi nhà sẵn sẵn và cày cấy chút ít, vừa đủ cho nhu cầu, rồi sống trong cảnh an nhàn, không ham muốn gì hơn. Người ta chỉ làm lụng cốt cho đủ ăn đủ mặc, có một ngôi nhà để ra vào và thỉnh thoảng có một vài món ăn ngon để đưa ra chùa cho các sư. Còn những cái khác, họ coi là cái xa hoa mà muốn đổi lấy thì mất cả nghỉ ngơi yên tĩnh.

Từ ngày cách mạng, làng bản trở thành khu du kích. Ai cũng bận rộn vì công việc. Bộ đội và cán bộ từ các nơi về. Họ đem đến biết bao nhiêu chuyện nơi xa. Vì thế, cứ có người đến là cả làng kéo tới nhà ông pa-than để nghe chuyện: các chiến sĩ đi đâu, làm gì, ở nơi họ vừa rời khỏi có những chuyện gì lạ.

Các chiến sĩ kể cho người làng đủ chuyện. Chuyện dưới Việt Nam. Chuyện làm ăn, chuyện giữ làng đánh giặc. Ông già Cao dịch lại cho mọi người nghe. Cái gì cũng làm họ kinh ngạc. Chốc chốc, nhiều người lại lạ lùng kêu lên:

- "Phạ ơi" (Trời ơi!) Bộ đội Việt Nam cũng như bộ đội Ít-xa-là Lào, vất vả quá.

Buổi họp mặt bắt đầu từ lúc trâu bò chưa đi ăn bữa chiều. Đến lúc chúng khua mõ lóc cóc, từ ngoài đồng trở về làng thì câu chuyện mới dứt. Ngoài rừng, hoẵng đã cất tiếng kêu. Đêm đang xuống. Ông pa-than đốt thêm ba bốn ngọn nến trám, làm gian nhà sáng bừng.

Dàn nhạc nổi nhạc. Mọi người xúm đến buộc những sợi dây xe bằng bông vào tay các chiến sĩ. Mỗi người được buộc đến bốn năm sợi, đầy cả cổ tay. Đó là dấu hiệu để chúc phúc. Bằng những sợi dây thân mật này, họ muốn ràng buộc các chiến sĩ với đất nước Lào. Sau lễ buộc tay, mọi người cùng khách ăn những thứ bày trên mâm cho được khước.

... Các chiến sĩ và ông già Cao nghỉ ở làng vài hôm. Đến khi có một đoàn bộ đội tình nguyện trở về căn cứ thì các chiến sĩ gửi ông già cho họ, nhờ họ chăm lo ông trên đường về.

Bây giờ đến lượt các chiến sĩ chuẩn bị cho ông già lên đường. Họ dành những thứ còn lại sau chuyến đi cho ông: một tấm chăn, cái "cà mèn" để nấu ăn dọc đường, lọ mắm kem, ít thịt muối, vài món quà nhỏ cho các cháu ông già ở nhà.

Nhưng ông già chẳng nhận gì ngoài cái "cà mèn". Ở phía tây Trường Sơn, trời đã nóng bức nhưng bên phía đông, đêm đêm vẫn trở rét. Các chiến sĩ ép ông già lấy tấm chăn, mãi ông mới nhận.

- Thế là đủ rồi! – Ông già nói. – Đừng lo cho lão mà cũng đừng phung phí. Đường xuống làng Vông-xay còn dài.

Các chiến sĩ đưa ông đến tận chân núi. Ông căn dặn:

- Các con đi cho bình yên và học sớm thành nghề. Bao giờ học xong nhớ giơng bày voi về thăm lão cho vui.

*

Đường bắt đầu qua nhiều bản làng, với những cánh đồng nho nhỏ, nằm giữa rừng phẳng bao la. Cứ buổi chiều, người đưa đường lại đưa các chiến sĩ vào ăn ngủ ở trong làng và trao họ cho một người dẫn đường mới.

Họ đi dần xuống ven đồng bằng.

Đất Lào hình như không có mùa xuân. Càng rời xa chân núi, nắng càng gay gắt. Đâu đâu cũng thấy vẻ hoang sơ. Các lòng suối vẫn khô cạn. Trên những đường mòn dài vô tận, thỉnh thoảng lại nghe tiếng tre nửa nứt vỡ vì nắng và tiếng rìu chặt gỗ vang vang. Cảnh vật đơn điệu như nhắc lại những chặng đường họ mới vượt qua. Nhưng càng đi, các chiến sĩ càng thấy những điều kỳ lạ. Bất kỳ ở đâu, sau một vòm cây, một ngách núi, họ đều có thể gặp nhiều cái bất ngờ.

Tiểu đội trưởng Hưng ghi trong nhật ký:

Ngày 1 tháng 4 năm 1947.

... Ruồi bay khắp nơi. Người dẫn đường bảo: đâu có ruồi bay thì ở đó có thú ẩn náu. Bác ta nói không sai: chỉ đi vài bước đã thấy các gốc cây ven đường đầy những vết mài và những dấu lông.

Người dẫn đường quả quyết: đó là dấu lợn rừng. Có thể đã sắp đến chỗ lợn làm ổ đẻ. Gần tháng đẻ, lợn mẹ thay lông mới.

Phải cạo sạch đám bùn đọng từ bao tháng nay trên lưng. Lợn mẹ dũi vào thân cây, cố làm tróc những mảng lông cũ.

Một lát sau, đã gặp đàn lợn len lỏi trong các bụi rậm. Con lớn lông xám. Bọn lợn nhỏ, có lẽ là lứa lợn năm ngoái, mang những vạch lông trắng trên lưng. Lợn đực có đôi nanh dài và nhọn, hơi quặp về phía sau, bằng một thứ ngà rất trắng.

Thấy người, đàn lợn chạy hồng hộc, để lại những cái ổ rỗng không. Ba bốn cái ổ làm gần nhau, cái nào cũng rộng. Người đưa đường bảo: trước hết lợn mẹ đề giập một bụi cây xuống rồi tha củi, gỗ, cỏ tranh lấp lên cho dày. Sau đó nó cúi rạp vào, lấy lưng nâng bổng cả khối đó lên làm một cái mái che nắng. Rồi nó dũi đất hất ra bốn bên, đắp nền cho ổ thêm vững.

Ổ chỉ có một cửa ra vào. Lòng ổ trũng sâu và được lót cỏ tranh khô. Tháng bảy tháng tám thì lợn mẹ đẻ. Lũ lợn con mới đẻ đã biết chạy. Được vài ngày đã biết ra ngoài chơi với các lợn con ở ổ bạn, thoáng thấy động là chạy thụt vào. Trong khi đó, bọn lợn bố với đôi nanh vô cùng lợi hại quanh quẩn bên cạnh, sẵn sàng bảo vệ đàn con chống lại lũ thú dữ. Bao giờ đàn con đã lớn, cả bầy lại lên đường đi kiếm ăn, tới các đầm lầy hoặc đồng cỏ.

Thợ săn thường đến các ổ, quây lưới bắt lợn con về nuôi. Người đưa đường nói rằng chính bác đã nuôi hai lứa lợn rừng như thế.

Ngày 2 tháng 4 năm 1947.

Chiều nay nghỉ ở làng Pà-khoai, Pà-khoai nghĩa là "Rừng trâu". Trâu ăn từng bầy dưới bãi cỏ ở ven làng, không xỏ mũi,

không buộc thừng mà cũng không đeo mõ. Thấy người, chúng ngừng ăn, ngược nhìn bằng những cặp mắt hiền lành, tròn và rất to.

- Trâu rừng đó! – Người đưa đường nói.

Khi thấy anh em tỏ vẻ nghi hoặc, bác quả quyết:

- Trâu rừng thật mà! Lúc nào có người mua thì ra bắt về.

Vào làng mới biết là thực. Có những bầy trâu rừng rất đông sống ở những bãi lau sậy gần làng. Người ta rắc muối, rử chúng về. Chúng theo dấu muối, ăn dần đến làng, nhập vào đàn trâu nhà và thông dong sống ở ngoài đồng, quen dần người hệt như lũ trâu đã thuần.

Hàng năm, làng Pà-khoai bắt được ba bốn chục trâu hoang như thế, bán sang Việt Nam.

Ngày 3 tháng 4 năm 1947.

Chợ Na-cai. Một chợ lớn trên bến dưới thuyền. Từ những con thuyền độc mộc, nhiều người ì ạch vác những chiếc ngà voi và những sọt hàng lên bờ. Người bán hàng cắm ô hoặc cắm những tàu lá cọ làm mái che. Khách chợ ở xa ba bốn ngày đường cũng tới. Các cô gái, cô nào cũng xòe một chiếc dù lụa trên đầu.

Chợ bán bánh trắng và rất nhiều hoa, từ các túm hoa ngào ngạt để cài đầu, các dây hoa để đeo cổ đến những bắp hoa chuối làm rau ghém.

Khu hàng thịt rừng. Dăm ba người thợ săn dựng một giàn bằng những cây cột lớn, treo ngược một chú heo vòi. Mấy chú

cá sấu gớm guốc, mõm và chân đã bị trói chặt, nằm trên những chiếc sạp lớn. Một phản thit gấu ngồn ngộn, bên cạnh bày bốn bàn chân gấu để làm tin...

Rất nhiều hàng trâu cau. Các bà già và các cô gái, hình như ai cũng ăn trâu. Dãy lâm sản đầy hàng quý: da thú, cánh kiến, mật ong và sáp, trầm hương, quế...

Có một dãy hàng đặc biệt: người bán ngồi sau một chiếc mâm mây, trên bày vài chiếc đĩa nhỏ xíu, đựng những mảnh vụn li ti, lấp lánh. Thỉnh thoảng có những vụn lớn bằng nửa cái mào ngô, phản chiếu ánh nắng rực rỡ. Đó là những vụn vàng, sàng được ở những bờ cát ngoài suối. Các cô gái trẻ đến mua vàng về để đúc bông tai hoặc bịt răng. Ở đây ai cũng thích có những chiếc răng vàng óng ánh.

Hỏi một cô gái bán hàng:

- Suối có nhiều vàng không?
- Cũng có.
- Một ngày sàng được bao nhiêu?

Cô gái lấy móng tay gảy lên dăm bảy vụn vàng bằng dăm bảy hạt cát.

- Vất vả không? Mỗi ngày sàng bao nhiêu sàng?
- Chẳng đếm được! Phải ngồi lâu lắm, đau lưng lắm.

Rồi cô gái nói thêm:

- Càng muốn được vàng đẹp, càng phải sàng lâu.

Ngày 4 tháng 4.

Trưa nay gặp một đoàn thợ gỗ. Thấy họ vào ăn nhờ trong chùa.

Ở các nhà Lào, từ đời này qua đời khác, bữa ăn nào người ta cũng thổi thêm xôi, dành làm phúc cho khách lỡ đường. Nhưng đoàn thợ gỗ không lên nhà ai vì họ đông, phải ra ngoài chùa mới kiếm đủ thức ăn.

Người làng cắt lượt nhau, mỗi ngày dăm ba người nấu cơm cho sư. Ai đến lượt đều sung sướng, làm cơm ngon canh ngọt mang ra chùa. Cơm canh nhiều, sư ăn không hết, người ta đem bày ra trước sân dành cho khách qua đường, không có khách thì tung cho chim chóc làm phúc chứ không mang về.

Buổi trưa, đi qua một quán lữ khách: cơm canh bày sẵn, ai cũng có thể vào ăn tự nhiên. Ăn xong, thành tâm thì làm một việc gì đó cho nhà chùa: sửa sang lại cái hàng rào hoặc quét những lá muôm, những cánh hoa đại rụng lác đác trên sân...

Ngày 5 tháng 4.

Hôm nay nghỉ sớm. Được dự một cuộc vui bất ngờ. Khi người dẫn đường đưa lên nhà ông pa-than thì đã thấy nhà đầy người. Một ban nhạc ngồi bên những nhạc cụ ngổn ngang. Những chiếc khèn ghép bằng mười sáu ống sậy. Vài chiếc trống. Một khung tre bịt da, có dính một hàng lục lạc. Một dàn cồng mười sáu chiếc, đặt thành một hình bán nguyệt, và đôi dùi đầu bọc da voi. Cây đàn thuyền với một dây những mảnh gỗ dày mỏng khác nhau có hai que gõ gác chéo trên mặt. Những cây nhị, bầu là những chiếc gáo dừa...

Đám thiếu nữ mặc xiêm áo ngày hội ngồi cạnh người trùm phường đã đứng tuổi. Đó là những người hát của dàn nhạc.

Im ắng. Khách không dám động mạnh, rón rén đi lên. Không ai chú ý đến khách. Mọi người nhìn đắm đắm vào một căn buồng khép kín, từ đó có tiếng thở và tiếng lục đục vẳng ra khe kẽ.

Bỗng cửa buồng mở tung. Có tiếng trẻ khóc oa oa. Một người hiện trên khung cửa, trều mền nhìn ban nhạc, tay khoát rộng:

- Nổi nhạc lên! Nổi nhạc lên!

Họ chờ một đứa bé ra đời. Gian nhà ồn ào hẳn. Các cô gái đứng dậy, sửa lại váy và bắt đầu múa. Thân thể và tay chân họ mềm như những dây rừng. Tiếng trống bập bung, tiếng công lanh lảnh và tiếng lục lạc rung rinh hòa với tiếng hát ngân cao.

Hai chiếc que gõ của cây đàn thuyền lướt nhanh trên những phím gỗ bập bênh. Các cây khèn lắc lư, ngả nghiêng, che lấp khuôn mặt người thổi, chỉ còn thấy lấp ló những cặp mắt say mê.

Những đứa bé đang bú mẹ cũng mở to mắt, lắng nghe. Tất cả, cả người đưa đường, giậm chân làm rung rinh sàn nứa. Rồi ai nấy đều say sưa hát theo nhạc và nhảy múa như những ngọn lửa. Lúc này người nhà mới biết có khách vì chỉ riêng khách đứng yên. Ông chủ nhà chạy lại mời:

- Anh em múa cùng cho vui. Mừng cho cháu bé ra đời!

Khách lắc đầu, cười:

- Bó hụ phon! Bó hụ*

Người đến mừng rất đông. Cuộc vui kéo dài đến xế chiều. Chủ nhà mời khách ăn xôi, thịt gà và uống rượu pha với nước dừa non, thoang thoảng hơi men. Trong lúc đó dần, các cô gái vẫn múa.

Người Lào đón một đứa bé ra đời như vậy.

Ngày 6 tháng 4.

Gặp những người Miến Điện từ Lào Bắc xuống. Họ mặc áo cánh trắng, quần váy xà rồng sắc sỡ, khăn trắng buộc chéo thành hai tai trên đầu. Ai cũng cao, gầy và đen. Đó là những người thợ trổ chàm. Công việc của họ là trang trí cho bộ ngực, đôi tay và hai cái đùi của các cậu con trai Lào. Hình chạm trổ là những nét chữ ngoằn ngoèo đầu cọp, đầu voi hoặc những ô vuông và những hình quả trám chằng chịt như mắt lưới.

Người đưa đường hỏi:

- Làm ăn có khá không, các bác?

- Ồi! chẳng ra gì!

Những người thợ trổ chàm này đi khắp nơi trên đất Lào như các ông phó cối dưới Việt đi đóng cối đây đó, tới khắp các làng xóm.

Trước đây họ rất được ưa chuộng, được săn đón và mời cơm rượu. Bây giờ họ vẫn được mời cơm rượu như bất cứ khách qua đường nào khác nhưng không còn việc làm vì các cậu con trai Lào không thích trổ chàm nữa. Mỗi thế hệ nghĩ về cuộc

sống một khác: ngày nay công việc được chú ý đến hơn cả là xây dựng khu du kích và đi học.

Trước đây, ở các bản hẻo lánh không có trường. Con trai muốn biết đọc, biết viết thì đi tu: nhà chùa dạy chữ. Vì thế hầu hết con trai Lào đều ở chùa vài bốn năm. Đi tu vừa là nghĩa vụ lại vừa được học, bao giờ đọc thông viết thạo, họ mới trở về làm ruộng.

Ngày nay việc học được mở rộng, bản làng nào cũng có lớp học buổi tối. Thầy giáo là cán bộ cơ sở, bộ đội. Cả làng đi học. Các cụ già đầu bạc, các bà mẹ ôm con, các cô, cậu bé măng sữa, tất cả cắm cúi trên những cuốn vở nhàu nát, dưới ánh lửa những cây "cà boong"(nến trám) đầy khói.

Ngày 7 tháng 4.

Trời nóng hầm hập như một lò than. Không đâu có một vũng nước. Khát khô cổ. Đến trưa thấy một nương giữa rừng. Ai cũng háo hức rảo bước, hy vọng tới đó sẽ xin được nước uống.

Nương vắng ngắt, chỉ thấy những cây gỗ cháy dở nằm ngổn ngang. Ngô đã gieo nhưng chưa nảy mầm được vì nắng quá. Từng dòng kiến rừng đông nghịt tha những hạt cơm khô. Trong lúc chờ ngô nảy mầm, cứ vài ngày một lần, người ta cứ phải rắc cơm khô trên lối kiến đi để chúng khỏi bới và tha mất hạt giống.

Chòi canh dựng khuất ở một góc nương. Trong chòi có đủ thứ: hai ống tre đựng nước, cái bếp, gạo, thịt khô. Ở một góc có hai cây mía.

Người đưa đường rút dao, chặt mía thành những tấm nhỏ, chia cho mọi người. Rồi bác đun nước, vo gạo, nấu xôi, nướng thịt, tự nhiên cứ y như ở nhà bác vậy. Bác nói: người Lào dựng chòi trên nương, không phải vì mình mà vì tất cả những ai cơ lỡ.

Trước lúc lên đường, bác lấy một đồng "kíp" và xin hai viên đá lửa, gói cẩn thận và treo lơ lửng giữa chòi. Ngày mai, người chủ nương thấy gói quà sẽ rất sung sướng vì biết có khách lỡ đường đã đến nghỉ và gặp may mắn trên chòi của mình.

Người đi xa trên đất Lào vẫn làm như thế: qua những vườn mía, nương dừa vắng chủ, nếu cần thì cứ việc ăn rồi treo đâu đó, ở chỗ dễ nhìn, một món quà.

Không ai lấy trộm những món quà ấy!



Chương III

Người đưa đường bỗng đi chậm lại. Bác hít hơi: có một mùi gì lạ ở đâu đây. Các chiến sĩ chưa kịp biết nhưng bác thì nhận thấy ngay vì bác vốn có những giác quan nhạy bén của một người sinh ra trong rừng. Mùi thuốc lá. Nhưng không phải thứ thuốc mà người Lào thường hút.

Có người lạ đang rình.

Bác chỉ vừa kịp báo cho các chiến sĩ biết để đề phòng thì đã nghe tiếng quát ở một bụi cây trước mặt.

Đoàn người rơi vào một ổ phục kích. Như một con tắc kè, người đưa đường lẩn ngay sau một thân cây rồi trườn vào bụi rậm. Các chiến sĩ liền bám theo bác.

Địch xô đến. Lố nhố những lính da trắng và da đen. Đội viên Sơn đi sau cùng, đứng lại tung vào giữa đội hình của chúng một quả lựu đạn, giữ cho đồng đội rút. Lựu đạn nổ rầm, mảnh quất ràn rạt vào các đám lá.

Anh em đã biến hết trong những lùm cây rậm. Lúc này Sơn mới chạy.

Địch đang nằm rạp, chờ một quả lựu đạn nữa nổ nhưng không thấy. Chúng liền nhòem dậy và thấy Sơn đang chạy ở xa.

Thế là tất cả hò nhau đuổi theo. Có lẽ đến một tiểu đội địch. Chúng vừa đuổi vừa bắn. Đạn réo bên tai Sơn. Anh vừa chạy vừa lẩn vòng vèo sau những thân cây để tránh đạn nên khoảng cách giữa anh và lũ giặc cứ ngắn dần.

Đã ra đến cửa rừng. Trước mặt Sơn là một dải ruộng. Bên kia ruộng là làng và còn xa mới tới cánh rừng khác.

Sơn chạy vụt qua dải ruộng. Những khẩu súng sau lưng vẫn nhả đạn theo anh. Anh chạy được vào làng, mất hút sau những gốc muỗm cổ thụ. Anh nhẩy vọt lên một ngôi nhà, không còn đủ sức và thời giờ để chạy tiếp.

Một bà mẹ và cô con gái đang ở trong nhà. Nghe súng nổ, đàn ông đã bỏ cả vào rừng. Hai mẹ con hạ hết cửa, ngồi kéo sợi. Tiếng xa quay đều đều làm không khí trong nhà rất bình yên, cách biệt hẳn với không khí hốt hoảng bên ngoài.

Nghe tiếng chân nhẩy lên thang, cô gái ngừng kéo sợi, đôi mắt lo âu nhìn đăm đăm ra cửa.

Sơn lách vào.

- Phạ ời! – Cô gái kêu lên.

Bà mẹ nén sợ, hỏi:

- Người là ai?

Sơn đứng trước mặt họ, hơi thở còn dồn dập vì chặng đường vừa vượt qua. Quần áo anh bị gai xé rách tở tả và quả lựu đạn đeo bên sườn rung rung theo nhịp thở.

Sơn nói đứt quãng, câu được câu chăng:

- Con là bộ đội tình nguyện Việt Nam... Pha-lăng đuổi... cho con trốn.

Bà mẹ và cô gái cùng lắp bắp:

- Thạ hán a xạ a mắc Việt Nam* ...

Họ ngó nhanh một lượt khắp gian nhà. Họ thuộc căn nhà của họ đến mức có nhắm mắt cũng biết được từng góc sàn, từng kẽ vách.

Bà mẹ tuyệt vọng, khe khẽ lắc đầu.

Sơn nhìn hai mẹ con cô gái, chờ đợi. Họ đang sống bình yên lại chưa biết anh là ai, liệu họ có muốn cứu giúp anh không?

Thấy cả hai mẹ con cùng lặng im, Sơn quay ra. Anh không muốn làm khó cho họ. Anh sẽ chạy khỏi làng và khi cần sẽ dùng đến quả lựu đạn cuối cùng.

Bà mẹ đứng dậy:

- Sao lại bỏ đi? Không kịp đâu!

Bà trông lên gác bếp. Đó là chỗ kín đáo nhất của căn nhà. Trên ấy bà cất những giỏ mây, ống dăng, những bẹ ngô giống và những xâu thịt khô. Nhưng cái gác bếp không đủ kín để giấu cả một con người.

Bà mẹ nghĩ tới căn buồng nhỏ của cô gái. Bà muốn nói với con, tạm giấu anh bộ đội Tình nguyện vào buồng. Việc có quan hệ tới cuộc đời của cô. Theo phong tục Lào, buồng cô gái là nơi thiêng liêng, không một người lạ nào được bước vào. Người ta

tin rằng các cô gái không giữ được như vậy sẽ không được Trời Phật ban phúc và sẽ bị mọi người khinh rẻ.

Nhưng chỉ thoáng nghĩ như vậy, bà mẹ đã thôi ngay. Bà biết lũ giặc sẽ khám buồng, chúng chẳng bao giờ bận tâm đến những phong tục mà làng bản của bà coi trọng.

Bà lại trông lên gác bếp.

- Mẹ giấu con lên đó, trong nhà chẳng còn chỗ nào kín hơn. Cầu trời phật cứu giúp cho con qua nạn.

Sơn nhìn chỗ trốn. Anh không thể giấu mình trong đám đồ đạc ít ỏi đó được. Nhưng bây giờ bỏ đi thì đã muộn.

Bà mẹ vừa định ôm những đồ đạc trên gác bếp xuống cô gái chợt kêu lên:

- Mẹ ơi! Không được! Cái gác bếp sứt mất! Nếu không sứt thì cũng thò chân ra ngoài.

Cô quay lại, chỉ vào bồ bông sau lưng:

- Vào đây hơn.

Bà mẹ gật đầu. Rất nhanh cô gái dốc vội bồ bông ra sàn. Cái bồ nhỏ, chỉ chứa được vài ôm bông, nhưng càng nhỏ nó càng ít bị chú ý.

Sơn vào ngồi trong bồ, cố thu mình cho bé lại. Anh tháo lựu đạn ra cầm tay, co gối lên ngực, ép mình như một con cá người ta kẹp chặt để nướng. Cô gái ấn bông mãi, đến mức anh tức thở mới hết. Xong, cô tựa lưng vào bồ bông và bắt đầu kéo xa. Cô lấy hơi cho bình tĩnh. Ngồi cách lưng cô gái một lớp nan bồ, Sơn cảm thấy như trống ngực cô đập rất mạnh.

Bọn lính chạy rầm rập lên thang. Hai tên da đen cầm súng có gắn lưỡi lê, co chân đạp cửa, bước vào. Một tên quan Pháp và hai tên lính nữa vào theo.

Tên sĩ quan cúi chào như một người Lào trong lúc bốn tên lính chĩa họng súng đen ngòm vào bà mẹ và cô gái.

- Xin chào! Xin chúc phúc!

- Xin chào a-nha*! – Bà mẹ và cô gái lạnh lùng nói.

Tên sĩ quan nhìn một lượt khắp gian nhà rồi dẫn giọng:

- Trả người cho chúng tôi!

- Ai? – Bà mẹ hỏi.

- Người Việt! Vừa có người Việt chạy lên đây. Trả ngay nó cho tôi.

- Không có ai lên đây. Nếu có người lên, chúng tôi đã kêu dân bản bắt nộp cho a-nha, lấy thưởng. Từ lâu, chúng tôi đói muối. Xin a-nha đi tìm nơi khác!

Tên sĩ quan cau mặt:

- Người Việt lên đây, tôi biết. Chẳng những nó làm hại người Pháp mà làm hại cả người Lào. Trả nó cho tôi.

- Không có ai ở đây! – Bà mẹ nhắc lại, giọng nói vẫn đều đều bình thản.

Tên sĩ quan nheo mắt, nhún vai rồi vỗ vào bao súng:

- Đừng nói dối! Ta sẽ bắt các người nói thật.

Tên sĩ quan lại nhìn khắp nơi. Thấy không chỗ nào có thể giấu nổi một người, nó nhìn mãi vào căn buồng khép kín và ra

lệnh khám nhà.

Bốn tên lính xô đến bốn góc sàn. Gian nhà nhỏ, chẳng chỗ nào đáng lục soát nhưng lũ lính vẫn sục vào khắp nơi. Chúng lấy lưỡi lê chọc vào những chỗ chúng nghi ngờ, xiên lên gác bếp, mở hòm và giũ tung quần áo ra sàn.

Việc đó diễn ra ngay cạnh bồ bông. Tiếng lục soát đập phá vọng vào trong bồ. Những xơ bông theo hơi thở lùa vào mũi Sơn trong lúc những đôi giày đinh cứ xiết mãi trên sàn nữa.

"Nếu chúng tìm thấy?" – Sơn tự hỏi. – Anh sẽ điềm nhiên bước ra, vượt quả lựu đạn qua cửa và bảo chúng:

- Bắt tôi đi và đừng trả thù những người trong nhà.

Sơn biết lũ giặc sẽ không bao giờ hành động như vậy. Chúng sẽ trả thù. Biết vậy mà Sơn vẫn không thể làm khác vì trong nhà còn có bà mẹ và cô gái.

Nhưng bọn lính đã khám xong. Chúng vừa báo cáo vừa đập gót giày ầm ầm trên sàn. Tên sĩ quan hất hàm, chỉ vào căn buồng. Từ lúc lên, nó chỉ chú ý đến đó.

Một tên lính theo lệnh, đi ngay đến cửa buồng. Nhanh hơn, cô gái vùng dậy, chạy lại dang tay chắn đường.

- Các a-nha, xin đừng vào – cô gái van lơn – tôi thề không có ai trong ấy.

- Tránh ra! – Tên lính quát to.

- Đừng làm như vậy trước mặt mẹ tôi! – Cô gái lại van lơn. Nước mắt tràn trên mí cô:

- Tôi xin! Đừng làm như vậy trước mặt mẹ tôi. Trong ấy không có ai đâu.

Bà mẹ đứng dậy. Bà nghiêm trang đến trước tên sĩ quan:

- A-nha có con gái không? Nếu có thì đừng cho lính của a-nha làm như thế.

Trong lúc đó cô gái xô vào tên lính khi ấy đã đến trước cửa buồng. Mắt cô trở nên ráo hoảnh và giận dữ. Một phát súng bỗng nổ tung. Tên sĩ quan bắn chỉ thiên lên mái nhà rồi nhắm mũi súng bốc khói vào ngực cô.

Một toán lính nữa chạy rầm rập lên sàn. Hàng chục họng súng và mũi lê chìa tua tủa vào người cô gái. Bà mẹ gạt những mũi lê, chạy lại che cho con.

- Thôi, đừng bắn! – Bà khẩn khoản. – Các ông vào đi!

Bà kéo cô gái ra ngoài:

- Mặc cho họ vào. Trời Phật sẽ trừng phạt họ. Ngày mai mẹ sẽ cúng giải tội cho con.

Tên sĩ quan hằm hằm tức giận. Nó khẽ rít một câu gì đó trong kẽ răng. Nó tin chắc mẹ con cô gái đã giấu người bộ đội Tình nguyện trong buồng và họ giả làm như vậy để lừa nó. Nó gườm gườm nhìn họ rồi từng bước, từng bước đi tới cửa buồng. Đến nơi, tên sĩ quan đạp tung cửa bước vào.

Cô gái òa khóc.

Rồi lũ lính đi ra. Vẫn hung hãn như khi lên, chúng rầm rập xuống thang. Mẹ con cô gái vẫn bàng hoàng, đứng sững ở chỗ cũ. Lúc tiếng giày đã tắt, họ mới bừng tỉnh.

Cô gái quay lại nhìn bồ bông. Biết chắc người ngồi trong bồ không trông thấy, cô ôm choàng lấy mẹ:

- Mẹ ơi! Mẹ ơi! Con sợ quá.

Cô đặt tay mẹ lên ngực mình:

- Mẹ xem, trống ngực con đập mạnh thế này!

Người mẹ nhẹ nhàng dìu cô gái ngồi xuống cạnh bếp:

- Thôi, ngày mai mẹ cúng cho con. Lạy Trời lạy Phật. Xin người tha thứ và ban phúc cho con gái tôi.

Họ ngồi im cho đến khi nghe tiếng lục đục trong bồ: Sơn cựa quậy, anh bị sặc bông.

Cô gái chạy lại, bốc bớt bông ra sàn.

- Bộ đội ơi! Nhờ Trời Phật thế là thoát rồi. Bộ đội ngồi yên, chờ cho Pha-lăng đi xa hãy ra.

Sơn bật ho. Xơ bông cứ lùa vào mũi làm anh không sao chịu nổi. Cô gái bối rối, gạt bớt bông cho Sơn thò được đầu ra ngoài rồi đi lại bên bếp:

- Mẹ ơi! Đừng giận con – Cô ngập ngừng nói.

- Tại Pha-lăng, con có lỗi gì đâu!

- Không, chuyện ấy qua rồi. Bây giờ con muốn xin mẹ...

Cô gái lại ngập ngừng. Bà mẹ ngược cặp mắt hiền hậu nhìn cô.

- Bộ đội ngồi trong bồ ngạt thở quá. Mà ngày mai chẳng nào mẹ cũng phải cúng cho con...

Cô gái không nói hết. Nhưng người mẹ đã hiểu, bà khe khẽ gật đầu.

Giờ thì Sơn đã ở yên trong buồng riêng của cô gái tuy Sơn hết sức từ chối vì sau nhiều ngày đi trên đất Lào, anh đã hiểu chút ít phong tục của họ.

Sơn đứng bờ ngõ trong căn buồng nhỏ. Căn buồng tràn ngập ánh sáng và không khí, mọi vật ở đó đều thơm tho trong trắng. Ở một góc buồng, lưng chừng vách, có treo một tấm gương lồng trong chiếc khung tre. Dưới gương là chiếc bàn nhỏ, có một giỏ mây đựng trầm lược. Lược không bằng sừng như những chiếc lược vẫn bán ở chợ mà gọt bằng gỗ, rất khéo. Cạnh giỏ mây có một bó hoa rừng mới hái, cắm trong một ống tre cửa ngán và chạm những đường chỉ. Cao trên vách còn thấy treo một chiếc dù chỉ xòe một nửa, giấu bớt những cánh hoa in trên lụa nhưng cũng đủ làm tăng vẻ trẻ trung của gian buồng.

Sơn nhìn đám chăn đệm. Đệm phủ một tấm phà Lào màu trắng, viền những đường kẻ xanh lam. Sơn rụt rè ngồi xuống.

Trời dần về chiều. Địch rút hết về đồn, tiếng súng nghe đã xa xa. Cô gái đã nấu xong bữa ăn tối và đốt cây nến trám buộc lên cột sà.

Sơn bỗng thấy có tiếng chân bước lên thang. Một giọng nói quen quen chào bà chủ nhà. Sơn ngó qua kẽ phen, thấy người đưa đường đang bước qua ngưỡng cửa. Sơn vội đẩy cửa buồng chạy vụt ra.

Người đưa đường đứng sững lại, kêu lên:

- Phạ ơi, ai (anh) Sơn! Ai Sơn có làm sao không?

- Không sao.

- Pha-lăng bắn theo ai Sơn nhiều quá. Ai Sơn có bị thương ở đâu không?

- Không! Thế anh Hưng và Đức đâu? Có người nào việc gì không hờ bác? – Sơn vội vàng hỏi lại.

- Bình yên cả. Mọi người đang đợi ai Sơn trong rừng. Ai Hưng bảo tôi vào tìm trong bản, người ta chỉ tôi lên đây.

Bấy giờ bà mẹ mới mỉm cười, thông thả nói:

- Đây, người của bác đây, tôi trả bác. Nhưng lần sau đừng để mất người như thế nữa nhé.

Người đưa đường vui vẻ cười hì hì:

- Tôi thấy mùi thuốc lá của Pha-lăng liền báo ngay cho anh em mà không kịp. Lần sau tôi sẽ đi trước thật xa...

Sơn kể lại những phút gian nguy của mình và sáng kiến của cô gái trong lúc cô vừa dỡ xôi gói vào những chiếc lá dong vừa nhìn Sơn dăm dăm.

- Thôi, bây giờ thì con đi được rồi. – Người mẹ thì thầm, khi cô gái đã gói hết xôi trong chõ. – Mẹ gửi cho anh em trong rừng mấy gói xôi. Các con đi đâu, mẹ chẳng biết, nhưng bao giờ có dịp thì ghé qua đây cho vui.

Sơn thấy lòng bồi hồi. Ở đây cũng như ở Việt Nam, có biết bao người sẵn sàng che chở, cứu giúp anh. Sơn hỏi tên bà mẹ

và tên cô gái, ghi cẩn thận vào sổ tay.

- Nếu mẹ con ở dưới Việt Nam biết tin, chắc mẹ con cũng muốn sang đây thăm và cảm ơn mẹ – Sơn nói. – Nhưng mẹ con chẳng bao giờ đi được nữa vì đường xa quá mà mẹ con thì đã già rồi.

Sơn lấy một chiếc gương nhỏ và dăm túm chỉ màu tặng cô gái:

- Noọng sao (Em gái)! Cảm ơn em! Cảm ơn em lắm!

- Có gì đâu! – Cô gái khe khẽ nói.

Người đưa đường cầm những gói xôi, giục Sơn đứng dậy. Cô gái cúi ngời hỏi:

- Có bao giờ trở lại thăm mẹ, thăm em nữa không?

- Có! Nhưng lâu lắm. Một vài năm nữa, khi tôi trở về.

- Đừng quên đây! Bao giờ về qua, nhớ ghé lại đây.

Cô gái đốt một cây nến trám, đưa Sơn và người dẫn đường ra cửa, soi cho họ xuống thang.

Đi đã xa, Sơn quay lại vẫn thấy ánh nến sáng trên khung cửa.

*

Mùa mưa sắp sang.

Chỉ còn một ngày nữa là đến Tết*. Một năm mới lại sắp bắt đầu. Cả làng Vông-xay đã nghỉ việc từ mấy hôm trước.

Bác Bun-mi đang ngồi bên bếp. Từ chiếc tẩu bên môi bác, một dòng khói lam mảnh dễ bay lên. Bác mãi nhìn các con,

quên cả rít thuốc. Lũ trẻ đang chuẩn bị đón ngày Tết, vừa làm vừa sung sướng hát khe khẽ. Tiếng hát của chúng làm lòng bác Bun-mi náo nức, như đưa bác trở về sống lại cái thời trẻ trung, lúc nào cũng chờ đợi hội hè.

Mong có dịp để vui chơi sum họp, đó là thói quen của mọi người ở làng Vông-xay. Mỗi khi có hội, làng bản đang im lìm như vút tĩnh dấy. Vì thế, ai nấy đều tìm hết cách để mở những cuộc vui. Có người muốn dựng một căn nhà mới? Việc bình thường như thế cũng đủ làm làng bản từng bừng. Ở các làng Lào không có tục thuê mướn người làm vì không ai có tiền để trả công. Mọi việc đều nhờ bà con làm giúp. Người chủ thu thập gỗ tre rồi gọi người làng đến dựng. Tối hôm trước, họ cùng vợ con mặc quần áo mới, đi tới từng nhà. Hôm sau, cả làng vui vẻ kéo đến làm việc dưới quyền một bác phó cả. Vợ con người chủ cùng các bà các cô trong làng nấu một bữa cơm ngon mời khách.

Buổi tối, khi công việc đã xong, mọi người ăn uống no say rồi mở một đêm hội nhỏ mừng nhà mới. Đuốc đốt sáng trưng. Các cô gái ngồi khệp nép trên những chiếc chiếu, miệng nhai trầu. Dàn nhạc nổi lên, trai làng thổi những cây khèn dùi dặt. Một ông già hát theo nhạc một bài "lăm", kể lại một câu chuyện gì đó từ ngàn xưa...

Sống trong khung cảnh này, lũ trẻ cũng như người lớn, khao khát hội hè. Cả năm, chúng tính từng ngày, từng ngày, chờ Tết.

Chăm-pa, con gái bác Bun-mi, bận rộn suốt ngày với những chậu nước thơm. Từ mấy hôm trước, cô đã cùng bè bạn đi hái hoa: hoa hồng, hoa nhài và các loại hoa rừng. Cô đem hoa về, cẩn thận lau sạch từng cánh rồi ngâm vào một chiếc bình lớn. Vài ngày sau, nước ngả dần sang màu hồng của những cánh hoa và thoảng mùi thơm. Chăm-pa đánh bóng những chậu thau bạc đầy những hình chạm, xinh xinh như những chiếc đĩa, cẩn thận rót nước từ trong bình vào đó. Sau đấy, cùng với bác Bun-mi gái, cô quét dọn nhà cửa, xếp ra sàn những chiếc mâm mây mới và những tấm đệm sắc sỡ, làm chỗ tiếp khách.

Còn Khăm-phay, con trai bác Bun-mi, thì bận rộn cho chim và cá ăn. Năm hôm trước, bác Bun-mi gái đã đổi một mụn (10 kí) gạo lấy một đôi cá chép và một đôi cu rừng xanh biếc, cổ đốm trắng trông như những hạt cườm. Đôi cá lưng óng ánh vẩy bạc, bơi lượn trong một vại nước đầy, còn đôi chim cu thì đứng trong lồng có hai máng tre đựng thóc.

Cho chim và cá ăn xong, Khăm-phay xuống chuẩn bị cho lũ voi. Cậu bé rửa cái bồn ở chỗ cột xích voi, xuống con sông chảy dưới chân làng lấy nước sạch đổ đầy bồn. Sau đó, cùng với các quản tượng, cậu đưa voi đi tắm. Ngày mai là ngày hội lớn, ai cũng muốn cho lũ voi của mình sạch sẽ, bảnh bao.

Đến chiều thì mọi việc trong nhà đã thu xếp xong. Bác Bun-mi sửa soạn bữa ăn tối – một năm, có lẽ bác chỉ nấu ăn thay cho bác gái vào bữa này, để vợ và hai con mang chim, cá ra bãi sông.

Khi họ tới nơi thì bãi sông đã đông người. Ai cũng mang theo một lồng chim hoặc một chậu cá. Rất nhiều thứ cá và đủ loại chim: vẹt, chim gáy, họa mi, khướu, bách thanh. Có người còn mang cả rùa và ba ba đến nữa. Hằng năm vào dịp này, họ đem thả chúng đi để cầu phúc, chuộc lại những lỗi lầm mà họ đã mắc phải trong năm cũ.

Các lồng chim đặt thành một hàng dài trên bờ cát trắng. Lũ chim, thấy đông người, nháy loạn trên những cẳng tre trong lồng. Một ông già cao tuổi trong làng đi đến chiếc lồng đầu tiên. Lồng nhốt một đôi khướu bạc má. Ông mở cửa và đứng tránh sang một bên. Đôi chim ló đầu ra khỏi cái cửa lồng chật hẹp, đứng bờ ngỡ một lúc rồi bay lên cao. Mọi người nheo nheo mắt nhìn chúng bay đi. Ông già nói theo:

- Bay về rừng mà sống nhé! Lúc nào đi kiếm ăn qua làng thì đỗ xuống hót cho chúng ta nghe.

Khi ông bước về chỗ cũ thì người nhà nào đến trước lồng chim của nhà ấy. Bác Bun-mi gái thành kính mở cửa lồng. Đôi chim gáy theo nhau bay ra. Chúng liệng trên cao rồi cùng với đàn chim được thả, xao xác bay về rừng. Khi lũ chim đã bay hết, mọi người thả cá. Bọn chúng ngúc ngắc cái đuôi, từ từ bơi ra khỏi bờ và lặn vào những tảng đá xanh sẫm nằm giữa lòng sông.

Hôm sau, cả nhà bác Bun-mi cùng dậy sớm. Họ mặc quần áo đẹp rồi dắt nhau ra chùa.

Ở ngoài chùa, các tượng phật được bày trên một bục lớn. Gia đình bác Bun-mi cùng dân làng nghe các sư thuyết pháp và

dự lễ tắm cho phật. Nước tắm ngâm hoa thơm được giữ lại và ông sư cả nhúng một nhành lá vào đó, rảy cho mọi người.

Về đến nhà, vợ chồng con cái bác Bun-mi chúc phúc cho nhau và xin lỗi nhau về những lầm lỡ trong năm qua.

- Chẳng ai giữ gìn được suốt năm, thế nào cũng có lúc bực mình nổi nóng – bác Bun-mi nói – Nếu tôi có điều gì không phải thì mẹ nó và các con cũng đừng giận.

Bác gái gạt đi:

- Năm qua bố nó chẳng có lỗi gì. Chỉ có tôi vì bận việc nên thỉnh thoảng còn gắt gỏng làm cửa nhà mất vui. Bố nó và các con bỏ qua cho tôi nhé!

Bác Bun-mi gái nói thế nhưng thật ra bác chẳng gắt gỏng bao giờ. Cũng như những người đàn bà Lào khác, bác làm việc chăm chỉ, thâm lặng, dịu ngọt, nhờ thế mà không khí gia đình lúc nào cũng êm ấm. Bác nói xong, Chăm-pa và Khăm-phay cùng nói:

- Chúng con mới nhiều lỗi, còn tranh giành và nhiều lúc mải chơi quên cả việc nhà. Sang năm chúng con không thế nữa, bố mẹ tha thứ cho chúng con.

Cả nhà bác Bun-mi hẹn nhau sống một năm mới hòa thuận hơn, êm ấm hơn. Sau đó họ đi thăm các nhà, rảy nước chúc phúc cho bà con làng bản.

Tết Lào mở đầu cho mùa mưa, mùa mưa thì mở đầu cho mùa cày cấy. Trong mấy ngày Tết, người ta té nước đón mùa cày, tin rằng càng té nước trời càng mưa to, mùa màng càng

tươi tốt và ai được té ướt nhiều trong năm sẽ được hưởng nhiều phúc lộc. Gặp ai, hai bác Bun-mi cũng nhúng tay vào thau, búng nước thơm lên người họ, vừa búng vừa chúc họ một năm hạnh phúc. Những người được rảy nước đều nhẹ nhàng rảy nước lại cho hai vợ chồng bác và các con, chúc lại những điều may mắn.

Trai gái và lũ trẻ thì nghịch hơn, họ hắt từng thau nước vào nhau. Hết nước thơm, họ hắt nước sông. Ai nấy ướt lướt thướt, phải thay quần áo hết bộ này đến bộ khác. Các quản tượng phun người đi đường bằng những ống thụt, còn bày voi thì hít nước ở bồn và tia vào họ những tia nước lóng lánh, hết như những cơn mưa.

Giữa lúc cuộc vui đầu năm đang ồ ạt thì các chiến sĩ bộ đội Tình nguyện Việt Nam vào làng. Nhìn thấy họ từ trên nường xa đi xuống, cả làng đã chuẩn bị đón khách. Trai gái bưng sẵn những thau nước thơm ra đợi ở cửa. Các quản tượng đổ thêm nước vào bồn.

Các chiến sĩ cũng đã chuẩn bị. Được người đưa đường báo trước, họ gói cẩn thận quần áo trong tấm vải mưa và lấy ống nửa đầy vào đầu nòng súng.

Khi họ đi qua các nhà, người ta tới tập hắt nước xuống và vui vẻ hò reo:

- Chúc phúc cho anh em bộ đội tình nguyện!
- Chúc anh em khỏe và chiến thắng! Lào Việt xa-mắc-khi!*

Các chiến sĩ vừa vuốt mặt vừa hò theo:

- Lào Việt xa-mắc-khi!

- Chúc hạnh phúc cho các bạn!

Khi đến được nhà bác Bun-mi thì ai nấy đều ướt sũng. Thế mà hai vợ chồng bác vẫn lấy nước thơm rảy tiếp lên người họ. Cô bé Chăm-pa và cậu bé Khăm-phay bưng tới hai thau nước hắt hết vào họ làm nước trên người họ chảy ròng ròng xuống sàn.

Các chiến sĩ cũng lấy nước té lại cho vợ chồng con cái bác Bun-mi. Họ vừa mới thay quần áo khô, lúc này ai ấy lại ướt lướt ướt. Lũ trẻ cười khanh khách trong lúc vợ chồng bác Bun-mi vừa giữ nước vừa xuýt xoa nói, giọng chứa chan hy vọng:

- Năm nay rồi được phúc đây, ai cũng ướt đầm thế này!

Gia đình bác Bun-mi được báo trước từ lâu, vẫn chờ các chiến sĩ bộ đội Tình nguyện. Bác hỏi tên từng người, giới thiệu với họ những người trong gia đình, hỏi họ về những chặng đường họ vừa vượt qua rồi bảo Chăm-pa và Khăm-phay thu xếp chỗ nằm cho họ. Lũ trẻ mang ra ba tấm đệm, xếp một dãy ở gian ngoài rồi mang tiếp ra ba chiếc gối.

Bác Bun-mi căn dặn:

- Anh em thay quần áo khô rồi đi nghỉ. Từ giờ đến tối đừng đi đâu nữa cho khỏi ướt. Ngày mai tôi sẽ dẫn anh em đi thăm bà con trong làng.

Nhưng các chiến sĩ chưa được nghỉ yên. Vừa thay xong quần áo thì các quản tượng, nghe tin bộ đội Tình nguyện đã

tới, liền dẫn ngay voi đến. Tiếng cười vui và tiếng chân voi bước rầm rập dưới sàn.

Cậu bé Khăm-phay vỗ tay reo:

- Lũ voi đến chúc phúc đây. Các anh tha hồ thích nhé!

Cô bé Chăm-pha thì bí mật thì thầm:

- Các quân tượng đến té nước. Các anh còn quần áo khô nữa không? Nếu không thì trốn ngay vào sau nhà đi, chẳng lại ướt hết mất! Trốn đi!

Các chiến sĩ không bỏ trốn mà vui vẻ ra thang đón đoàn quân tượng.

- Me... ẹp! (Nhằm xuống!)

Cùng một lúc, mấy chục tiếng hô vang lên làm các chiến sĩ sửng sốt. Đó là các quân tượng ra lệnh cho lũ voi chào khách.

Bầy voi đông cả chục con, đứng thành một hình bán nguyệt trước sàn, nghe lệnh liền nặng nề quỳ rạp xuống và tung vòi lên, khua khua trên trời.

- Nhưn khư... ừn (Đứng dậy!)- Các quân tượng lại hô vang.

Đàn voi ì ạch đứng dậy. Theo lệnh các quân tượng, chúng rầm rập quỳ xuống đứng lên đủ năm lần. Rồi bỗng phụ... ụt: các quân tượng cùng rút các ống phun đầy nước giắt ở sau lưng, phun tung tóe vào các chiến sĩ.

- Chúc phúc cho anh em bộ đội Tình nguyện Việt Nam!

Họ cùng hô to rồi cười ha hả. Nước xối ào ào. Những bộ quần áo mới thay của các chiến sĩ lại ướt đầm.

*

Sau Tết té nước mấy hôm, bác Bun-mi lần lượt dẫn các chiến sĩ đi thăm mọi nhà trong làng.

Làng Vông-xay gồm hơn ba chục nóc nhà. Các nhà đều to và rộng, dựng trên những hàng cột nâu bóng. Trước nhà là một khoảng sân thênh thang, làm nơi ngồi trông trăng những đêm hè. Khoảng sân nhà bác Bun-mi càng to và rộng hơn vì đó là nơi các quản tượng thường đến họp bàn công việc.

Ở Lào, như làng Vông-xay đã là một làng to. Người nào trong làng cũng là quản tượng và mọi nhà đều nuôi voi. Nhà ít thì một con, nhà nhiều thì hai, ba con.

Ngoài ra nhà nào cũng có trâu. Trâu thả rông suốt năm, tha hồ sinh nở, đến mùa cày mới bắt về xỏ mũi. Mỗi con đeo một chiếc mõ gỗ ở cổ, suốt ngày khua mõ lóc cóc ngoài rừng.

Bác Bun-mi dành nhiều ngày để đưa các chiến sĩ đến thăm từng quản tượng. Khi thì chính bác dẫn đi, khi bận thì bác giao việc đó cho Khăm-phay. Muốn yêu thích công việc gì thì phải hiểu kỹ công việc đó, vì thế trước hết bác muốn họ biết rõ đời quản tượng và biết rõ loài voi.

Mới tiếp xúc với các quản tượng, các chiến sĩ đã thấy ngay họ là những người từng trải. Do công việc, họ phải đi lại khắp nơi. Đời họ cũng như đời con voi, là những chuyến đi dài. Hình như ở đâu đâu cũng có dấu chân của họ. Khi thì họ chở một chuyến hàng xuống Cam-pu-chia, khi băng qua dòng Mê-Kông sang đến tận miền tây Thái Lan, khi thì vượt Trường Sơn sang

các buôn làng Tây Nguyên của Việt Nam. Cũng có khi họ giong voi lên Lào Bắc, vượt những cánh rừng đại ngàn sang tới những công trường gỗ của Miến Điện. Họ biết rất nhiều chuyện lạ ở nơi xa và ai cũng có trong túi đủ loại tiền: đồng "riên" Cam-pu-chia, đồng "bạt" Thái Lan, đồng "ru-pi" Miến Điện. Đến đâu họ cũng có tiền tiêu và thường mua các vật kỷ niệm về bày đầy nhà: tượng các vũ nữ Khor-me, những tập ảnh về các đền đài Ăng-Ko, những chiếc khánh bạc mua tận chùa Vàng ở Miến Điện, những tấm phá Xiêm bằng tơ bóng và đầy màu sắc. Ở nhiều nhà, các chiến sĩ còn thấy những tập sách dày nghiên cứu về loài voi, in bằng chữ Miến Điện hoặc Thái Lan: phần đông đàn ông làng Vông-xay đều biết những thứ tiếng và chữ ấy.

Những câu chuyện của những người quản tượng kể bên bếp lửa dần dần đưa các chiến sĩ vào sống giữa bầy voi, mới đây còn xa lạ với họ. Mỗi câu chuyện đem lại bao điều kỳ lạ, bao kiến thức.

Các quản tượng quả quyết rằng loài voi chẳng những có sức mạnh mà còn thông minh và có tình nghĩa chẳng kém gì con người. Chúng được mọi loài trong rừng vì nể. Khi chúng đi ăn hoặc xuống bến uống nước và tìm chỗ tắm, mọi thú vật đều lảng tránh để chúng được hoàn toàn tự do.

Chúng sống với ý thức chặt chẽ về bầy đàn. Khi một con trong bầy bị thương, dù thế nào cả bầy cũng đi chậm lại. Hai con dìu hai bên, nâng đỡ bạn mỗi khi nó bước không vững, một con đi sau tì đầu vào hông bạn mà đẩy, còn các con khác

bảo vệ chung quanh. Mỗi khi bạn khuyu xuống thì chúng cùng gào lên đau thương, lấy vòi lay đập hoặc hít nước phun cho bạn tỉnh lại, cố đưa bạn đi xa hàng ngày đường tới nơi an toàn.

Tuy tinh khôn, thỉnh thoảng cũng có con bị sa hố bầy. Đó là bọn voi non và voi cái. Các hố bầy được nguy trang khôn khéo, phủ một lớp cỏ rác và phân voi, cứ như có một bầy voi nào đó vừa đi qua.

Lũ voi đực không bao giờ bị đánh lừa. Chúng thường thông vòi xuống dò đường, có gì lạ chúng liền đứng lại và kêu to lên báo cho mọi đầu voi trong bầy cùng biết mà đề phòng.

Lũ voi cái thì khác: chúng luôn luôn cong vòi lên cao tìm hơi lạ, bảo vệ cho bầy con, vì thế chúng không nhận rõ được dấu đường dưới chân. Nhưng dù thỉnh thoảng có con sa hố, các quản tượng vẫn ít khi bắt được nó. Lũ voi trong bầy xúm đến, lấy chân giẫm cho đất ở miệng hố tụt xuống. Nếu đất rắn, chúng đi hút nước về xới cho mềm. Những khối thịt nặng nề của chúng làm đất lở rất nhanh. Chẳng mấy chốc chúng đã làm xong được một đoạn đường thoai thoải và một con đực khỏe mạnh thò vòi xuống cuốn lấy vòi con bị sa hố, kéo lên bờ.

Như các loài thú khác, loài voi có nhiều bản năng. Chúng còn có nhiều hiểu biết, do chúng truyền dạy cho nhau từ lâu đời.

Lũ voi bao giờ cũng giữ cho đường đi của chúng thênh thang để dễ dàng chạy trốn khi bị săn đuổi. Vì vậy không bao giờ chúng vứt cành lá ăn dở trên đường, làm đường bị ngáng trở. Nhiều lúc vừa đi, chúng vừa quơ vòi sang hai bên kiểm

thức ăn, miếng nào không ngon thì chúng tung đi thật xa. Nhưng lũ voi non không quen như vậy. Có lúc chúng quăng thức ăn thừa ngay dưới chân. Lập tức voi mẹ bắt chúng làm lại, cuốn những cành thừa ấy đặt vào vòi chúng rồi đẩy chúng sang bên lề đường cho chúng đem ném đi xa.

Ngoài ra các quản tượng cho biết rõ những bí mật về cuộc sống dẻo dai của chúng. Những điều bí mật ấy nằm ở đâu? Có lẽ vì trước hết, chúng sống cuộc đời hoạt động nên luôn khỏe mạnh. Ít khi gặp một con voi ốm trong rừng. Có những trận dịch tàn phá nặng nề những bầy trâu bò, hươu nai, nhưng chưa bao giờ nạn dịch tàn phá nổi một bầy voi. Lũ voi có nhiều khả năng tự chữa bệnh. Khi đau ốm, chúng biết đi kiếm lá thuốc. Khi bị thương, chúng lấy vòi vét đất sét đắp lên vết thương, giữ cho ruồi khỏi bầu.

Trong rừng có những con suối kỳ lạ mà trừ loài voi, không loài thú nào biết đến. Những con suối ấy chữa được bệnh. Voi ốm hoặc bị thương được các voi bạn khỏe mạnh dìu tới uống nước và tắm mình ở đó. Chúng quanh quẩn nơi đây ít lâu, thế là bệnh khỏi, vết thương kín miệng. Các quản tượng già, suốt đời đi theo dấu chân voi, biết rõ những con suối ấy.

Quản tượng làng Vông-xay kể cho các chiến sĩ nghe đủ chuyện. Nhưng tất cả những chuyện này không làm họ yêu thích bằng những chuyện về sự quyền uy của loài voi đối với con người.

Một bác quản tượng kể lại câu chuyện của chính bác:

"Một bữa tôi đưa voi vào đầm Bãi Thụt – bác nói. – tôi muốn lấy một ít cỏ lác. Chưa đến nơi tôi đã nghe vẳng lại một chuỗi dài những tiếng voi non rền rĩ. Tôi thúc voi đi nhanh. Tới nơi, tôi thấy một chú voi con đang bị thụt bùn. Bùn đã ngập đến nửa lưng nó. Bờ đầm đầy những dấu chân. Rất nhiều cành cây bị bẻ gãy và ném ra gần chỗ con voi thụt. Chắc là bầy voi đã tìm hết cách cứu chú voi non nhưng không xong. Chúng bỏ đi từ lâu vì các dấu chân đã lạnh ngắt. Con voi non nhìn tôi bằng đôi mắt van lơn. Đôi mắt cứ như bảo: "Bác ơi, đừng bỏ mặc tôi! Đừng bỏ mặc tôi!". Tôi mũi lòng, không nỡ đứng nhìn nó chết. Nhưng cần phải có ván lót và dây thừng mà làng thì ở xa. Cuối cùng tôi đánh voi về một làng gần đó, gọi người. Con vật tưởng tôi bỏ nó, vội vàng rống lên nỉ non, nài nỉ tôi ở lại.

Tôi gọi được năm người quần tượng đưa voi đến giúp. Con voi non đã bị bùn hút đến ngực, chậm một lúc nữa thì không cứu được. Chúng tôi quăng xuống gần nó hàng chục tấm ván rồi ném thừng cho con vật. Nó cuộn vòi vào thừng. Chúng tôi cho năm con voi cùng kéo. Thừng căng bần bật. Con vật nhích dần từng tí vào gần chúng tôi. Nó cố trườn lên các tấm ván. Được các tấm ván đỡ, nó nổi lên dần và cuối cùng chúng tôi đưa được nó vào bờ.

Đó là một chú voi non chừng mười tuổi. Nó chưa đến tuổi làm việc nên tôi không muốn bắt về. Mà dù nó đến tuổi làm việc chắc cũng chẳng ai nỡ bắt: đã làm ơn thì làm ơn cho trót.

Con vật đứng run run, quơ mãi vòi lên người tôi để hít hơi. Nó cứ đứng sát mãi vào tôi như cầu xin được che chở. Tôi cho

nó mấy miếng đường rồi xua nó đi. Nó tung vòi lên hít hơi tôi một lần nữa rồi buông vòi xuống, ngửi và đi theo dấu chân mà bày nó để lại trên đường.

Chuyện đó rồi tôi cũng quên đi.

Vài năm sau tôi chuẩn bị làm nhà, cái nhà mà anh em đang ngồi chơi đây. Tôi chặt hai mươi cây gỗ làm cột, đã cho voi kéo về được bốn.

Một buổi sớm khi vừa gióng voi đi làm, tôi chợt thấy hai cây gỗ có dấu của tôi nằm ở ven làng. Tôi lạ lùng nhưng hỏi khắp cũng chẳng ai rõ vì sao. Sớm hôm sau lại thấy hai cây gỗ nữa tự nhiên chạy về.

Đêm đó, tôi ra rình ở ngoài rừng. Gần nửa đêm, thấy hai con voi lẽ mề lầy vòi khiêng một cây gỗ đi tới. Đường rừng không đi ngang được, chúng đi dọc, một con đi trước, một con đi sau, hai con cùng quặt vòi sang một bên để quắp lấy cây gỗ. Cây gỗ tuy không nặng lắm so với sức voi kéo nhưng mang đi bằng cách ấy thì thật quá vất vả.

Tôi nhận ra con voi non đã được tôi cứu thoát khỏi bãi lầy và một con voi cái rất lớn, dáng chừng là mẹ nó. Chắc là hai mẹ con đã theo dõi, thấy tôi kéo gỗ về làng nên giúp tôi để cảm ơn.

Đôi voi đặt cây gỗ xuống. Rồi con voi non bỗng tung vòi hít hơi. Nó rống khe khẽ, vui mừng vì nhận được hơi quen và lững lững đi tới quơ vòi trên mặt tôi. Mấy năm đã trôi qua nhưng con voi biết ơn không quên dù nó mới chỉ ngửi hơi tôi có một lần.

Suốt mấy đêm liền, đôi voi chuyển giúp tôi mười sáu cây gỗ về làng. Những cây gỗ ấy chính là những cột tôi dùng để dựng cái sàn này..."

Con voi là thế, chẳng kể chúng đã xuống làng hay còn ở trong rừng. Vì vậy đối với chúng, các quản tượng vừa yêu thương vừa vì nể. Thương và nể không phải vì sức mạnh, vì khả năng làm việc, vì cái dáng trầm tư kiêu hãnh, nhưng trước hết vì lòng tin tưởng mà con người có thể gửi gắm ở chúng.

Các chiến sĩ hiểu rõ điều đó sau những buổi chuyện trò với các quản tượng. Dần dần họ cũng lay tâm trạng của người làng Vông-xay: họ nhìn lũ voi không phải như những con vật mà là những bạn bè.

*

Nắng chói chang. Nhịp sống ở làng Vông-xay như lắng xuống. Im ắng. Bầy voi sau phiên việc buổi sáng, đứng gà gật dưới bóng cây. Các quản tượng và các chiến sĩ ngồi bên khung cửa, cố chờ một cơn gió hiếm hoi thoảng qua. Từ khung cửa, nhìn thấy cánh đồng chạy đến chân núi. Một vài lều gạo, nơi các gia đình cất các bó lúa, đứng chơ vơ dưới nắng. Không tiếng chim kêu, tiếng lá động. Buổi trưa Lào trống trải và xa vắng lạ thường.

Nhưng rồi bỗng nghe có tiếng hát của các cô gái. Họ đi về phía nhà bác Bun-mi. Mấy cô ngừng lại dưới một gốc me, lấy sào chọc một túi me đầy. Các cô khác đi hái trái cà dại và những trái ớt chín đỏ.

Xong xuôi, họ đứng vuốt lại mái tóc búi ngược trên đầu và bước lên sàn. Lướt nào cô bé Chăm-pha cũng hớn hở ra đón họ. Cô gọi:

- Các chị sang làm chua cho các anh ăn đây! Thích quá!

Chăm-pa giúp các cô gái rửa những trái me chua. Họ lấy bao nhiêu thứ: nào me, nào muối ớt, nào cà và lá thơm, đem giã và lấy ra bát. Rồi khếp nép, họ để bát lên một chiếc mâm mây.

Một cô xinh đẹp cất tiếng mời:

- Lại ăn chua, các anh!

Các quản tượng cùng các chiến sĩ lại ngồi đối diện với họ. Cả gia đình bác Bun-mi cũng đến vây quanh chiếc mâm mây. Một mùi chua và cay lẫn mùi lá thơm làm chảy nước miếng.

Họ vừa ăn vừa trò chuyện. Món ăn tầm thường nhưng theo thói quen của người Lào, thiếu nó câu chuyện sẽ bớt mặn mà.

Thỉnh thoảng mọi người lại cùng ăn một miếng để xuýt xoa và ngừng câu chuyện để nhìn nhau.

Các cô gái có những cặp mắt rất sáng và rất dịu. Họ trở nên tươi cười vào những lúc sang mời các chiến sĩ ăn chua. Họ hỏi các chiến sĩ bao nhiêu chuyện. Cái gì cũng làm họ lạ lẫm. Họ không được đi đây đó như các quản tượng, mà cuộc sống ở làng thì bằng phẳng quá! Suốt ngày làng bản vắng ngắt, chỉ vui được một lúc vào buổi sớm khi có tiếng chày đâm gạo rộn ràng. Ở đây, người ta như mất cả thói quen cười vui. Trừ những dịp hội hè, lúc nào con người cũng trầm lặng: người ta trầm lặng

làm việc, thâm lặng ăn ngủ, và lúc buồn cũng như lúc vui, thâm lặng ca hát.

Vì thế các cô gái làng Vòng-xay mong mỗi khách lạ và khao khát chuyện nơi xa. Những buổi ăn chua làm những ngày phẳng lặng của họ bừng vui. Chẳng những họ mà cả hai vợ chồng bác Bun-mi cũng thấy mình trẻ lại...

Các cô gái hỏi:

- Bao giờ hết Pha-lăng thì các anh làm gì? Có làm quản tượng nữa không?

- Có thể không, – tiểu đội trưởng Hưng trả lời – tôi sẽ về quê làm nghề kéo mật. Làng tôi có nhiều lò đường. Thích lắm. Những đêm vắng lặng nghe máy ép mía kêu cọt két. Chảo nước ép sôi lăn tăn, mùi đường ngọt bay lên nóng hổi.

- Còn tôi, tôi sẽ về đi biển, – Đức nói. – Làng tôi làm nghề chài. Các sao có biết biển không? Rộng lắm, không biết đâu là bờ bến. Nước xanh ngắt, có bao nhiêu là muối tan trong đó.

- Phạ ơi! Có bao nhiêu là muối tan trong đó! – Các sao nhắc lại, mắt tròn lên vì kinh ngạc. – Thế thì ở đây chẳng bao giờ đói muối, có phải không ai Đức?

- Còn tôi – Sơn nói tiếp – tôi về đi học. Tôi sẽ đi học cho đến bao giờ biết được thật nhiều. Tôi muốn làm thầy giáo.

Bác Bun-mi ngắt lời anh:

- Ngày xưa, muốn học để thành "nai khu" (thầy giáo) phải là con nhà dòng dõi...

- Nhưng sau này sẽ khác chứ! Người không có dòng dõi cũng sẽ được đi học, chỉ kẻ lười biếng mới không học được mà thôi.

- Thế còn các sao? – Một chiến sĩ hỏi.

- Ngày nào bình yên thì thích lắm. Chúng em sẽ đi chợ thật nhiều. Phiên nào cũng đi, chợ nào cũng đi. Không thì buồn quá: làng bản đã vắng mà các quản tượng thì cứ đi biên biệt.

- Nếu có trường thì chúng em đi học. Chúng em cũng muốn biết nhiều thứ như đàn ông.

Bác Bun-mi mỉm cười:

- Bao giờ hết Pha-lăng thì sung sướng. Ai muốn đi học thì đi học. Ai muốn về làng làm nghề cũ thì về. Ai muốn đi chợ thì đi...

Hình như những buổi ăn chua không còn là những buổi trò chuyện mà trở thành những dịp để người ta mơ mộng. Ai cũng mong mỗi có lúc tìm thấy phần hạnh phúc xứng đáng của mình. Hạnh phúc ấy thật đơn sơ nhưng nếu còn Pha-lăng thì người làng Vông-xay và các chiến sĩ chẳng khi nào thực hiện được.

Bao giờ câu chuyện cũng kéo dài cho mãi tới khi lũ voi tỉnh giấc ngủ trưa. Chúng rống lên đòi ăn trước lúc đi làm. Mọi người luyên tiết đứng dậy. Các cô gái ra về, các quản tượng thì xuống cho voi ăn.

Buổi trưa vẫn nắng chang chang và vắng vẻ. Cây vẫn lặng gió, ve không kêu, làng bản im lìm. Nhưng các chiến sĩ thấy

lòng nhẹ nhõm. Từ trên sàn, họ vừa nhìn xuống các quần tượng đang tháo xích cho voi, vừa khe khẽ hát.



Chương IV

Ngoài những dịp trò chuyện và các bữa ăn chua, ngoài những giờ học tiếng và chữ vào các buổi tối bên bếp lửa, suốt nửa tháng đầu các chiến sĩ chưa được học gì về nghề quản tượng. Ai cũng sốt ruột. Trong một buổi sinh hoạt – các chiến sĩ vẫn giữ nền nếp sinh hoạt đều đặn – Sơn và Đức đã yêu cầu tiểu đội trưởng Hưng đề nghị bác Bun-mi bắt đầu dạy nghề cho họ để sớm được đưa voi về nước.

Hưng chưa kịp nói thì một bữa bác Bun-mi đã bảo:

- Anh em biết qua công việc của người quản tượng rồi. Bây giờ ta bắt đầu làm quen với lũ voi.

Mới đầu bác dạy họ bài hát dỗ voi. Ai đã là quản tượng, trước hết phải biết bài hát này. Họ thường hát lên cho con voi nghe khi cần an ủi nó sau một công việc vất vả hoặc khi con vật có những dấu hiệu không vâng lời.

Hôm sau, bác Bun-mi trao Sơn và Đức cho hai quản tượng giỏi trong làng, còn bác thì nhận Hưng làm phụ việc thay Khăm-phay, cho Hưng chăm con voi Bạc-heng của bác.

Bạc-heng là một con voi đực đang tuổi làm việc. Nó có một cặp ngà rất đẹp. Ngà trắng bóng, gốc đầy hai chét tay, mỗi chiếc dài hơn một cánh tay và nặng có lẽ đến hai yến. Thật là một con voi trẻ đẹp và khỏe mạnh. Khác hẳn với lũ voi đã đứng tuổi, tai con Bạc-heng còn nguyên vẹn, chưa rách và chưa hề có một vết lang, dấu hiệu của tuổi tác. Hai cái hốc ở trên đôi mắt tinh nhanh của nó vẫn còn đầy, lưởi và mồm nó lúc nào cũng đỏ hồng. Người nó tràn trề sức sống. Không lúc nào con vật chịu đứng yên: lúc thì lắc lư cái vòi, ve vẩy đuôi và quạt tai; lúc thì đưa đẩy chân hoặc lấy chân nọ cọ vào chân kia; lúc thì ngả đầu và mình sang trái, sang phải.

Bạc-heng về ở với bác Bun-mi đã hơn một chục năm và giúp bác được rất nhiều việc. Công việc chính của nó là cùng các voi trong làng đi chở hàng. Vì có sức khỏe, nó đã đi xa hàng trăm chuyến. Con vật rất thuộc đường, chuyến đi nào cũng được xếp ở hàng đầu và được coi là một trong những con voi đầu đàn của làng Vòng-xay.

Vào dịp nghỉ giữa các chuyến đi, Bạc-heng kéo gỗ. Nó kéo rất khỏe. Một ngày nó đi bảy tám chuyến, mỗi lần kéo một cây gỗ nặng hai, ba tấn. Được việc nhất là khi dùng nó phá hoang. Nó lấy chân giẫm nát những cụm cây con và cỏ dại, lấy vòi cuốn và rút đi từng bụi rậm, đem xếp gọn vào một chỗ. Mỗi ngày nó có thể phá hoang một thửa đất rất rộng. Muốn phá được một thửa đất như thế bằng sức người thì phải mất cả trăm ngày công.

Đã có người hỏi mua con Bạc-heng, đánh giá nó bằng hai chục con trâu. Bác Bun-mi không bán. Nhưng rồi một lần thấy bộ đội Ít-xa-lạ (bộ đội chủ lực của Lào) hành quân, ai cũng mang vác nặng nề, bác bàn với người làng tặng cho anh em mười con voi, trong đó có con Bạc-heng của bác.

Bộ đội Ít-xa-lạ đã lấy bảy con, còn gửi lại dân làng ba con, tặng cho anh em bộ đội tình nguyện Việt Nam và nhờ bác cùng dân làng dạy nghề cho họ.

Bác Bun-mi rất vừa lòng vì chẳng những con voi của bác được nhận mà bác còn có dịp dạy cái nghề bác rất yêu thích cho các chiến sĩ của bộ đội Tình nguyện.

Buổi sớm hôm ấy, hai bố con bác Bun-mi hái một sọt dứa rồi đưa Hưng ra chỗ xích con Bạc-heng. Họ muốn cho con voi quen hơi người quản tượng mới.

Bác Bun-mi trao cho Hưng một quả dứa, bảo anh đem vào cho con vật.

Tuy đã nghe nhiều chuyện về sự khôn ngoan và tính thuần hậu của loài voi, Hưng vẫn không khỏi rụt rè trước cái thân hình to lớn và cặp ngà nhọn hoắt của Bạc-heng.

Bác Bun-mi khuyến khích!

- Vào đi, đừng sợ! Lũ voi không thích người chủ nhút nhát, nhất là bọn voi đực. Càng mạnh bạo càng dễ bắt nó nghe lời.

Hưng bước tới. Mới đầu con voi nhìn Hưng bằng cặp mắt dò hỏi. Nhưng rồi nhìn thấy quả dứa trên tay Hưng, nó biết anh đến cho nó ăn. Anh chưa bước tới nơi, con vật đã vươn vòi ra.

Nó cuộn ngay quả dứa, khẽ mở đôi môi đỏ hồng hình tam giác, thả vào đó và nhai ngon lành.

Thế là Hưng đã đứng bên cặp ngà của con vật. Ăn xong, nó buông vòi xuống và hít hơi anh rất lâu.

- Đấy, có gì mà sợ! – Chú bé Khăm-phay vừa cười vừa nói. – Anh cho nó một quả dứa nữa rồi gọi tên nó lên cho nó nghe.

Nghe lời cậu bé, Hưng chạy ra lấy một quả dứa nữa. Vừa cho con vật ăn, anh vừa gọi tên nó. Con voi liền xòe rộng hai tai, lắng nghe.

Cuối cùng bác Bun-mi bảo Hưng tháo xích cho Bạc-heng. Xích tháo xong, con vật liền tự mình leo đèo đi theo anh. Có lúc nó đứng lại, mãi tung vòi lên cây bẻ một cành lá non, nhưng khi Hưng gọi tên nó thì con vật lại đứng đĩnh đi tới.

Trong mấy ngày liền, vào các bữa ăn, Hưng mang thức ăn đến cho con vật. Thật là một công việc vất vả vì loài voi ăn rất khỏe. Buổi sớm Hưng phải vác đến cho nó hai bó cỏ mật, một chục thân chuối rừng và một thùng cháo. Buổi trưa anh bê đến cho nó một sọt khoai, một sọt bí đỏ cắt thành từng miếng và một thùng nước pha chút muối.

Chẳng bao lâu Bạc-heng đã quen với Hưng. Mỗi khi anh tới, dù không mang theo thức ăn, con vật cũng hít hơi anh tỏ vẻ vui mừng. Bấy giờ hai bố con bác Bun-mi mới bắt đầu cho anh trèo lên cổ con vật.

Bác Bun-mi hô:

- Tin còn! (Chân trước!)

Con vật co một chân trước lên, khuỳnh khuỳnh như một bậc đá. Hai cha con người quản tượng lần lượt vịn vào vòi con vật, nhảy thoát lên đứng trên cái bàn chân lù lù rồi trèo tiếp lên đầu nó.

Họ làm mẫu mấy lần cho Hưng xem rồi tụt xuống trông cho Hưng bước lên. Nhưng dù đã quen hơi anh, con voi vẫn không muốn để Hưng trèo lên người nó. Nó không dám đặt chân xuống vì bác Bun-mi chưa cho lệnh nhưng cứ hắt hắt chân như muốn đá Hưng đi.

Hai bố con bác Bun-mi có thể quát nó đứng yên. Nhưng họ không làm thế. Họ muốn để Hưng biết làm cho con voi tuân phục bằng nhiều cách khác.

- Xa... ạng ơi...! Xa... ạng ơi... ơi!

Phăng đỡ xa... ạng ơ... ơi!

(Voi ơi! Voi ơi! Nghe nhé voi ơi!)

Hai bố con bác Bun-mi cất giọng hát bài hát dỗ voi quen thuộc. Khuôn mặt của họ trở nên đăm chiêu, giọng hát trầm trầm kể lể. Con voi liền héch cặp ngà và xòe ngang cả hai tai để lắng nghe. Càng hát, giọng họ càng như trách móc. Lũ voi vốn phân biệt được giọng nói của quản tượng: giận dữ thì nó lo, buồn rầu thì nó buồn theo, vui vẻ thì nó mừng. Bạc-heng hiểu được ý người, cọ cọ cái vòi xù xì vào vai hai bố con bác Bun-mi và co chân lên cao thêm. Thế là con vật đã bằng lòng. Hai bố con người quản tượng lại vui vẻ. Họ thưởng cho con voi một quả dừa nữa và gọi Hưng lại.

Hưng tới trèo lên chân con vật. Nó co chân rất cao để anh có thể dễ dàng leo lên đầu nó.

Sau vài lần, hai bố con bác Bun-mi tập cho Hưng lên mình voi bằng các cách khác. Khi họ hô "Tin lẳng" (Chân sau!), con voi duỗi một chân sau ra cho Hưng trèo lên mông nó. Khi họ hô "Mẹp!" thì con voi liền phủ phục cho Hưng trèo lên từ bên sườn.

Cứ thế, hằng ngày hai bố con bác Bun-mi dạy cho Hưng mọi khẩu lệnh. Dần dần con Bạc-heng quen với tiếng Hưng, anh bảo gì nó cũng làm theo ngay.

Từ đó, Hưng được giúp bác Bun-mi điều khiển con vật trong mọi công việc hằng ngày.

Buổi sớm, anh mang thức ăn đến cho Bạc-heng rồi chuẩn bị cho nó đi làm. Anh lắp hai cái bao bằng sắt giống như bao gươm vào cặp ngà của nó để ngà khỏi bị sây sát khi con vật nâng những cây gỗ lên, xếp thành đống. Rồi anh đưa nó vào rừng và cùng bác Bun-mi đóng xích cho nó kéo gỗ. Buổi trưa, anh đưa nó về, xích dưới bóng râm cho nó nghỉ. Khi con vật đã lại sức, Hưng gióng nó đi kéo nốt chuyến gỗ buổi chiều. Trước khi vào rừng, theo lệnh Hưng, Bạc-heng đến dưới giàn gác các ống tre, tung vôi lên, ôm lấy từng cái ống rồi ra sông kín nước về cho bác Bun-mi gái nấu bữa cơm tối. Cũng có lúc Hưng đưa nó đi lấy củi. Con vật nhắm một cành cây vừa tầm, vươn vôi lên, bẻ xuống. Hoặc nó lấy chân cào đất, lấy trán húc vào cây cho cong, sau đó lấy hết sức tì chân lên để đập đổ.

Con vật không bao giờ vội vàng, cứ đứng đĩnh và im lặng cho tới khi công việc đã làm xong.

Sau phiên việc buổi chiều, Hưng thả cho Bạc-heng theo bầy tự do đi tắm dưới con sông chảy ở ven làng. Nhiều bữa Bạc-heng cùng với bầy voi đặt các trò vui trên bãi cát rộng, chơi đùa cho tới một ngày vất vả. Bạc-heng đi lại, tung vòi cuốn lấy vòi một anh voi đực lực lưỡng, ra sức kéo co. Cả bầy liền tản rộng, nhìn cuộc vui bằng những cặp mắt lim dim tinh nghịch.

Bốn cặp chân đồ sộ màu xám của hai đôi thủ cùng căng thẳng, các bắp thịt cuộn lên. Hai cái vòi lúc thì giãn dài, lúc thì co ngắn. Bạc-heng lùi được một đoạn, con kia cố kéo lại. Rồi bỗng Bạc-heng thót hẳn bụng, rụt đầu ra phía sau. Nó lấy hết sức kéo đôi thủ lết đi hàng chục bước, làm bãi cát lồm xuống những đường sâu hoắm như đường cày. Sau đó Bạc-heng đứng lại, mắt chớp chớp như bảo bạn: "Đừng giận nhé, chẳng có gì quan trọng đâu, chỉ là đùa vui đấy thôi..."

Đùa nghịch đã chán, bầy voi lại vai chạm vai cùng lội xuống sông, ngả mình nằm giữa làn nước trong xanh. Bạc-heng nằm lặng im, khoan khoái, tận hưởng cái mát mẻ và yên tĩnh của buổi chiều, cho đến khi trên làng nổi trống gọi thì con vật mới thong thả lên bờ và cùng với bầy, lững thững đi về.

Bữa chiều, Bạc-heng và bầy voi được ăn theo ý thích.

Ở giữa bãi voi làng, các quần tượng đã chắt đầy những thân chuối, những bó cỏ mật và những bó lá rừng. Lũ voi đến đây không tranh giành cãi lộn, chọn những thứ mà chúng ưa nhất, đứng đĩnh đem về nơi chúng ngủ. Bạc-heng cũng đi lại vài ba

chuyên, lấy đủ thức ăn để ăn đêm. Rồi nó đứng lắc lư bên cái cột, chùng một chân, vừa ăn vừa lim dim mắt, như có điều gì đang bận suy nghĩ.

Khi Bạc-heng ăn xong, Hưng đến xích chân nó vào cột. Con vật hít hơi anh lần cuối cùng trong ngày. Một lúc sau con voi của Hưng đứng im như đá: nó đã ngủ yên.

Làng Vòng-xay gửi Sơn cho bác Thao Phêng. Bác là quản tượng của con voi Sao-nọi. Tiếng Lào, Sao-nọi là "Cô bé con". Đó là một con voi cái đẹp và hiền. "Nó hiền như con chó con ấy, ai Sơn à!" – bác Thao Phêng bảo khi Sơn đến làm phụ việc cho bác.

Cái thân hình to lớn của Sao-nọi khiến Sơn e ngại. Nhưng thật ra, con vật không khó tính như lũ voi đực. Nó rất dễ gần và thông minh.

Nó là một trong những con voi được lựa chọn ở làng Vòng-xay để bí mật chuyên chở vũ khí cho anh em bộ đội Lào qua các vùng địch tạm chiếm. Vũ khí được buộc dưới chặt bụng nó; con vật cùng với bầy đi như một đàn voi hoang. Bác Thao Phêng bước sau chúng như một người đi tìm con trâu bị lạc. Bác điều khiển chúng bằng tiếng chim. Khi qua quãng đường nguy hiểm, bác kêu một hồi như chim hót và thế là bầy voi phá chạy hết như lũ voi rừng, ào ào qua con đường bị phục kích.

Bác Thao Phêng đưa Sơn đến bên cái vòi của Sao-nọi và gọi:

- Này Sao-nọi! Ai Sơn là quản tượng mới, nhận hơi đi!

Con voi lập tức vươn vòi lên, rà khắp người Sơn để ngửi hơi. Đôi mắt nhỏ của nó chồm chớp liên hồi.

Chỉ vài mươi ngày sau, con vật đã quen với Sơn. Bác Thao Phêng cho Sơn cây đòng nhưng chẳng bao giờ anh phải dùng đến vì Sao-nội rất vâng lời và sáng dạ. Chỉ cần Sơn nhích hai chân kẹp ở cổ hoặc vỗ vỗ vào đầu nó là nó hiểu ngay ý định của anh: con vật quỳ xuống, đứng lên, đi tới hoặc lùi lại, không để Sơn phải hô một tiếng.

Được trao một con voi ngoan như Sao-nội, Sơn rất vừa lòng. Anh hết sức chăm lo cho con vật. Vào những buổi trưa nóng bức, Sơn thường thấy Sao-nội lấy vòi nhặt một cành cây khua trên lưng để đuổi ruồi muỗi. Những bữa không tìm được một cành cây vừa ý, Sao-nội bứt rứt. Nó bồn chồn đi lại, cong vòi lên lưng mà xì hơi.

Thấy thế, Sơn làm cho Sao-nội một cái quạt. Anh ghép hai tàu lá gồi, nẹp tre cho cứng rồi đưa cho Sao-nội. Con voi xua quạt trên lưng và thấy cái quạt đuổi ruồi tốt hơn những cành cây mà nó từng nhặt được, nó lim dim đôi mắt tỏ ý vui thích.

Hết buổi trưa, khi xuống giong Sao-nội đi làm, Sơn lấy cái quạt ở vòi nó, cắm xuống một khe đất bên cái cột xích voi. Hôm sau Sao-nội bắt chước Sơn và từ đó thành một thói quen: mỗi khi quạt xong, con vật lại cắm cái quạt vào chỗ cũ.

Một buổi trên đường đi làm về, Sao-nội đưa Sơn qua một gốc phượng rừng đầy những tím hoa vàng. Con voi ngừng lại, đi quanh rồi rồi vươn vòi lên cao. Nó tìm một chùm hoa đẹp, nhẹ nhàng bẻ lấy rồi đưa lên đầu cho Sơn.

Nó trả ơn người quản tượng đã hết lòng vì nó.

Làng Vòng-xay trao cho Đức con voi đực Bạc-mày. Thoạt đầu, cũng như mọi con voi trong làng, Bạc-mày rất dễ bảo. Chỉ sau vài tháng, con vật đã quen với Đức và lưu luyến anh chẳng khác gì nó lưu luyến người quản tượng chính.

Nhưng mấy bữa nay Bạc-mày bỏ ăn. Nó trở nên hiếu động và hung hãn. Con vật giằng xích, bồn chồn đi lại quanh cái cột, hệt như một con gấu. Cái chuông ở cổ nó không ngừng kêu reng reng. Từ khi nó bắt đầu trái tính, Đức đeo cho nó một cái chuông, cũng như người ta treo chiếc mõ ở cổ trâu, phòng khi con vật giật xích chạy trốn thì theo tiếng chuông mà tìm nó về.

Chốc chốc Bạc-mày lại rống lên. Tiếng rống dữ tợn như tiếng một con voi độc giữa rừng hoang, át cả nhịp chuông reo lạnh lạnh.

Năm nay Bạc-mày hai mươi tuổi, đó là tuổi thanh xuân của loài voi. Bạc-mày cũng hồn nhiên và tinh nghịch như con người vào tuổi ấy. Nó thường âu yếm hít hơi những ai qua lại, có khi phun một tia nước vào họ rồi nheo nheo cặp mắt ra chừng thích thú.

Bạc-mày không ra đời ở những khu rừng hoang đại cây cao bóng cả, nơi tổ tiên nó đã từng ra đời, trái lại, con vật sinh ra trên một nệm rơm êm ấm ở giữa làng Vòng-xay. Mẹ nó khi ấy mới về với loài người nhưng có mang nó từ ngày còn sống trong rừng.

Lớn lên ở dưới làng, Bạc-mày rất thuần tính. Các quản tượng không phải dạy nó điều gì: nó thuộc hết các khẩu lệnh của họ từ thuở mới ra đời. Đến năm mười lăm tuổi, con vật bắt đầu đi làm. Nó được đối xử tốt, được ăn no và làm việc vừa sức. Cuộc sống chẳng có gì khó nhọc: Bạc-mày rất vừa lòng dù dòng máu chảy trong người nó vẫn là dòng máu nóng hổi của loài voi.

Thế nhưng nay con voi Bạc-mày đã hoàn toàn đổi khác. Trước hết nó im lặng. Nó từ chối mọi sự săn sóc của Đức: khi anh vuốt ve nó thì nó đập đập chân, tỏ ý bực bội. Rồi con vật trở nên khó tính: hơi trái ý là nó nhìn gườm gườm, cong lưng, đập tai và hươi đôi ngà lên một cách gây gổ, sẵn sàng nổi giận. Nhiều lúc nó đứng u uất, nhìn đăm đăm về phía chân trời. Mắt nó như đóng đanh vào các rừng cây và những ngọn núi biếc, từ đó bay về mùi thơm của lá cơm xôi và của những ngọn thông già.

Một nỗi khao khát về sự buông thả mà nó chưa bao giờ được hưởng cháy bỏng trong người nó. Nó thèm được đi lại tự do dưới những vòm cây hoang dại, không xiềng xích nặng nề ở dưới chân, bên một con voi bạn cũng không xiềng xích như nó.

Nỗi khao khát kéo dài đến mức con vật thấy ngứa ran trong các thớ thịt. Da nó đau đớn và run lên rùng rùng, như bị chích bởi muôn nghìn ruồi muỗi vô hình. Đến đêm, khi trăng rừng xanh biếc rọi vào mắt nó thì con vật không còn chịu đựng được nữa. Nó đứng dựng dậy, hai chân sau căng thẳng, hai chân trước chới với. Bụng nó như thót lại, bao sức lực được dồn cả

lên đôi vai để sẵn sàng chồm ra phía trước. Rồi nó vươn vòi lên cao, thở hổn hển và rống những tiếng rền vang, vừa buồn thảm vừa hung hãn.

Tiếng rống dữ dội làm thức tỉnh cả làng Vông-xay đang ngủ im lìm. Người ta vùng dậy, đốt đuốc, cầm gậy gộc chạy đến. Mặc, con voi không thèm chú ý đến sự náo động diễn ra quanh nó, cứ giận dữ gào lên mãi. Chừng như những bản năng bị vùi lấp từ lâu sống lại trong người nó. Không phải bản năng của chính nó mà của tổ tiên nó gửi lại từ ngàn đời.

Bạc-mày đang qua cơn khủng hoảng mà bất cứ con voi nào ở lứa tuổi hai mươi cũng đều trải qua.

Ngay giữa đêm ấy, người quản tượng của con Bạc-mày và Đức cùng một số quản tượng bạn và bác Bun-mi đến chữa cho nó trở lại thuần tính.

Thấy đông người, Bạc-mày càng muốn đập phá. Nó cứ đứng dựng như một con ngựa bất kham, đôi mắt lúc bình thường hiền dịu, lúc này giận dữ, bắt ánh đuốc, đỏ ngầu. Dây xích dưới chân nó căng bần bật, như sắp đứt tung.

Con Bạc-heng lực lưỡng đem bác Bun-mi và Hưng trên cổ cùng ba bốn voi khác vào sát con Bạc-mày, lấy vòi ấn nó đứng xuống. Bạc-mày chống cự dữ dội.

Một người quản tượng trẻ nóng nảy đòi dùng cây đòn. Anh khua cây đòn sáng ngời của anh trên đầu:

- Từng này người mà chịu một con voi à?

Bác Bun-mi gạt đi:

- Ấy chớ! Không phải lúc dùng cây đòn. Để nó cho tôi.

Bác Bun-mi không thích trừng phạt. Bác cho rằng lũ voi trẻ tuổi, cũng như những con người vào tuổi ấy, cần sự khuyến khích và gương tốt hơn.

Bác quay lại bảo Đức, Hưng, Sơn cùng người quản tượng trẻ vừa nãy đã đòi dùng cây đòn với Bạc-mày:

- Con vật hung dữ thì người quản tượng phải hiền từ. Đừng đánh đập nó, càng đánh đập càng làm nó nổi giận.

Bác Bun-mi điều khiển con voi theo những nguyên tắc của bác. Bác thực lòng tin yêu con vật và không bao giờ bắt nó chịu đựng những điều nó không chịu nổi. Loài voi cũng cảm giác, cũng suy nghĩ, đau khổ hoặc sung sướng, yêu thương hoặc giận dữ, chẳng khác con người. Tốt nhất là hãy công bằng với chúng. Sự công bằng và những săn sóc có tác dụng đối với chúng hơn là cây đòn. Bác Bun-mi thường căn dặn các chiến sĩ: "Điều khiển loài voi khó hơn người ta thường nghĩ. Chúng là những con thú có sức mạnh và có trí khôn. Người quản tượng phải biết coi trọng sức mạnh và trí khôn ấy!".

Bác Bun-mi cho Bạc-heng lấy vôi giữ chặt lấy vôi Bạc-mày. Bác đề nghị:

- Cho nó uống thuốc rồi thả nó về rừng ít ngày.

Các quản tượng gặt đầu, tán thành. Đức giật mình, hỏi:

- Người làng Vông-xay định thả con Bạc-mày thật hay sao, bác Bun-mi?

- Phải. Khi một con voi muốn đi, hãy để nó đi, không thể nào khác được. Bao giờ nó muốn thì tự nó sẽ trở về.

- Lỡ nó không về thì sao? Nó đang trong cơn điên...

- Nó sẽ trở về, ai Đức ạ! Lòng tốt của ta giữ chân nó. Khi nào tỉnh lại, nó sẽ quay về.

Bác Bun-mi bảo người về lấy một nải chuối. Bác bóc vỏ, nhét vào đó những viên thuốc rồi thông thả cho Bạc-mày ăn từng quả. Khi nó ăn xong, bác ra lệnh cho Đức tháo xích dưới chân con vật. Các voi khác giãn ra, nhường lối cho nó.

- Đi nhé! Đi vài hôm rồi trở về nhé! – Bác Bun-mi vui vẻ chào con Bạc-mày.

Được buông thả bất ngờ, mới đầu con vật đập đập cái chân rồi thấy chân đã nhẹ, nó rảo bước đi ngay ra khỏi làng. "Rung rung... rung rung...". Tiếng chuông kêu theo tiếng chân và dần dần xa.

Đêm ấy, Đức và các bạn không sao ngủ được. Họ nằm tiếc con voi, chỉ e nó không trở lại.

Nhưng mấy hôm sau, con vật đã quay về. Mới qua vài đêm, chắc nó chưa kịp lên tới những con đường mà các bầy voi hoang thường đi lại. Cũng có lẽ vì thuốc đã ngấm, cơn khủng hoảng của con vật đã chấm dứt.

Nhưng còn một lý do nữa không kém phần quan trọng. Dù có sức mạnh, con voi cũng như mọi thú vật khác, muốn nhìn thấy hết thấy nhưng lại muốn che giấu mình. Đó là tính rùng. Nhưng cái chuông ở dưới cổ Bạc-mày cứ kêu lạnh lạnh. Bạc-

mày thấy mình bị nhìn rõ ở khắp nơi. Nó biết bất cứ lúc nào cũng có những cặp mắt từ những bụi cây, những hang hốc rình theo nó từng bước.

Có thể loài voi cũng biết suy nghĩ. Qua cơn khủng hoảng, Bạc-mày tự thấy mình không còn thích hợp với cuộc sống bí mật trong rừng. Nó quay về.

Bây giờ đang là bữa ăn chiều. Lũ voi bạn đón nó bằng những tiếng rống vui vẻ. Con vật lại lững thững đi đến chỗ để thức ăn ở giữa bãi voi làng, chọn những thứ nó thích, mang về bên cái cột của nó.

Nó đứng ăn bình yên như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Nghe tiếng chuông kêu ngoài bãi voi, Đức nhảy choàng từ trên sàn xuống đất.

- Bạc-mày đã về! Bạc-mày đã về!

Vừa kêu, Đức vừa chạy đến, ôm chầm lấy cái vòi của Bạc-mày. Hưng và Sơn cũng vội chạy lại. Họ đem theo một túi quả "óc chó", nhặt từng quả đưa cho con voi. Con vật tinh khôn dùng vòi hít lấy, thả xuống chân, khẽ đập cho vỡ lớp vỏ cứng rồi đưa cái nhân trắng lên mồm nhai ngon lành.

Bác Bun-mi và các quản tượng khác cũng đã tới. Mọi người hân hoan đứng nhìn Bạc-mày ăn. Đợi cho con vật ăn xong, các quản tượng giúp Đức xích nó vào cột như cũ...

*

Hai bố con bác Bun-mi thường đưa các chiến sĩ đi tìm những lá thuốc mà người quản tượng cần biết. Làng Vông-xay

cũng có một vườn thuốc, nhưng phải vào tận rừng sâu mới tìm được đủ các loại lá cần dùng.

Con voi về dưới làng đôi lúc cũng ốm đau. Cách chữa bệnh tốt nhất là thả nó vào rừng, nó đi đâu thì người quản tượng đi theo đó. Do bản năng kỳ lạ, con voi tự tìm được những món thuốc thích hợp.

Đưa những con voi ốm vào rừng nhiều lần, quản tượng làng Vông-xay dần dần biết nhiều vị thuốc của loài voi. Con voi kiếm dây sâm leo, lá bách bộ khi bị ho. Nó tìm sâm lá mít, cỏ xước khi bị đau ở các khớp, ăn rau gai khi bị lở trong mồm, rau lu lu, rau chóc khi sốt, kiếm cây thồm lồm khi đau bụng... Có loại thuốc là cỏ, lá, có thứ là dây tầm gửi bám trên các thân cây, là rêu mọc ở các bờ suối hoặc trong các hang hốc ẩm ướt, nhưng có loại lại là rễ và củ nằm sâu dưới đất. Muốn lấy được những củ và rễ đó, con voi hít nước phun cho đất mềm ra rồi lấy vòi lắc và nhổ cây lên.

Vào những dịp nghỉ giữa hai đợt kéo gỗ, hai cha con bác Bun-mi đưa các chiến sĩ đi rất xa. Họ không mang vũ khí như những người săn bắt mà đi như những nhà nghiên cứu hiền lành và vui vẻ, tới tận những con suối kỳ lạ, nơi voi hoang thường tìm đến nghỉ ngơi và chữa bệnh.

Có những con đường thên thưng dẫn đến các suối ấy. Chúng ở rất sâu trong rừng, luôn luôn ẩm áp, bốc khói và tỏa mùi lưu huỳnh. Nước trong vắt, sủi tăm, chảy qua những tảng đá làm thành muôn vàn chiếc bong bóng, long lanh dưới các tia nắng lọt qua vòm cây. Lũ voi hoang để lại ở đây bao vết tích:

những vết chân lui tới hằn rõ trên nền đất, có dấu đã rắn đanh, có dấu còn mới, những thân cây bị mài mòn, những tảng đá bị cọ nhẵn, những bến tằm kín đáo dưới những vòm cây cao lớn hoang sơ và nguyên vẹn: lũ voi không bao giờ tìm thức ăn ở bên những bờ suối này, giữ bí mật nơi chúng chữa bệnh trước những cặp mắt tọc mạch của các loài thú rừng.

Ngoài những chuyến đi dăm ba ngày ấy, thỉnh thoảng hai cha con bác Bun-mi còn dẫn các chiến sĩ đi săn, khi bò thịt khô và vò mỡ trong nhà đã gần cạn. Họ đi kiếm một con nai hoặc một con lợn ở những cánh rừng dưới chân núi gần làng. Nhưng cuộc săn nhỏ như thế thì một vài nhà tổ chức với nhau. Bao giờ tìm được dấu thú lớn thì cả làng giồng voi đi cùng. Đi săn trên lưng voi cũng là những cuộc rèn tập: các chiến sĩ phải luôn luôn ra những mệnh lệnh chính xác cho lũ voi, khỏi để sống con mồi.

Nhiều tháng trôi qua. Các chiến sĩ hoàn toàn quen với đàn voi và có thể thay thế những người quản tượng chính. Mùa khô cũng vừa tới. Sông và suối đã vơi, những cánh đồng trước đây ngập nước, nay đã khô cạn. Những đoạn đường lầy lội, không thể đi lại được trong mùa mưa, vào dịp này cũng se bùn. Mùa lên đường đã tới. Làng Vông-xay tổ chức những chuyến đi xa, sang Thái Lan hoặc lên tới vùng biên giới Lào Bắc, giáp với nước Miến Điện, hoặc xuống miền cực nam giáp Cam-pu-chia.

Cả làng tập nập chuẩn bị cho những chuyến đi kéo dài hàng tháng. Các bà nội trợ sửa soạn thức ăn ăn đường, gạo nếp, thịt khô, mắm cá, nôi niêu, bát đĩa... Các chiến sĩ thì cùng các quản

tượng sửa sang lại bành voi, dây chằng, vỗ cho lũ voi ăn béo và chuẩn bị đồ đạc riêng, chăn màn, quần áo. Các quản tượng có loại tiền gì đều mang đi hết. Các chiến sĩ đều được người làng Vông-xay phát một ít đồng "bạt", đồng "ru-pi" và đồng "riên" để có thể mua những vật kỷ niệm nho nhỏ ở dọc đường. Họ còn được học những câu thông thường tiếng Thái, tiếng Miến Điện và tiếng Khơ-me để tiện liên lạc với người địa phương.

Ai cũng vui thích và náo nức chờ đợi từ hàng tuần trước. Càng gần ngày lên đường, các chiến sĩ càng mong mỏi. Đêm đêm, họ trần trọc, thao thức. Cảnh lạ đường xa mà họ từng nghe các quản tượng dày dặn kinh nghiệm kể lại cứ chập chờn hiện ra trong mơ...

*

Bầy đốm được hơn ba chục đầu voi, có tám cặp ngà, do một con voi cái già to lớn dẫn đầu.

Bác Bun-mi và người làng Vông-xay gọi chúng là bầy Đen để phân biệt với bầy Xám, những tốp voi nguồn gốc Miến Điện và Ấn Độ, to lớn, màu lông xám đỏ.

Bầy Đen đang trên đường đi xuống những triền núi phía nam. Chúng đến rừng cọ vào mùa nảy lá, đến rừng chuối khi các cây non bắt đầu lên cao và giờ đây chúng tìm xuống đồng bằng vì một mùa mưa nữa lại sắp bắt đầu. Trong khi đó, những tốp của bầy Xám đi theo con đường ngược lại. Rừng quê hương của bầy Xám cũng đang tươi xanh. Bọn chúng trở về, qua những dãy núi cheo leo của vùng Lào Bắc, tạt sang phía

tây, vượt những thác ghềnh của sông Mê-kông, tới những cánh rừng Miến Điện hoang vu, tạm chấm dứt cuộc đi ngàn dặm.

Từ mùa xuân, bầy Đen đã vượt hàng trăm ngọn núi. Trước đây mười năm, bầy chỉ mới đếm được mười lăm đầu voi trong đó có dăm voi cái. Cứ ba năm, mỗi con voi cái đẻ một lần và bây giờ thì bầy đã đông đến mức không thể ngừng lại ở đâu lâu hơn ba ngày mà không bị đói. Nhu cầu quá lớn về thức ăn làm chúng phải đi liên miên. Đời chúng là những cuộc đi vô tận, trên những chặng đường gập ghềnh gian khổ.

Trên con đường muôn dặm, bầy Đen chờ đợi nhất mùa mưa. Mùa mưa sẽ chấm dứt – dù chỉ tạm thời – những vất vả vô tận của cuộc sống lang thang, mở đầu một thời kỳ nghỉ ngơi no đủ.

Sang đến giữa tháng tư, nhịp đi bắt đầu gấp gáp. Thỉnh thoảng đã thấy mưa rơi lác đác trên đường. Bầy Đen đi không còn kể ngày đêm và bao giờ chúng cũng xuống đến đồng cỏ đúng vào mùa mưa.

Một chiều, khi đến giờ nghỉ thường lệ, lũ voi của bầy Đen không thấy con đầu đàn ra lệnh ngừng chân. Một vài con rống lên dò hỏi. Đầu đàn không trả lời. Cuộc đi cứ tiếp tục. Rồi trắng lên. Bầy voi vẫn đi dưới trăng. Con đầu đàn thuộc đường biết rằng không bao lâu nữa bầy sẽ xuống đến đồng cỏ.

Khi bầy Đen ào ạt đi trong đêm trên triền núi sau làng và khi con voi già đầu đàn bỗng nhiên rống một hồi dài thăm thẳm thì bác Bun-mi choàng dậy. Đã bao đêm nay, bác chờ đợi một tiếng rống như thế. Bác muốn tổ chức một cuộc săn lớn,

trước khi trao những con voi chủ chốt trong làng cho anh em bộ đội tình nguyện Việt Nam.

Nghe tiếng rống vọng xuống làng, mọi nhà đều thức giấc. Lũ voi buộc ở gốc cây thì buồn bực giậm chân và thở phì phì.

Bác Bun-mi chạy ra ngoài sân. Đêm đã khuya. Mấy đêm trước, mưa rơi lác đác, đến đêm nay thì mây đen bay tới đầy trời. Dãy núi trước nhà như chìm mất trong mây. Chớp lóe xa xa, sấm rền vọng lại.

Mùa mưa đã tới và thế là bầy Đen đã trở về. Một niềm vui mạnh mẽ, niềm vui của những cuộc săn lớn làm một người đứng tuổi như bác Bun-mi cũng thấy náo nức. Tuy bầy Đen đi trên núi cao và giờ này chắc chúng đi đã xa nhưng bác Bun-mi vẫn đứng lắng nghe.

Một lúc sau bác mới vào nhà và chắt củi nhóm bếp.

Các chiến sĩ cũng đã dậy, đến ngồi cạnh bác.

- Tôi nghe như có tiếng voi hoang, bác à! – Tiểu đội trưởng Hưng nói.

- Phải, bầy Đen đấy! Bầy Đen đã trở về – Bác Bun-mi trang trọng trả lời. – Vài hôm nữa làng ta sẽ tổ chức một cuộc săn lớn.

Ánh lửa lung lay trong lúc ngoài trời mưa bắt đầu rơi. Đàn voi nhà cũng rống theo mưa. Lũ voi vốn là như vậy, chẳng kể voi rừng hay voi nhà, cứ có mưa là chúng trở nên lẩm lời.

Những giọt nước nặng nề lác đác đập trên mái nứa. Rồi chẳng bao lâu nước trút ào ào.

Nhiều người đội mưa chạy lên nhà bác Bun-mi, mỗi người che một tàu lá cọ trên đầu. Họ đặt tàu lá ở ngoài cửa rồi giữ nước trên người, vào nhà vừa mừng rỡ nói:

- Bác Bun-mi ơi, bầy Đen về rồi!

- Bầy Đen về rồi! – Bun-mi sung sướng nhắc lại.

- Ngày mai ta đi chứ?

- Đi! Tôi và vài ba người đi thăm đất. Ở nhà anh em cứ chuẩn bị đồ sẵn, cho voi ăn no, đợi tôi về.

Sớm hôm sau, bác Bun-mi cùng Hưng và hai người quản tượng nữa lên đường.

Mưa đã ngớt. Trời lại sáng sủa. Trên lưng núi, những dấu chân voi đầy nước mưa, dấu nọ đạp trên dấu kia.

Người theo dấu, từ bác Bun-mi cho đến các quản tượng ai cũng biết nhận dấu và nhận hơi rất giỏi.

Bầy Đen có bao nhiêu đầu voi? Có bao nhiêu voi lớn, bao nhiêu voi con? Chúng đã đi khỏi sớm hay muộn? Nơi nào bầy voi kinh hoàng, nơi nào chúng đã bình tĩnh lại? Nên theo dấu nữa hay thôi, có theo nữa cũng vô ích vì chúng đi đã quá xa... Tất cả những điều đó đều đọc được ở dấu chân mà bầy voi để lại trên đường.

Bác Bun-mi đi đầu, khom lưng bước theo dấu. Mỗi con voi có một dấu chân riêng, bác Bun-mi đếm dấu và biết rõ số đầu voi trong bầy Đen. Bác chỉ cho Hưng những dấu lớn giữa các dấu khác. Đó là dấu của con đầu đàn. Những dấu ấy cách nhau từng đoạn dài theo nhịp bước và hằn sâu, chứng tỏ đầu đàn là

một con voi lớn nặng nề. Nhưng to lớn đến đâu? Cao bao nhiêu? Nặng bao nhiêu?

Bác Bun-mi lấy một đoạn dây đo vòng quanh đầu chân. Vòng chân dài sáu gang tay. Con đầu đàn cao gần gấp hai lần chiều dài ấy. Vòng bụng của nó gấp hai lần chiều cao. Còn sức nặng của nó thì được bác Bun-mi ước đoán theo bề sâu của dấu hằn trên đất rừng.

Rồi đoàn người bắt gặp từng đàn bướm đậu đầy trên dấu. Bướm bay lên phấp phới khi bác Bun-mi cúi nhìn. Bác nói với các quản tượng:

- Bướm nhiều thế này là dấu còn vương hơi, lũ voi rừng chưa đi xa.

Bác Bun-mi nói không sai. Chẳng một giờ sau, đoàn người đã ra tới đồng cỏ và thấy lũ voi đang ăn ở đó.

Họ trèo lên một chòi rình, dựng sẵn đã mấy năm nay trên một lùm cây. Từ trên chòi nhìn thấy cánh đồng bát ngát và một dòng sông uốn khúc. Lau sậy mọc chen chúc, xanh um, và những bụi tre mai uốn cong, rủ các lá rộng trên bờ cát trắng.

Bò rừng và hươu nai tự do kiếm ăn ngoài đồng. Chúng đi lại thong dong. Khi mùa mưa bắt đầu, bầy voi từ trên núi xuống, cuộc sống của đám bò rừng và hươu nai này trở nên an toàn vì lũ thú dữ thường rình đợi chúng đã khiếp sợ bỏ đi. Phía dòng sông, từng đàn chim te te và cò ngà lượn chập chờn trên mặt nước. Thỉnh thoảng một đàn sáo lại bay lên từ một chỗ khuất sau bờ sậy, vỗ lấp loáng những đôi cánh đen đốm trắng. Nơi đó chắc có những bầy trâu rừng đang dầm bùn.

Ở đồng cỏ không phải chỉ có bầy Đen. Còn vài ba bầy voi khác. Từ trong rừng lau rậm rạp, những cái vòi ngóc lên như những con trăn lớn, vung vẩy bốn phía tìm hơi lạ. Hầu như mọi bầy voi ở những triền núi chung quanh đều trở về đây. Từ tháng năm, đồng cỏ bốc lên vùn vụt, thức ăn của chúng bao giờ cũng thừa thãi. Chúng sẽ ở lại đây cho đến tháng mười, khi cỏ tranh, lau sậy và các loại dây leo đã héo vàng, lúc đó chúng mới bỏ lên núi để tiếp tục cuộc đi.

Một bầy voi bỗng rẽ lau đi tới. Những cái lưng đã được mưa rửa sạch, bóng loáng dưới nắng, hiện ra ngồn ngang. Đông lắm. Bầy Đen đấy. Bác Bun-mi đếm những con voi có thể săn được. Khoảng chừng vài chục con. Bác nhắm sẵn dăm con, chỉ cho các quản tượng biết. Làng Vông-xay chỉ đủ sức săn bắt từng ấy.

Những con voi của bầy Đen bị cái nắng chói chang sau cơn mưa thiêu đốt. Chúng đi tới bên tắm, nơi có mấy cây chò cổ thụ tỏa bóng.

Nhưng có một bầy voi đã ở dưới bên từ trước. Loài voi vốn sống có trật tự: con đầu đàn bầy Đen liền rống một hồi vang vọng để báo hiệu. Con voi già của bầy đang tắm thông thả nhồm dậy, đi lên bờ. Nó lắc lư cái vòi như người ta khua cây roi rồi vươn về phía bầy Đen, rống trả lời.

Bầy Đen liền ngừng lại.

Lũ voi đang tắm lục đục đi lên. Voi mẹ giục già đàn con đang mãi nghịch lên cho mau. Rồi bầy đã được tắm mát lưng thưởng bỏ đi về phía chân núi.

Khi chúng đi khỏi, đầu đàn của bầy Đen đưa bầy xuống bến. Lũ voi chờ đợi đã sốt ruột, thấy nước liền xô đẩy nhau bước xuống. Một vài con đứng lại khi nước mới ngập đến khoeo chân, khoan khoái hít nước tia lên lưng. Lũ voi mẹ đẩy các con ra ngoài bắt chúng tập bơi, làm chúng sợ hãi rống ồ ồ và đập nước tung tóe. Nhiều con hụp hẳn xuống đáy sông, chỉ đề hở cái mõm sọ và cái đầu vòi để thở. Có con voi đực nằm nghiêng hẳn sang một bên sườn, thoải mái, bình yên. Đôi ngà của nó nằm dưới đáy nước trong veo, trông trắng lóa và to hẳn lên.

Tắm xong, bầy voi lũ lượt lên bờ, bắt đầu nô đùa. Lũ voi non kính trọng và lảng tránh các voi già nhưng đùa nghịch với nhau một cách thỏa thích. Chúng nghiêng ngó, đưa mắt tìm kiếm, kêu những tiếng the thé, đỉnh đặc đến gần nhau. Lũ voi già không lấy thế làm khó chịu, đứng nhìn với đôi mắt vui vẻ, vẫy tai và khe khẽ giậm chân như để khuyến khích chúng đừng sợ và hãy thả sức vui đùa.

Những người quản tượng quan sát bầy voi không chán mắt. Nhưng họ quan sát không phải cho vui mà để đặt kế hoạch của cuộc săn.

Họ ở trên chòi rình ba ngày đêm rờn rã. Mọi việc diễn ra đều đặn như ngày đầu: bầy Đen đi ăn và đúng giờ đã định, xuống bến tắm mát.

Không thể giống voi nhà xông vào một bầy đông như bầy Đen. Tám cặp ngà trong bầy là một sức mạnh đáng sợ. Phải chọn lúc.

Khi xuống bến tránh cái nóng thiêu đốt của nắng hè, bầy Đen đã mệt mỏi. Các quản tượng định mở đầu cuộc săn vào lúc ấy. Họ sẽ đưa voi nhà đến phục trước ở bến tắm, giả làm bầy voi rừng. Chúng sẽ được tắm mát thỏa thích và lấy lại sức trong khi chờ đợi.

Lúc bầy Đen đi tới, nghe tiếng con đầu đàn của chúng rống báo hiệu đòi bến tắm, đàn voi nhà sẽ dũng mãnh xông lên.



Chương V

Cuộc sửa soạn của các quần tượng bị chậm trễ vì trời nổi dông suốt mấy đêm liền.

Ba hôm sau, người làng Vông-xay mới lên đường. Họ giồng voi đi từ lúc trăng chưa lặn, gồm hai mươi con voi săn kèm theo một con voi già có đóng bánh để chở đồ đạc cần dùng.

Dù đồng cỏ cách làng không bao xa, bác Bun-mi và các quần tượng vẫn đem theo túi đi đường, trong đựng các vị thuốc và tiền của nhiều nước.

Thoạt ra khỏi làng, bầy voi nhà còn đi đủng đỉnh. Rồi quen chân, chúng bước rất mau, chẳng bao lâu đã tới cánh rừng ven đồng cỏ. Từ đó, chúng bắt đầu thận trọng đi chậm lại.

Nhưng khi bác Bun-mi đưa đàn voi đến cửa rừng thì đồng cỏ đã vắng ngắt. Lũ voi đã bỏ đi. Còn ở lại chỉ có trâu bò và hươu nai, chúng vốn không quen với cuộc sống nay đây mai đó.

Đoàn người sửng sốt. Lũ voi đi đâu? Cái gì đã xua đuổi chúng khỏi nơi này?

Bác Bun-mi chọn ba cỗ voi, cử hai quản tượng và tiểu đội trưởng Hưng đi thăm dò tình hình. Ba cỗ voi đưa ba người trinh sát đi ngang dọc khắp đồng cỏ.

Đến xế chiều, đội trinh sát trở về, đem theo một cặp ngà dài đen sạm.

- Chúng tôi thấy xác một con voi đực to lớn nằm ở giữa cánh đồng. Đôi ngà của nó đây.

Các quản tượng nói với bác Bun-mi rồi cho voi tiến lại, đặt đôi ngà lên đầu con voi của bác.

Bác Bun-mi hỏi tiểu đội trưởng Hưng về tình hình cuộc trinh sát. Hưng trình bày sự phán đoán của anh:

- Bầy Đen bỏ đi về phía nam. Dấu chân hỗn độn dưới núi. Các dấu chân lớn đều có vết trượt, chứng tỏ cả đến những con voi chủ chốt trong bầy cũng đã bỏ chạy. Có lẽ bầy Đen gặp một tai họa khủng khiếp lắm nên mới hoảng sợ như thế.

Bác Bun-mi ôm một chiếc ngà lên, xem kỹ, ngửi mùi khét của nó rồi lại đặt xuống đầu voi. Bác hỏi:

- Anh em có thấy dấu vết gì trên cái xác không?

- Xác đã được bầy Đen lấp kín. Khi bối ra, thấy cái xác có vết cháy đen, chúng tôi đã cho lũ voi nhà lấp lại.

Bác Bun-mi vốn giàu kinh nghiệm. Nghe những lời đó, bác đoán biết ngay được tình hình:

- Con voi chết vì sét. Luồng sét chắc mạnh lắm, cả đến đôi ngà cũng bị cháy sém.

- Phải! – các quản tượng cùng trả lời.

Một bác quản tượng đứng tuổi nhận xét thêm:

- Từ khi bày Đen xuống đến đồng cỏ, trong vùng ta chưa có làng nào kịp đến đây mở các cuộc săn.

Bác Bun-mi và các quản tượng đã phán đoán đúng. Đêm vừa qua, trong cơn dông tố dữ dội, sét đã đánh vào giữa bày Đen. Lũ voi non chạy tan tác như một bày chim sẻ. Một con voi đực to lớn đã chết. Loài voi vốn sợ mọi biến động: chúng sợ đá lở, sợ sấm sét... Thế là chúng vội vàng rút lau cỏ vùi lấp cho con bị nạn và kéo nhau đi sau khi đã tập hợp được đầy đủ lũ voi non.

Chúng bỏ đi trong cơn hoảng loạn, làm các bày voi khác thấy trớ trêu cũng bỏ đi theo.

Một cuộc họp liền được triệu tập. Các quản tượng và phụ việc ngồi trên đầu voi, thúc chúng đến vây quanh con voi của bác Bun-mi.

Bác Bun-mi trầm trầm hỏi:

- Ta đã mất công theo dấu đến tận đây, bây giờ đi nữa hay trở về?

- Đi nữa! – Các quản tượng cùng trả lời.

Trời đã gần tối, đoàn người không thể lên đường ngay được. Họ phải ngủ lại ở đồng cỏ. Bác Bun-mi phân công cho mười sáu quản tượng và tám con voi đi kiếm một con bò rừng về làm thức ăn để ăn đường. Người còn lại thì đi vào ven rừng, dọn chỗ ngủ và nấu bữa ăn tối.

Một khoảng đất rộng và cao ở ven rừng được dọn sạch. Rải rác quanh các nệm lá trải làm đệm nằm, họ đốt những cây

hương lớn để xua muỗi.

Vài giờ sau các quản tượng đã đưa voi trở về, đem theo một con bò tơ. Mọi người liền xúm quanh con môi, xả thịt và hong lửa làm thức ăn khô.

Sớm hôm sau đoàn người lại giong voi đi, theo dấu bầy Đen để lại trên đường.

Dấu chân đi tới những cánh rừng phía đông rồi cứ men theo những cánh rừng đó, đi xuống phía nam. Những vết trượt đã mất, các dấu chân không còn hỗn độn. Dần dần hai bên đường đã thấy cành lá bị bẻ gãy làm thức ăn. Bầy voi trở lại bình tĩnh, chúng đã đi chậm lại.

Bác Bun-mi và các quản tượng thúc đàn voi nhà đi nhanh. Con đường này họ từng đi quen, khi có những chuyến hàng chở xuống Cam-pu-chia. Họ mong bắt kịp bầy Đen trước lúc đến biên giới để lừa chúng quay về những đồng cỏ thuộc nước Lào.

Nhưng bầy Đen đã đi xa. Chúng vượt khỏi biên giới trước lúc bác Bun-mi và các quản tượng làng Vông-xay đến nơi.

Bác Bun-mi ra lệnh ngừng lại ở cạnh một làng Khơ-me đầu tiên. Bác cho thả voi ở ven rừng rồi dẫn vài quản tượng có tuổi cùng tiểu đội trưởng Hưng vào làng.

Bác có người quen trong đó.

*

Trời đã về chiều mà nắng vẫn chói chang. Nóng bỏng lưng, chừng như càng xuống phía nam thì nắng càng gay gắt. Những

tràn ruộng quanh làng ngập nước phù sa, hơi nóng phả lên hầm hập. Cua bò lổm ngổm đầy bờ nhưng không thấy ai bắt.

Hai bên con đường vào làng, cây cối được mưa tưới đã xanh nhưng phảng phất vẫn thấy màu vàng lửa của mùa khô. Những chiếc xe bò bánh cao tới ngang ngực, chở gỗ về làng, kéo bằng những đôi bò lực lưỡng. Xe lăn khắp khếnh, trục rên cọt két. Đám đàn ông đánh xe đều cao lớn, người thì đi bộ, người thì ngồi vắt vẻo trên cang xe. Ai nấy đều cời trần, tóc xoắn và da nâu bóng, thân quần chiếc xà rông sặc sỡ.

Đã vào gần bên làng nhưng vẫn thấy im lìm. Mọi người còn đang bận việc ở ngoài rừng nên chưa mấy ai về. Đường rợp bóng những cây muỗm cổ thụ và những hàng thốt nốt. Nhà cửa đều rộng rãi, sáng sủa dựng trên những dãy cột vững chãi. Chúng vẫn mang những dáng dấp của nhà Lào, duy có mái nhà thì dốc hơn. Hàng hiên kẹp những tấm phen thưa đan hoa bằng tre cật vàng xuộm. Nhà nào cũng có những cây hồ tiêu. Chúng leo trên giàn, buông những chùm quả sai chi chít hoặc leo trên những thân cây khác và cố vươn lên để phơi được các chùm quả ra ngoài nắng.

Chung quanh nhà là những cây thốt nốt, cao vượt khỏi tầng cây dưới thấp, trên ngọn xòe một tán lá xanh. Một vài đứa trẻ, ống tre giắt lưng liểng quanh lưng, leo thoăn thoắt lên ngọn cây. Thấy khách lạ đi qua, chúng nhìn xuống gật đầu chào mỉm cười, hàm răng trắng lóa trên khuôn mặt rất nâu.

- Lũ trẻ lấy đường đây! – Bác Bun-mi giảng giải. – Đường thốt nốt. Ở vùng đồng bằng sông Nậm-khoảng của Lào cũng có

thốt nốt nhưng lác đác thôi.

Mọi người ngừng lại, ngược nhìn. Bọn trẻ leo đến ngọn cây, rút dao rạch một đầu búp hoa, treo vào đó một ống tre. Đêm nay nước thốt nốt sẽ rỏ vào ống và sớm mai, khi các ống đã đầy, chúng lại leo lên lấy ống xuống cho mẹ canh đường.

Làng vắng vẻ nhưng phía con suối ngoài rừng thì đông người. Nước suối ngàu đỏ đất rừng, dâng cao và chảy cuộn cuộn. Nhân lúc tạnh ráo, người làng nô nức mang vó, mang chài ra kiếm cá. Đàn ông đẩy những vó dũi dọc bờ suối, lượt nào nhắc vó lên cũng được cá. Họ quăng cá lên. Lũ trẻ hò reo, tranh nhau rồi đưa cá cho các cô gái. Các cô đem mổ và gác lên những giàn phơi ghép bằng phên dựng la liệt trên bờ. Bao nhiêu là giàn phơi, đầy cá, trắng xóa ngoài bờ suối. Trên trời, từng đàn chim trắng biếc liệng vòng. Chốc chốc lại thấy một con rơi xuống nước như một hòn đá rồi bay vụt lên, mổ cắp một chú cá con lấp lánh.

Bác Bun-mi đưa mọi người tới một ngôi nhà giữa làng. Nhà rộng, các cửa đều mở, sàn đất quét sạch tinh tươm. Xa xa, dưới bóng một cây muôm cổ thụ, một con voi đang đứng bên bồn nước. Cũng giống lũ voi ở làng Lào, nó đứng chùng một chân sau, mình đứng đưa, thỉnh thoảng lại thọc vòi vào bồn, hít nước phụt lên lưng.

Đây là nhà một người bạn quản tượng Khơ-me mà bác Bun-mi vẫn ghé thăm mỗi khi đi một chuyến hàng xuống miền nam Cam-pu-chia.

Bác Bun-mi và mọi người rửa chân rồi lên thang. Mới lên hết thang, bác đã chào to:

- Chúng tôi ở làng Vông-xay sang thăm nhà ta đây! Ông già Chau Xeng có nhà không?

Chủ nhà vội ra đón họ. Ông bước ra khỏi cửa, tay cài vội mấy nút khuy của chiếc áo đang mặc dở. Cũng như mọi người khác trong làng, ông già cao lớn, da rất nâu. Mái tóc của ông đã trắng, tràm trên khuôn mặt nâu trông càng thêm trắng. Ông quần một chiếc "xăm pốt" màu gạch non, rất hợp với màu da của ông. Một vạt của chiếc "xăm pốt" được giắt khéo léo ra sau lưng, làm thành một thứ quần lửng đến ống chân, nom rất lạ mắt. Khi ông bước, hai ống quần căng phồng lên, trông như hai ống quần của một người đi ngựa.

Ông già Chau Xeng chấp tay cung kính cúi chào khách rồi đưa mọi người vào nhà.

Một bà già đang ngồi canh đường trong góc sàn. Bà khuấy nhè nhẹ nước thốt nốt trong một chiếc chảo to đặt trên bếp lửa lom dom, làm mùi đường ngọt bay khắp nhà. Bên cạnh bà là những bánh đường vừa đúc xong, nâu quánh và còn nóng hổi, tròn như những chiếc đĩa, chồng từng chồng cao.

Thấy khách vào, bà liền đứng dậy cúi chào. Bà nói bằng tiếng Lào:

- Chào các ông khách! Xin chúc phúc cho các ông!

Người vùng biên giới vốn nói được cả hai thứ tiếng. Bác Bun-mi liền thành thạo trả lời bằng tiếng Khơ-me:

- Chào bà mẹ! Xin chúc phúc cho ông bà!

Ông già Chau Xeng mời khách ngồi xuống sàn, quanh một chiếc mâm đan bằng mây nỏn. Bà Chau Xeng đã rứt nhỏ lửa bếp, đến tiếp nước. Bà bày lên mâm cho mỗi người khách một chiếc tách sứ trắng mỏng tang. Bộ tách này bà phải đổi cho lái buôn Hoa kiều mỗi chiếc bằng hai mươi bánh đường thốt nốt. Bà đem đến một bình sành lớn, đựng đầy nước thốt nốt lên men, rót mời khách uống.

Sau vài tuần nước, ông già Chau Xeng hỏi:

- Bác Bun-mi và anh em có việc gì mà ghé qua làng chúng tôi? Lần này anh em chở hàng đi mãi đâu?

- Anh em chúng tôi không chở hàng mà theo dấu bầy voi.

- Theo bầy Đen?

- Phải!

- Chúng vừa đến đây được hai bữa – ông già Chau Xeng vừa nói vừa chỉ về phía một dãy núi. – tôi đã cho người đi thăm dấu. Chúng đang kiếm ăn ở cánh đồng chân núi, cách đây nửa ngày đường. Làng chúng tôi đã báo với các làng xung quanh, cùng mở cuộc săn lớn khi nước lên.

Bác Bun-mi liền trình bày về tình hình của bầy Đen và ý định của người làng Vông-xay rồi nói:

- Làng chúng tôi tặng anh em bộ đội Tình nguyện Việt Nam ba con voi, vì vậy chúng tôi muốn kiếm vài con khác trước khi trao voi cho anh em về đơn vị. Chúng tôi đã cố công theo dấu

bầy Đen tới đây, xin cho được dự cuộc săn lớn, tốn kém bao nhiêu xin nộp đủ lệ.

- Được! Được! – Ông già Chau Xeng hồ hởi trả lời. – Bầy voi hoang có khác gì lũ chim trời, đỗ lại ở đâu thì thuộc người ở đó. Hôm nay chúng ăn ở đây, chúng thuộc người làng này. Nhưng đến đêm, nếu chúng ngược lên phía bắc, chúng lại thuộc người làng Vông-xay. Cùng anh em ta cả, tiếc gì nhau, nhất là lại bắt voi giúp cho anh em bộ đội tình nguyện Việt Nam. Mời người làng Vông-xay cứ ở lại đây dự cuộc săn lớn.

Sau đó ông già Chau Xeng hỏi ngay:

- Thế anh em bộ đội Tình nguyện có ai sang đây không?

Bác Bun-mi vui vẻ chỉ vào Hưng:

- Đây! Anh em đây! Học ở làng Vông-xay hơn một năm, nay anh em cũng đã biết nghề quản tượng rồi.

Ông già Chau Xeng quay sang hỏi Hưng đủ chuyện và liên tiếp rót nước thốt nốt cho anh uống. Bà vợ ông, nghe nói có bộ đội Việt Nam cũng vội đến hỏi chuyện.

Một lúc sau, bà thì thầm bàn với chồng rồi đứng dậy chấp tay, tươi cười nói:

- Bữa nay, xin mời khách ăn bữa tối với chúng tôi. Nhà được khách đến đông, thật vui quá!

- Xin cảm ơn! – Bác Bun-mi vội từ chối – Anh em chúng tôi đông lắm, còn hơn ba mươi người nữa ở ngoài rừng. Cứ để mặc chúng tôi lo thổi nấu lấy.

Ông già Chau Xeng xua tay:

- Một bữa ăn chứ có nhiều đâu mà lo. Năm nay được mùa, thóc lúa đầy nhà, gà lợn đầy sân, cá khô đầy chum, đừng lo cho chúng tôi.

Bà Chau Xeng liền ra ngoài suối gọi con đưa cá tươi về làm cơm. Họ bắt gà, làm chúng vừa chạy vừa kêu nhao nhác dưới sàn.

*

Mưa liên miên. Ngày nọ tiếp ngày kia, cứ đến chiều là trời lại đổ mưa. Gió vật vờ và mưa trút ào ào, trắng cả trời đất. Những con suối dưới các chân núi tràn ngập các bờ đá chảy xối về đồng cỏ.

Mọi loài thú đều đã bỏ đi trốn nước. Bọn hươu nai ra đi từ những cơn lũ đầu tiên. Rồi đến các bầy bò và cuối cùng là những bầy trâu chậm chạp. Ở cánh đồng chỉ còn bầy Đen. Chúng đã qua cơn kinh hoàng, thả sức ăn no tấm mát. Chốc chốc, mấy chục đầu voi lại đua nhau rống những hồi dài vì khoan khoái.

Nhưng khi nước từ bốn phía tuôn về đồng cỏ, rên lên đến khoeo chân thì bầy Đen bắt đầu lo ngại. Chúng kéo nhau ngược lên phía bắc, định trở về những cánh đồng của nước Lào.

Nhưng lối về của chúng đã bị chặn. Đoàn người của bác Bun-mi, được người địa phương giúp sức, đã dựng hàng chục chòi rình trên những ngọn cây cao. Đàn voi của làng Vông-xay cùng mười con voi bạn đứng dàn hàng trên các lối xung yếu.

Ở các ngã khác, đường cũng đã bị bịt kín bởi hàng chục voi nhà và người của các làng lân cận.

Thoáng thấy bầy Đen từ xa đi tới, bác Bun-mi đã nổi hiệu báo động. Trống, mõ, chiêng, tù và nổi liên hồi. Mọi người vừa gõ vừa la hét. Bầy Đen hốt hoảng quay lại.

Nước mỗi lúc một dâng cao. Từ khoeo chân, nước ngập dần đến bụng. Thế mà từ bốn phía, người và lũ voi nhà vẫn nườm nượp kéo đến. Bầy Đen càng kinh hoàng. Chúng lại lội lên phía bắc.

Nhưng lần này bầy voi tinh khôn không xông đến ngay. Chúng lẩn trốn ở ngoài xa, chờ đêm xuống, lợi dụng bóng tối để chọc thủng vòng vây.

Bác Bun-mi thừa biết mưu mẹo của chúng. Khó lòng mà có thể ngăn cản được bầy Đen trong bóng tối. Vì vậy, đêm vừa xuống, bác Bun-mi đã cho lệnh đốt đuốc. Ở các chòi canh và các ngã đường, hàng trăm cây đuốc cùng cháy bùng bùng. Đuốc gài trên thân cây, buộc trên các ngọn sào dài trong tay quân tượng. Từng đợt, từng đợt, khi có lệnh, trống mõ, tù và cùng tiếng la hét lại nổi dậy trời.

Mặc, bầy Đen vẫn xô tới. Chúng lao lại như những khối đá, ngà chìa thẳng, vòi cuộn lại và đưa lên cao, sẵn sàng bung ra. Các quân tượng gí những ngọn đuốc cháy rần rật vào đầu chúng. Nhựa đuốc bám vào da thịt chúng, cháy xèo xèo. Những cái vòi quật vun vút. Nhựa liền bay đi từng đám, cháy rực và rơi lả tả như mưa sao. Nhiều người đốt những tràng pháo dài dặc, buộc trên sào, quay tròn trên đầu. Từ trên cành cây rất

cao, những người khác xĩa những sào tre dài, đầu vát nhọn vào vôi lũ voi hoang.

Bầy Đen tổ chức hàng chục cuộc phá vây nhưng họa hoàn mới thoát được một con. Cuối cùng chúng phải trở lại đồng cỏ, biết rằng không thể làm gì được với lũ người can đảm và dai dẳng này. Chúng tìm đến nấp ở các gò đất, dưới những bụi lau rậm rạp.

Đến sáng sớm, trên các bờ cao, lưng voi nhà hiện ra la liệt. Tất cả đều không đóng bành, mỗi con mang hai ba người trên đầu. Người nọ ngồi xồm sau lưng người kia, ai cũng cầm những cây sào dài nhọn hoắt.

Càng ngày người và voi nhà kéo đến càng đông. Vòng vây khép lại, trùng trùng điệp điệp. Lũ voi nhà cứ ba con đứng thành một khối, vững chắc như một pháo đài. Chúng cũng lầm lì và dai dẳng chẳng kém gì người.

Đồng ngập nước trắng xóa, chỉ còn nổi lên những ngọn cây bị nước cuốn vật vờ. Những bờ lau chơ vơ như những hòn đảo cũng đang chìm dần. Lũ voi của bầy Đen trốn trong đó, nước ngập đến lưng. Chúng đã bắt đầu phải cong vôi lên để thở.

Người trên bờ không trông thấy chúng, nổi pháo hiệu hỏi các chòi canh. Các chòi gần xa đều nổi pháo trả lời. Nghe pháo nổ, từng đàn cò ngà kiếm ăn trên lưng voi xao xác bay lên. Thế là bầy Đen bị lộ.

Lũ voi vẫn tưởng chúng trốn kỹ lắm, chẳng ai nhìn thấy. Chúng không bỏ đi, cứ đứng im lìm trong các bờ lau, chờ cho nước rút. Nhưng nước cứ dâng cao mãi. Nước ngập ngang lưng

rồi ngập lụt đầu. Lũ voi của bầy Đen vẫn đứng im, cổ thò vòi lên khỏi mặt nước. Một vài con bị sặc, phun phì phì lên trời những tia nước lập lánh.

Cuối cùng nước lụt bờ lau, ngập đến mỏm vòi của lũ voi non. Thế là bầy Đen đành nổi lên, con nọ tiếp sau con kia. Voi mẹ rống lên rền rĩ, voi con gào sặc sụa. Cả bầy vùng vẫy tuyệt vọng giữa khoảng trời nước mênh mông. Rồi vì mệt lử, chúng bơi dần vào bờ.

Lúc này các quản tượng mới ra tay. Họ thúc voi nhà xua bầy Đen bơi ra. Lũ voi nhà ngừng lại khi nước ngập đến ngang lưng. Chúng cũng cuộn vòi lên cao để thở. Còn các quản tượng, sau khi đã xua được bầy Đen ra xa, vừa chuyện ran vừa khoan khoái khỏa chân xuống nước.

Từ trong các bờ bụi, thuyền lao ra như lá tre. Hàng trăm con thuyền độc mộc, khoét bằng những cây gỗ lớn, hai đầu vát nhọn và hai bên sườn đeo hai dây ống bương để khỏi bị lật sập khi qua các xoáy nước. Mỗi thuyền có một người lái và hai người chèo. Thuyền lướt vun vút, đứng đầu mũi là người phóng lao. Người này chỉ mặc một manh quần cộc, da nâu bóng như sành, vạm vỡ, tay cầm một mũi lao có ngạnh buộc vào một dây xích. Trong sạp thuyền dưới chân anh ta còn ba bốn mũi lao buộc xích khác nữa.

Ở phía bắc Bun-mi, hai chục con thuyền lướt đến bên bầy voi của làng Vông-xay. Các quản tượng trao vòng cho người phụ việc rồi mỗi người nhảy xuống một thuyền, cầm lấy ngọn lao và đứng ở đầu mũi.

Bầy Đen vì quá hoảng sợ, bơi tản mác mỗi con mỗi ngả. Cứ ba bốn thuyền hợp thành một nhóm, mỗi nhóm vây lấy một con.

Nhóm thuyền của bác Bun-mi đuổi theo một con voi đực. Con vật còn non tơ, béo tốt, cái lưng nần nần của nó hiện thấp thoáng dưới làn nước. Cặp ngà đang độ lớn của nó vương đầy râu, trở nên xanh biếc. Đầu nó cúi xuống nhưng cái vòi thì vẫn uốn cong lên cao và thở phì phì. Khi thấy thuyền lướt tới, nó quật vòi tung tóe.

Con vật rất dũng cảm nhưng quá vụng dại trước mưu mẹo và vũ khí của con người. Người lái liền lái cho thuyền lạng đi, tránh cái vòi đang quật. Đợi cho thuyền đỡ tròn trành, bác Bun-mi ngả người ra phía sau, lấy hết sức phóng ngọn lao.

Lao bay đi, kéo theo dây xích loảng xoảng, cắm vào vai con vật. Nó rống lên vì đau. Bác Bun-mi phóng một mũi lao nữa. Lao xuyên qua tai con vật rồi mắc ngạnh. Một chiếc thuyền khác bơi vút sang bên kia. Lao lại phóng. Cái tai còn sót của con vật bị xuyên nốt.

Bác Bun-mi và các quản tượng rải xích, bơi thuyền đi. Thoạt đầu con voi còn vùng vẫy chống cự nhưng rồi vì quá đau, nó đành phải bơi theo thuyền.

Trong khi đó, cuộc săn bắt vẫn diễn ra sôi sục. Mặt nước bao la cuộn sóng. Tiếng gào thét, tiếng kêu gọi rợn người. Hàng chục con voi của bầy Đen đã bị bắt. Nhưng có nhiều con không chịu khuất phục, giằng xích, cổ và tai rách bươm lổ máu, kéo thuyền lật sấp. Chúng bơi vào bờ, rống những tiếng

xé không khí, hung hãn leo lên rồi đeo những mũi lao và dây xích trên mình, chạy vào rừng.

Những thuyền bị lật trôi vờ trên mặt nước. Người ngã xuống loi ngoi, kêu cứu. Các thuyền khác vọt lướt tới trong lúc lũ voi già cầm hờn cố bơi nhanh lại để trả thù.

Bác Bun-mi cho thuyền giống con voi vào gần bờ. Thuyền áp vào gần một cây cổ thụ, ngập nước tới chạc giữa. Bác Bun-mi chọn một cành to, treo ngược ba dây xích lên.

Ở những cây cổ thụ kề bên, các thuyền lần lượt đem voi tới xích. Voi nào chỉ mắc ngạnh một tai thì bị chọc thêm một mũi lao nữa vào tai bên kia và cả hai dây xích đều bị buộc lên cành cây.

Hơn một phần ba bầy Đen đã bị bắt. Trừ lũ voi già và voi con không bị săn đuổi, trừ dăm ba con voi đực dữ tợn giằng được xích, hàng chục đầu voi bị dẫn đến buộc rải rác dưới các vòm cây.

Lũ voi phải bơi liên tục mới khỏi chìm. Bị bỏ đói, lại phải bơi suốt ngày, con nào cũng mệt lử. Cái đói và cái mệt làm chúng đỡ hung hãn. Không con nào còn sức để đập phá. Có con phải vươn vòi, cuốn chặt lấy cành cây, giữ cho mình khỏi bị nước cuốn trôi.

Hôm sau, các quân tượng đi thuyền tới, dòng dây song dưới bụng chúng. Họ buộc dây lên những chạc cây chắc chắn, làm cái vông giữ cho chúng khỏi phải bơi. Con nào cũng thả mình trên vông vì đã quá mệt.

Nước rút tới đâu, các quản tượng nới dây thả chúng xuống tới đây. Đến khi nước rút hết, họ đưa voi nhà tới, cứ năm con kèm một chú voi hoang. Bị bỏ đói lâu ngày, lũ voi rừng hầu như đã kiệt sức. Chỉ nhắc chân lên mà chúng cũng đã thấy mệt. Nhiều con thở dốc như đứt hơi. Bị xô đẩy giữa những cặp ngà nhọn hoắt, giữa những cái vòi chắc nịch của lũ voi nhà nô nê và khoẻ khoắn, chúng lảo đảo bước về làng.

Đoàn người của bác Bun-mi bị mất một chiếc thuyền trong cuộc săn, nhưng bắt được một voi đực và một voi cái, đều còn non. Khi nước rút, một con voi ba tuổi lạc bầy, thấy con voi cái liền leo đèo đi theo. Thế là đoàn người làng Vông-xay bắt được cả thảy ba voi rừng.

Ông già Chau Xeng và người các làng dành cho họ tất cả môi săn không bắt họ phải chia phần. Tuy vậy bác Bun-mi vẫn nộp lệ phí và tặng quà cho họ. Bác nộp năm trăm đồng "riên", một chiếc chiêng Lào cỡ lớn, một cây đồng Vông-xay cho mỗi đầu voi mà đoàn của bác bắt được.

Bác còn bồi thường hai trăm đồng "riên" cho người chủ thuyền và tặng cho mỗi đầu voi năm trăm đồng "kíp" để các quản tượng bận có tiền tiêu khi họ có dịp qua đất Lào.

Ông già Chau Xeng thay mặt người làng nhận quà. Ông trả lại cho bác Bun-mi tất cả số tiền "riên" và hồ hởi nói:

- Anh em cho chiêng, đồng và tiền Lào là quý lắm rồi. Bao giờ người làng chúng tôi qua Lào là đã có tiền tiêu chơi. Nhưng còn tiền "riên" thì trả lại để anh em có tiền tiêu khi qua bên

này. Còn cái thuyền thì không bắt đền, người làng sẽ kiếm thuyền khác trả cho người chủ bị mất.

Bác Bun-mi đành nhận lại số tiền "riên". Đoàn của bác còn ở chơi dự hội liên hoan và những buổi tiệc mừng sản. Một hôm sau, khi hội đã tàn, họ mới từ biệt ông già Chau Xeng và người các làng, vui vẻ lên đường, đưa theo lũ voi vừa bắt được trở về làng Vông-xay.

*

Lũ voi hoang được buộc dưới những gốc muôm ở giữa bãi voi làng. Các quản tượng dắt tới ba con voi cái lớn tuổi, buộc mỗi con cạnh một con voi mới, làm mẹ đỡ đầu cho nó.

Con voi cái sống với con voi non suốt thời kỳ rèn dạy. Nó dùng vòi vuốt ve hoặc ngăn trở các hành động bực bội của con voi hoang, vừa làm vừa bèn bĩ rống khe khẽ như có ý bảo: "Đừng làm dữ! Cuộc sống ở dưới làng cũng dễ chịu, rồi con sẽ thấy!"

Đêm đêm, lũ voi mới về vẫn thẫn thức gọi bầy. Cuộc sống dưới làng đối với chúng xa lạ quá!

Mới đầu những con voi sống sót trong cuộc săn còn vắng vẳng trả lời từ trên các triền núi. Nhưng rồi bầy bỏ đi xa: chúng cũng phải đi tìm ăn. Một đêm sau lũ voi non vẫn rống gọi, những tiếng rống trở lại nên rụt rè vì chúng không còn thấy bầy cũ trả lời. Từ đó chúng lặng im.

Không bị đánh đập, được ăn uống no đủ, lại được săn sóc, lũ voi hoang cũng khây khỏa và quen dần hơi người. Chiều chiều

chúng đã được tháo xích, theo mẹ nuôi đi tắm. Chúng thông thả đi ra bờ sông, giữa đàn voi nhà đông đúc. Thấy sinh hoạt đã trở lại bình thường, cũng như các voi khác, chúng khoan khoái hít nước tia lên lưng. Con nào cũng đầm mình thỏa thích và khi tiếng trống báo chiều tàn nổi trên làng thì chúng nhóm dậy, giồng tai lên lắng nghe rồi rống từng hồi, luyện tiếng.

*

Mùa hè trôi nhanh qua. Đã chấm dứt những đêm mưa tầm tã, chấm dứt những ngày nóng bỏng, nắng chói chang và hầm hập gió Lào. Trời sang thu se lạnh, trong veo. Những dây lác tiên trên bờ giậu đã rụng hết hoa và điểm lá vàng. Các đồi gianh quanh làng cũng vàng hoe một màu dịu mát của nắng chiều. Đàn chim di cư sớm đã từ phương bắc bay tới. Đêm đêm, khi bay qua làng, nhìn thấy những vàng lửa bấp bập ra ngoài các khung cửa, chúng bỗng kêu lên lạnh lạnh giữa trời.

Đã đến lúc anh em bộ đội Tình nguyện Việt Nam phải trở về. Làng Vông-xay tổ chức ngày hội quần tượng, vừa để trao voi và trao cây đồng cho anh em, vừa để đưa tiễn anh em lên đường.

Từ mấy hôm trước, làng bản đã nhộn nhịp, tưng bừng. Mọi người tấp nập chuẩn bị. Sớm ngày hội, bác Bun-mi lấy bộ lễ phục lâu nay bác vẫn cất kỹ trong hòm. Bác mặc sang như một quần tượng ở kinh đô: áo cánh trắng tinh với hàng khuy đồng vàng chóa cái đến tận cổ, quần bên ngoài quần chiếc "phá sà lùng" bằng lụa óng ánh đủ màu mua từ bên nước Thái. Bác Thao Phêng và các quần tượng khác cũng đều xúng xính áo

mới, "phá" mới còn hằn nếp gấp, dép bằng da cá sấu loẹt quẹt dưới chân. Đám phụ nữ còn ăn mặc rực rỡ hơn: những chiếc trâm bạc chạm đá quý lấp lánh trên đầu, khăn tơ mềm quàng chéo ngực, thắt lưng bạc sáng ngời ngang lưng.

Bác Bun-mi và đoàn quản tượng dẫn anh em bộ đội tình nguyện tới dự các cuộc vui. Theo sau họ là đám đông trẻ nhỏ: Chăm-pa, Khăm-phay và bè bạn của chúng. Các chú bé đều mặc áo quần ngắn nhưng bọn trẻ lớn thì cũng áo cánh trắng, "phá sà lưng" lụa, đỉnh đạc chẳng kém gì các quản tượng.

Ngày hội mở đầu bằng một cuộc thi pháo. Giá đặt pháo ghép bằng tre ngà nhẵn bóng đặt thành một hàng dài trước sân chùa. Trên mỗi giá, đặt một ống lệnh bằng tre cật dựng đầy thuốc nổ, chung quanh bó chặt bằng dây mây để tức hơi, nổ cho vang.

Theo lệnh của bác Bun-mi, những người dự cuộc thi lần lượt châm ngòi. Khi ngòi bắt đầu cháy xì xì, các cô gái hồi hộp đưa tay lên bịt tai và đứng sát vào nhau. Pháo nổ dậy đất, phun một đám khói lam mù mịt. Giá pháo lung lay, ống lệnh vỡ tung, tre và dây mây bị tước ra như xơ. Tiếng nổ làm các cô gái giật bắn lên trong lúc các quản tượng thì thích chí, thi nhau cười ha hả.

Sau khi đốt hết các ống lệnh, trai làng đặt pháo thẳng thiên lên giá. Các pháo thẳng thiên được quấn những dải vải nhiều màu để bay cho đẹp mắt. Mỗi chiếc còn mang kèm hai ống sáo như sáo diều, một chiếc giọng thấp, một chiếc giọng cao.

Ngòi cháy, pháo bay lên, phụt một vệt dài lửa và khói sau đuôi. Đôi sáo liền kêu những tiếng vi vu trầm bổng. Mọi người đang ồn ào, vội im bật để lắng nghe. Pháo mang theo những dải vải màu phấp phới, bay vun vút, dần dần chỉ còn là một chấm nhỏ trên bầu trời bao la, phải nheo mắt mới nhìn thấy. Tiếng sáo cũng nhỏ theo, chỉ còn thoang thoảng như tiếng gió khi đã lên hết tầm rồi bổng vắng vắng to dần và càng vi vu hơn khi pháo rơi. Có những chiếc pháo gắn cả một giàn năm sáu ống sáo. Chúng không bay được lên cao tí tấp những ngân vang những hợp âm réo rắt như cây "khèn" Lào đang trong khúc nhạc dạo đầu.

Thi pháo xong, bác Bun-mi đưa các chiến sĩ ra ngoài sông dự cuộc thi thuyền.

Một chục thuyền đua đã đợi sẵn trên bờ. Thuyền đua cũng vẫn là những chiếc thuyền độc mộc nhưng thon và dài, mũi và đuôi đều cong vát. Mỗi thuyền có chỗ ngồi cho hai mươi tay chèo. Mọi người đều cởi trần, tay nắm chèo, mình đầy bắp thịt.

Tiểu đội trưởng Hưng xin phép bác Bun-mi cho các chiến sĩ cùng dự cuộc vui. Họ chia nhau xuống các thuyền, ngồi lẫn với trai làng.

Các thuyền sắp thành một hàng ngang trên mặt sông. Người chỉ huy đứng ở mũi thuyền. Mọi tay chèo đều sẵn sàng. Ai nấy đều chăm chăm nhìn bác Bun-mi chờ lệnh.

Bác Bun-mi nhặt dùi trống và dang rộng tay. Dưới thuyền, trai tráng nhồm cả lên, sẵn sàng.

Dùi vừa chạm mặt trống, hàng trăm mái chèo cùng chọc cả xuống sông và bắt đầu khoát nước. Bác Bun-mi thúc trống dồn dập, chèo càng khua nhanh, nước bạc bắn lên lấp lánh. Người chỉ huy đứng ở mũi thuyền, cúi lom khom, bắm hai tay vào không khí, miệng la hét thúc trai làng chèo cho nhanh và ăn nhịp. Thuyền lướt băng băng, trong lúc trên bờ tiếng hò reo và chiêng trống thúc âm ỉ.

Sau cuộc thi thuyền mọi người đi dự các cuộc thi võ, đấu lao, đấu gậy, bắn ná, đua voi và cưỡi ngựa bắt dừa.

Một quả dừa mới hái, bôi mỡ bóng nhoáng đặt trên một khúc gỗ cao ngang tầm thắt lưng, bên dưới là những chùm dừa bó từng ba quả một làm giải thưởng. Trai làng dắt đến những con ngựa Lào nhỏ nhắn nhưng nhanh thoăn thoắt và rất dai sức. Người nọ tiếp theo người kia, từ ông già, người trẻ cho đến những chú bé đứng chưa đến vai người lớn thi nhau nhảy lên mình ngựa. Họ nằm rạp trên lưng con vật, không yên không cương, điều khiển nó bằng tai và bờm, phi vút qua, cố ôm lấy quả dừa.

Các chiến sĩ cũng dự cuộc đua nhưng chẳng ai được thưởng: quả dừa trơn tuột, mới chạm phải đã truôi trong tay họ và lăn đi xa. Nhưng đối với người làng Vông-xay thì lại khác. Họ như sống từ thuở nhỏ trên lưng voi, ngựa. Họ thúc ngựa phi vùn vụt, nằm sát ngực trên mớ bờm dài và khi ngựa lướt đến khúc gỗ thì họ bỗng dùng hai chân kẹp chặt mình con vật, vờn người ra, lạng đi, hai tay hất quả dừa lên ngực và bắt chặt lấy.

Rồi họ kìm ngựa giữa tiếng hò reo, quay lại, thông thả đặt quả dừa bơi mỡ lên chỗ cũ. Sau đó, họ tự nhặt một túm dừa làm giải thưởng, trao ngựa cho người khác rồi rút dao phạt nùm dừa đến mời anh em bộ đội cùng uống.

Đợi cho các chiến sĩ uống xong, người chủ cuộc vui đến xoa thêm mỡ lên trái dừa và liền sau đó, một con ngựa khác lại phi tới.

Cuộc vui cứ thế kế tiếp nhau, kéo dài đến trưa.

Sau khi bữa rượu liên hoan đã tàn, làng Vông-xay làm lễ trao voi cho các chiến sĩ.

Ba con voi Bạc-heng, Bạc-mày và Sao-nội được tắm rửa sạch bóng, trang sức thật lộng lẫy. Hai con voi đực, mỗi con đeo sáu cặp vòng bạc lấp lánh ở đôi ngà. Còn Sao-nội vì không có ngà, được bác Thao Phêng kẹp cho hai mảnh lá đồng lấp lánh ở hai tai. Cả ba con voi cùng mang ngù hoa trên đầu, má bôi sơn thành những hình như một tấm thổ cẩm. Chúng quàng ở cổ một dây hoa rừng đủ màu sắc và những chiếc lục lạc sáng ngời, mang trên lưng những tấm đệm sỡ đầy tua xanh đỏ.

Theo mỗi bước chúng đi, dây tua rung rinh và lục lạc lanh lảnh reo vui. Chừng như biết được vẻ đẹp của mình, lũ voi trở nên vui vẻ khác thường. Chúng hít hơi bất cứ những ai lại gần chúng, khê cọ cái vòi nham nháp vào họ và chồm chộp cặp mắt nhỏ một cách sung sướng. Bác Bun-mi, bác Thao Phêng cùng các quản tượng trình trọng giơng chúng ra bãi voi làng trong nhịp khèn dùi dặt của hàng chục trai làng. Họ buộc mỗi con cạnh một chiếc bàn, trên có để một cây đèn lồng sáng loáng và một

kẹp lá dài như lá cọ. Đó là tập lá "bay lan", một thứ lá bền dai và mịn bóng, có rất nhiều trong các rừng Lào.

Từ bao lâu nay, "tiểu sử" của lũ voi nhà được người các làng voi ghi trên lá "bay lan" để truyền lại từ đời ông cha đến đời con cháu. Không phải người làng voi thiếu giấy nhưng họ đã quen dùng thứ lá rừng này từ ngàn xưa vì chỉ có nó mới giữ được bền, thích hợp với đời sống dài lâu của loài voi.

Bác Bun-mi lần lượt dẫn các chiến sĩ tới chỗ từng con voi, trước hết đến chỗ Bạc-heng. Bác đưa tập lá "bay lan" để trên bàn cho tiểu đội trưởng Hưng đọc.

Tập lá ghi con Bạc-heng bao nhiêu tuổi, về với người trong trường hợp nào, thái độ ngang tàng của nó sau cuộc săn bắt khi nó chưa quen với đời sống dưới làng. Tiếp đó, tập lá chép lại sự thay đổi tính nết của con voi, tên các quản tượng từ người rèn dạy đầu tiên đến những người thường đưa dắt nó trong các chuyến đi.

Những trang lá "bay lan" tiếp sau dành để ghi công trạng mà Bạc-heng đã giúp cho làng Vông-xay. Những trang ấy dài dằng dặc. Con voi đã dự hàng chục cuộc săn lớn, cứu người hai lần, bị thương ba lần, từng thồ hàng đi xa hơn một trăm chuyến và phá hoang cho làng Vông-xay mấy chục khoảnh ruộng và nương rẫy. Gần đây con Bạc-heng còn theo lũ voi làng đi chở súng đạn và lương thực cho bộ đội Ít-xa-lạ. Đó là những công việc vẻ vang, người ta ghi lại trong tập lá "bay lan" bằng những hàng chữ lớn.

Bác Bun-mi giở tập lá "bay lan", lấy cây kim nắn nót trích một hàng chữ to, viết tiếp "tiểu sử" của con Bạc-heng: "Hôm nay là ngày... tháng... năm... người làng Vông-xay tặng con Bạc-heng cho anh em bộ đội tình nguyện Việt Nam. Vậy viết giấy này làm bằng, trao con Bạc-heng cho các chủ mới".

Khi bác viết xong, một cô gái xinh đẹp bưng một chiếc khay tới, trên khay có một bát mực đen và một bát vỏ trấu. Bác Bun-mi lấy mực xoa vào hàng chữ, đợi cho khô rồi lấy một dúm trấu xát lên lá. Thế là hàng chữ đẹp đẽ nổi lên, đen nhánh trên nền lá đã được lau sạch mực.

Sau đó bác Bun-mi lại đưa các chiến sĩ đi viết tiếp trên những tập lá "bay lan" của Sao-nội và Bạc-mày. Sau khi viết xong cho con Bạc-mày, bác vỗ vào vôi nó và nói với đàn voi:

- Các con về ở với anh em cho vui vẻ nhé! Đừng luyến tiếc mãi làng Vông-xay nhé! Ở với anh em, các con sẽ được săn sóc cẩn thận, được đi mọi nơi, khác nào ngày xưa các con từng theo bầy đi lại khắp chốn núi rừng. Các con sẽ làm được nhiều việc có ích hơn khi còn ở làng ta.

Nói đến đây, bác Bun-mi mỉm lòng quay đi, thì thầm:

- Ta biết, rồi các con nhớ làng Vông-xay lắm! Nhất là cái con Bạc-heng ấy, thế nào nó cũng bỏ ăn bỏ uống mất thôi. Cái con Bạc-heng là ta biết tính nó lắm...

- Con Sao-nội thì cũng thế thôi – bác Thao Phêng bùi ngùi nói theo. – Có khi nó bỏ cả tuần đấy. Những ngày nó bỏ ăn, ai

Sơn cho nó thêm vài bánh đường, bồi bổ cho nó nhé. Đừng quên mà nó gầy đi...

Bác Bun-mi đứng lặng hồi lâu rồi tần ngần nói với các chiến sĩ:

- Lẽ ra tôi chẳng còn điều gì nói thêm với anh em. Anh em đã biết phải đối xử với bầy voi như thế nào rồi. Nhưng đời làm việc của con voi dài lắm, chúng còn có thể làm việc được ba, bốn mươi năm nữa. Rồi anh em sẽ già đi, một lớp quản tượng mới sẽ thay anh em. Lúc đó đừng quên dặn lại họ những điều mà anh em đã từng biết.

Tiểu đội trưởng Hưng nắm lấy hai tay bác Bun-mi trong hai tay anh, lắc mãi:

- Bác ơi, chúng tôi hứa làm đúng lời bác dặn. Chúng tôi và những người sau này thay thế chúng tôi sẽ hết lòng quý trọng bầy voi, coi bầy voi như đồng đội của mình.

Bác Bun-mi từng thấy các chiến sĩ chăm lo giúp đỡ cho nhau, từ trong công việc cho tới lúc ăn ngủ, ốm đau. Bác đã hiểu tình đồng đội là thế nào.

Sau khi dặn các chiến sĩ, bác Bun-mi dắt họ cùng đứng lên một bụi gỗ. Bác xua tay cho mọi người yên lặng:

- Bà con làng Vòng-xay! Tôi xin thay mặt bà con, trao ba con voi này cho anh em bộ đội tình nguyện Việt Nam.

Bác trao ba tập lá "bay lan" và ba cây đồng cho các chiến sĩ.

- Cặp sách và cây đồng để điều khiển chúng đây, anh em hãy nhận lấy. Từ nay đàn voi không còn xa lạ nữa, chúng là những

người thân của anh em. Mong rằng đàn voi sẽ giúp anh em được nhiều việc, cùng với anh em lập được nhiều chiến công.

Các chiến sĩ ôm tất cả những thứ đó vào lòng. Tiểu đội trưởng Hưng sôi nổi nói:

- Bộ đội Tình nguyện cảm ơn bà con làng Vông-xay. Bà con đã tặng anh em những món quà rất quý, giúp anh em hoàn thành nhiệm vụ. Anh em sẽ nỗ lực cùng bà con đánh đuổi Phalăng, dù phải hy sinh cho nền độc lập của hai nước Việt Lào cũng không tiếc.

Người làng Vông-xay vỗ tay hò reo. Những người trong dàn nhạc thì đập bung bung lên mặt trống để hoan nghênh các chiến sĩ.

Đợi cho tiếng hò reo đã ngớt, bác Bun-mi nói tiếp:

- Anh em phải luôn gửi tin cho làng Vông-xay nhé. Nếu anh em và đàn voi mà lập được chiến công thì phải gửi ngay tin về. Bao giờ có dịp thì giong bầy voi cho chúng về thăm làng cũ.

Nói xong, bác đến bên từng con voi, ra lệnh cho quản tượng tháo xích khỏi chân nó. Phường nhạc nổi nhạc. Trống vỗ bập bùng hòa với âm thanh dập dìu của những cây khèn và những chiếc đàn thuyền.

Bác Bun-mi trầm trầm cất giọng hát:

Phủ phui!

Cái xiềng cái xích

Đem vứt xuống sông

Cho voi thông dong

Về theo chủ mới

Lũ voi sung sướng đập đập những cái chân đã được tự do trong lúc các quản tượng đi theo bác Bun-mi gõ loảng xoảng vào đồng xích và cùng hát theo.

Voi đừng ngại núi

Voi đừng ngại rừng

Theo chủ lên đường

Voi đi đây đó.

Đường xa, gian khổ

Có chủ voi thương

Chở quản năng sương

Hết lòng hết sức...

Vào lúc đó, các cô gái làng Vông-xay mang đến cho lũ voi những thức ăn ngon, thết đãi chúng lần cuối cùng.

Thật là một bữa tiệc to: mỗi con được hai mươi miếng đường đen, mười quả bí đỏ, một trăm bắp ngô cùng cùi và nước của hai mươi quả dừa. Đàn voi quơ vòi lên khi nhận quà. Rồi con nào cũng vội vã hít thức ăn, đưa vào mồm nhai ngon lành.

Khi chúng ăn xong, các chiến sĩ đóng bành, mời người già và tất cả lũ trẻ cùng các cô gái trong làng lên lưng voi. Người ngồi chật ních ba chiếc bành. Nhiều người không có chỗ, phải đứng lên lưng voi, tay nắm lấy khung bành, hoặc ôm lấy lưng người đứng trước.

Các chiến sĩ cho voi đi diễu quanh làng mấy vòng. Đàn voi bước hăm hở, vòi đung đưa, tai không ngừng quạt quạt trong lúc lũ trẻ và các cô gái vỗ nhịp vào bành, hát vang:

Cái xiềng các xích

Đem vứt xuống sông

Cho voi thông dong

Về theo chủ mới...

Chưa bao giờ làng Vông-xay vui như trong những ngày ấy! Trừ mấy bữa ăn, hầu như lúc nào cũng thấy mọi người ở ngoài bãi hội. Thế mà vẫn chưa đủ. Buổi tối, sau lễ diễu voi, người làng còn tổ chức một đêm "lăm vông".

Ba bốn chục cây nến trám to bằng bắp tay được buộc chéo trên những chiếc gậy cắm ở giữa bãi. Bãi hội thật huy hoàng. Nến cháy rực, tỏa khói và tỏa mùi nhựa thơm ngào ngạt.

Từ những ông bà lão già nua đến các em bé mới chập chững biết đi, tất cả cùng tới dự tối vui chia tay. Các cô gái lại thay quần áo mới: họ là những người chủ chốt của đêm hội. Cô nào cũng mặc bộ xiêm áo đẹp nhất, được ướp hoa từ mấy hôm trước nên thơm phức.

Nhạc nổi thâu đêm. Từng đợt, từng đợt, các cô gái múa theo tiếng nhạc, nhịp nhàng đi đến trước mặt các chiến sĩ, đứng lại, buông tay và cúi đầu mời. Sống ở làng Vông-xay, từng dự biết bao đêm vui nên các chiến sĩ ai nấy đều đã múa quen. Họ vui vẻ nhận lời mời, múa với các cô gái hết đợt này đến đợt khác.

Hôm sau, lũ voi được các quản tượng đóng bánh và dẫn đến nhà bác Bun-mi từ sớm. Vòng bạc và các đệm tua đã được cất đi, các dấu hóa trang được rửa sạch, chúng lại trở thành những con voi của công việc, của những chuyến đi dài. Chúng phủ phục một hàng ở trước hiên nhà.

Người làng Vông-xay lần lượt mang quà đến cho các chiến sĩ. Họ xúm đông quanh lũ voi, đặt lên bánh voi đủ thứ: gạo, thịt, hoa quả để ăn đường, những vật kỷ niệm, từ những bức tượng nhỏ gọt bằng gỗ mun, những chiếc khèn ghép bằng ống sậy, những con dao rừng sắc như nước đến những tấm phá, tấm đệm dày những đường thêu đẹp mắt. Họ không quên phần cho lũ voi: có gia đình chất lên bánh những bó mía đã chặt thành từng tấm, dăm ba nải chuối, vài gói đường phen. Trong lúc chờ đợi các chiến sĩ lên đường, nhiều người cho chúng ăn. Họ vừa âu yếm đưa thức ăn lên mồm chúng, vừa thì thầm với chúng những lời cuối cùng.

Khi lũ voi đứng dậy thì đám người trở nên ồn ào. Mọi người lưu luyến chào những kẻ ra đi và cố nói to để lời chúc của mình được nghe thấy. Lưu luyến hơn cả là các cô gái, các em nhỏ, là Khăm-phay, Chăm-pa. Thế là các chiến sĩ đi rồi, làng bản lại vắng. Các buổi trưa lại trống trải, buồn tênh. Nhưng chẳng thể giữ họ ở lại được: công việc đang chờ họ.

Khăm-phay dặn, giọng lạnh lạnh nổi trên tiếng chào của mọi người:

- Trông con voi của nhà em cẩn thận nhé! Phải đưa nó về thăm em luôn đấy.

Cô bé Chăm-pa hỏi:

- Bao giờ các anh đưa đàn voi về thăm làng Vông-xay?

- Mùa me sang năm nhé! – Các chiến sĩ tươi cười, hẹn.

Cô bé nhớ lại những buổi ăn chua và những câu chuyện từng đem đến cho cô và các bạn của cô bao điều kỳ lạ. Cô hớn hở nói:

- Nhớ đấy! Mùa hè sang năm mời các anh trở lại ăn chua và kể chuyện đường xa.

*

Bác Bun-mi, bác Thao Phêng cùng các quản tượng làng Vông-xay giong ba con voi, tiễn các chiến sĩ lên đường.

Bấy giờ là mùa thu năm 1948. Pha-lăng đang mở những trận càn quét để ngăn chặn các cuộc tiến công thu đông của bộ đội Ít-xa-là và bộ đội Tình nguyện. Con đường cũ không đi được nữa, những người quản tượng đưa các chiến sĩ đi về phía đông. Họ dẫn các chiến sĩ lên tận con đường của các bầy voi hoang rồi mới trở về.

Con đường rộng lớn ấy chạy dài suốt dọc Trường Sơn. Các chiến sĩ chỉ việc theo đường, ngược lên phía bắc để trở về căn cứ.

Có lũ voi, đường về không còn gian nan như khi vượt Trường Sơn với ông già Cao. Suốt ngày, họ ngồi gà gật trên bành, mặc cho lũ voi dừng đỉnh bước theo con đường xưa kia chúng từng quen thuộc. Ban đêm, họ ngừng lại bên một bờ suối. Mấy bay địch bay lượn suốt đêm, tìm những đốm lửa giữa

rừng. Vì thế các chiến sĩ không ngủ lửa. Họ vun một nệm lá rồi buộc voi chung quanh.

Lũ voi trở lại rừng hoang, đêm đêm đã bớt ngủ. Chúng thức tỉnh, tỉnh thoảng lại vươn vòi lên tìm hơi lạ, trông coi giấc ngủ cho người.

Đường về trót lọt nhưng các chiến sĩ đều không vui. Người không vui hơn cả là Sơn.

Từ mấy tháng trước, họ đã xếp đặt bao nhiêu dự định. Họ sẽ gióng cả đàn voi tới chào ông già Cao. Trước hết, trên đường về, họ sẽ ghé thăm bà mẹ và cô gái Lào. Vui biết mấy, buổi gặp gỡ với những người có ân tình với họ. Họ muốn dành cho những người ấy đủ chuyện bất ngờ... Lũ voi rầm rập đi vào làng. "Cái gì thế? Cái gì mà rộn ràng thế?" Bà mẹ và cô gái sẽ hỏi nhau, rồi chạy ra đứng nhìn ở ngoài sà... Quản tượng Sơn hô to... Lũ voi nhịp nhàng quỳ xuống, khua khua vòi lên trời rồi lại nhịp nhàng đứng lên chào khách... "Phạ ới! Tưởng người nào, hóa ra là ai Sơn..." – Cô gái sẽ kêu lên và chạy xuống sà đón họ.

Các chiến sĩ sẽ ăn một bữa cơm vui vẻ ở nhà cô gái. Họ sẽ cùng người làng tổ chức một tối "lăm vông". Họ sẽ tặng bà mẹ và cô gái tất cả những món quà mà người làng Vông-xay tặng cho họ. Họ dự định bao nhiêu điều tốt đẹp. Nhưng Pha-lăng làm những dự định của họ không thành.

- Chẳng hề gì! – Tiểu đội trưởng Hưng an ủi Sơn. – Thế nào ta cũng đưa được đàn voi đến chào ông già Cao. Còn bao giờ bình yên, ta sẽ đưa đàn voi tới đó.

Phải, bao giờ bình yên... Các chiến sĩ sẽ đưa đàn voi tới thăm bà mẹ và cô gái Lào. Họ sẽ thực hiện mọi điều mà họ từng xếp đặt.

Hà Nội tháng 7 năm 1976

- * Nậm Khoỏng: sông Mêkông.
- * Hoa Chămpa: hoa đại.
- * Cuối thế kỉ 18, đề đốc Lê Trực hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi, dấy quân chống Pháp xâm lược ở vùng Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.
- * Một thứ vải đàn ông quần quanh hông như váy.
- * Ông chủ tịch.
- * Không biết múa. Không biết.
- * Bộ đội Tình nguyện Việt Nam.
- * Quan lớn
- * Người Lào ăn Tết vào giữa tháng tư dương lịch.
- * Lào Việt đoàn kết.